

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐỀ TÀI**  
**ĐIỀU TRA, SƯ TẮM TƯ LIỆU LỊCH SỬ, VĂN HOÁ**  
**QUẢNG BÌNH TRƯỚC NĂM 1975**



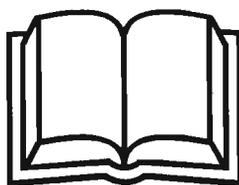
*Chủ nhiệm đề tài: CN Trần Anh Tuấn*  
*Cơ quan chủ trì đề tài: Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình*

*Đông Hới, năm 2008*

BẢO TÀNG TỔNG HỢP QUẢNG BÌNH

----- 000 -----

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐỀ TÀI**  
**ĐIỀU TRA, SƯU TẦM TƯ LIỆU LỊCH SỬ, VĂN HOÁ**  
**QUẢNG BÌNH TRƯỚC NĂM 1975**



*Chủ nhiệm đề tài: CN Trần Anh Tuấn*  
*Cơ quan chủ trì đề tài: Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình.*

Đồng Hới, năm 2008

# MỤC LỤC

## *PHẦN A*

### THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

## *PHẦN B*

### NỘI DUNG KHOA HỌC CỦA ĐỀ TÀI

1. Sự cần thiết và tính cấp bách của đề tài
2. Lịch sử nghiên cứu liên quan đến đề tài
  - 2.1: Trên thế giới
  - 2.2: Ở Việt Nam
  - 2.3: Ở Quảng Bình
3. Mục tiêu của đề tài
4. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu
  - 4.1: Đối tượng và phạm vi điều tra, sưu tầm
  - 4.2: Tiêu chí khoa học
  - 4.3: Phương pháp nghiên cứu
  - 4.4: Những đóng góp mới của đề tài
  - 4.5: Kết cấu của đề tài

## *CHƯƠNG I*

### KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ, LỊCH SỬ, VĂN HOÁ QUẢNG BÌNH

#### **I/ Đặc điểm về địa lý tự nhiên**

1. Vị trí địa lý
2. Địa hình Quảng Bình
3. Tài nguyên thiên nhiên
4. Dân số và lao động Quảng Bình

#### **II/ Khái quát đặc điểm lịch sử, văn hoá Quảng Bình**

1. Về lịch sử địa lý hành chính
2. Các nền văn hoá cổ để lại dấu tích trên đất Quảng Bình
3. Truyền thống lịch sử, văn hoá Quảng Bình
  - 3.1: Truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm

*CHƯƠNG II*

**ĐIỀU TRA, SƯU TẦM ẢNH TƯ LIỆU VỀ LỊCH SỬ, VĂN HOÁ  
VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI QUẢNG BÌNH TRƯỚC NĂM 1975** 16

**I/ Đời sống sinh hoạt của cư dân Quảng Bình** 16

1. Những tập quán trong sinh hoạt, ẩm thực và trang phục của cư dân Quảng Bình 16
2. Những phong tục, tập quán và tín ngưỡng dân gian 23
3. Di tích lịch sử văn hoá 26
4. Ảnh đấu tranh chống thiên tai, bão lụt 28
5. Ảnh về nghề truyền thống và thành tựu kinh tế 29

**II/ Ảnh tư liệu Quảng Bình trong chiến đấu và xây dựng  
(1945 -1975)** 30

1. Ảnh thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954 31
  - 1.1: Ảnh về tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp 32
  - 1.2: Ảnh các trận tập kích đánh đồn diệt địch của quân dân ta 32
  - 1.3: Phong trào rào làng chiến đấu 33
  - 1.4: Đẩy mạnh sản xuất, làm tốt công tác vận tải, thông tin liên lạc phục vụ kháng chiến 34
  - 1.5: Xây dựng chiến khu, thành lập các đơn vị vũ trang, hoạt động của các cấp, các ngành trong kháng chiến 34
  - 1.6: Tiếp quản Đồng Hới; Chân dung các anh hùng và các đồng chí lãnh đạo tỉnh trong kháng chiến 35
2. Thời kỳ kiến thiết và xây dựng Quảng Bình (1955 - 1964) 36
  - 2.1: Tình hình Quảng Bình thời kỳ 1955 - 1964 36
  - 2.2: Kết quả điều tra sưu tầm tư liệu ảnh thời kỳ 1955 - 1964 37
    - 2.2.1: Sưu tập ảnh tư liệu về sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương, của Bác Hồ đối với Quảng Bình 38
    - 2.2.2: Giá trị sưu tập ảnh tư liệu về phong trào hợp tác hoá, khôi phục và phát triển kinh tế trong 10 năm hoà bình 40
    - 2.2.3: Giá trị sưu tập ảnh tư liệu về đấu tranh thống nhất,

chống chiến tranh biệt kích, sẵn sàng chiến đấu với mọi âm mưu gây chiến tranh phá hoại của kẻ địch	41
2.2.4: Một số hình ảnh về văn hoá - xã hội	43
3. Thời kỳ chống Mỹ cứu nước năm 1964 - 1975	45
3.1: Quân dân Quảng Bình chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ	46
3.2: Công tác phòng tránh, phục vụ chiến đấu chống máy bay địch phá hoại	47
3.3: Mặt trận giao thông vận tải, đoàn 559 và Đường Trường Sơn ở Quảng Bình	48
3.4: Sơ tập ảnh về các lĩnh vực sản xuất Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Ngư nghiệp, Thuỷ lợi thời kỳ kháng chiến chống Mỹ	50
3.5: <i>Trên</i> mặt trận tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp và xây dựng	51
3.6: Ảnh về Văn hoá - Giáo dục - Y tế và Thể dục thể thao	53
3.7: Hoạt động giúp đỡ nước bạn Lào và con em Quảng Bình tại một số nước xã hội chủ nghĩa (1964 - 1975)	55
3.8: Ảnh về các Đại hội, Hội nghị và một số anh hùng, chiến sĩ thi đua trong thời kỳ chống Mỹ	56
3.9: Ảnh các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Quốc tế đến thăm tỉnh Quảng Bình thời kỳ chống Mỹ	61
3.10: Ảnh về máy bay và phi công Mỹ trong chiến tranh phá hoại	62
3.11: Ảnh về tội ác của đế quốc Mỹ đối với nhân dân Quảng Bình	63

### *CHƯƠNG III*

#### **ĐIỀU TRA, SƯU TẦM CÁC LOẠI TƯ LIỆU GIẤY VỀ QUẢNG BÌNH TRƯỚC NĂM 1975**

1. Xác định đúng ý nghĩa, tầm quan trọng của tư liệu Chữ viết trong di sản văn hoá, lịch sử dân tộc	65
2. Khảo sát, phân tích tư liệu giấy trước 1975 hiện tồn ở Quảng Bình	66
2.1: Phân loại tư liệu giấy nói chung	66
2.2: Tư liệu chữ viết có ở Bảo tàng và Thư viện Quảng Bình	

theo phân loại	67
2.3: Khảo sát, phân tích nguồn tư liệu chữ viết (trên giấy) có trước 1975 ở Bảo tàng, Thư viện, các cơ sở Lưu trữ, trong dân gian trên địa bàn Quảng Bình và một số nơi khác	67
2.3.1: Ở Bảo tàng Quảng Bình:	67
2.3.2 Tư liệu chữ viết trước 1975 có ở Thư viện Quảng Bình	71
2.3.3: Ở các kho lưu trữ của cơ quan Đảng, chính quyền tỉnh	73
2.3.4: Tư liệu giấy hiện tồn trong nhân dân	73
3. Giá trị các tài liệu thành văn, tư liệu giấy	75
3.1: Các tài liệu cổ	75
3.2: Thời kỳ thực dân Pháp xâm lược nước ta	76
3.3: Các tài liệu sau Cách mạng tháng Tám 1945	77
3.4: Thời kỳ hoà bình lập lại 1954 - 1965	84
3.5: Các tài liệu trong thời gian chống Mỹ cứu nước	87
<b><i>PHẦN C</i></b>	
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</b>	94
<b>Tài liệu tham khảo</b>	96

**PHẦN A**

**THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI**

**1. Tên đề tài:** “**ĐIỀU TRA, SƯU TẦM TƯ LIỆU LỊCH SỬ, VĂN HOÁ  
TỈNH QUẢNG BÌNH TRƯỚC NĂM 1975**”.

**2. Chủ nhiệm đề tài:** **Trần Anh Tuấn**

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Sử học

Nơi công tác: Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: Cơ quan: 052.3822653; Nhà riêng: 052.3820858

**3. Cơ quan chủ trì đề tài.**

**Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Quảng Bình**

Địa chỉ: Đường Hùng Vương, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 052.3822653 – 052.3841824.

**4. Những người tham gia chính.**

① **T.S. Phan Việt Dũng**

② **C.N. Trương Tấn Minh**

③ **C.N. Phạm Văn Chuyết**

④ **C.N. Nguyễn Mạnh Hậu**

⑤ **C.N. Trần Thị Diệu Hồng**

**5. Thời gian thực hiện:** 18 tháng, kể từ tháng 6/2007 đến tháng 12/2008.

## PHẦN B

# NỘI DUNG KHOA HỌC CỦA ĐỀ TÀI

### 1. Sự cần thiết và tính cấp bách của đề tài.

Xuất phát từ nhận thức lý luận và thực tiễn đặt ra là tư liệu lịch sử, văn hoá là hệ thống các sản phẩm văn hoá do con người sáng tạo ra trong suốt tiến trình lịch sử xây dựng và phát triển đất nước. Tổ chức UNESCO cũng cho rằng: “Văn hoá là sự phản ánh và thể hiện một cách tổng quát sống động mọi mặt của cuộc sống đã diễn ra trong quá khứ, cũng như đang diễn ra trong hiện tại qua hàng bao thế kỷ, nó đã cấu thành nên một hệ thống các giá trị, truyền thống, thẩm mỹ và lối sống mà dựa trên đó từng dân tộc tự khẳng định bản sắc riêng của mình”.<sup>1</sup>

Tổ chức UNESCO cũng cho rằng văn hoá đứng ở vị trí trung tâm và đóng vai trò điều tiết sự phát triển.

Quan điểm của Đảng ta:

Văn hoá Việt Nam là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do cộng đồng các dân tộc Việt Nam sáng tạo ra trong quá trình dựng nước và giữ nước; Đảng ta coi văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội; Mục tiêu hiện nay được đặt ra là xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Đề cao vai trò, yếu tố xây dựng con người Việt Nam; Bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản văn hoá dân tộc. (*Nghị quyết Hội nghị BCH TW lần thứ 5, khoá VIII*)

Vấn đề đặt ra: Cuộc sống lao động, sáng tạo của con người Quảng Bình trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc đã để lại đời sau những di sản văn hoá quý báu làm hình thành nên lối sống, những phong tục tập quán và những truyền thống lịch sử tốt đẹp. Có thể nói đó là những giá trị văn hoá đặc sắc, tiêu biểu của vùng đất, con người Quảng Bình cần được bảo tồn gìn giữ lâu dài cho các thế hệ mai sau.

Thực tế của cuộc sống hiện tại: Những tư liệu lịch sử, văn hoá có trước năm 1975 tuy rất đa dạng phong phú về loại hình và phân bố rộng khắp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh, nhưng sự xuống cấp, hư hại và mất mát đã diễn ra thường xuyên và liên tục nhất là trong tình hình phát triển kinh tế nhiều thành phần hiện nay thì sự xuống cấp và mất mát xảy ra càng nhanh chóng và mạnh mẽ ở hầu khắp các vùng từ nông thôn đến thành thị.

Vì vậy vấn đề đặt ra là phải tiến hành gấp việc điều tra, sưu tầm các loại hình tư liệu lịch sử, văn hoá để tránh nguy cơ tổn hại nói tên và nhằm mục đích xây dựng nguồn tư liệu lịch sử, văn hoá bổ sung vào hệ thống kho tư liệu hiện đang có được ở địa phương làm cơ sở khoa học giúp các đơn vị, địa phương và các cấp, ngành liên

---

<sup>1</sup> Trích trong bài phát biểu của Tổng giám đốc UNESCO, F..Mayor nhân dịp lễ Phát động thập kỷ quốc tế phát triển văn hoá tại Pa ri ngày 21/01/1988.

quan sử dụng trong việc tìm hiểu lịch sử, truyền thống văn hoá lâu đời của mảnh đất con người Quảng Bình. Góp phần đắc lực vào việc tạo nguồn lực cho phát triển ngành du lịch, văn hoá và mở rộng việc giao lưu văn hoá với bên ngoài.

## **2. Lịch sử nghiên cứu liên quan đến đề tài.**

### ***Tình hình nghiên cứu, sưu tầm tư liệu lịch sử, văn hoá:***

#### ***2.1) Trên thế giới:***

Tại nhiều nước trên các châu lục thế giới, việc nghiên cứu, điều tra, khảo sát và sưu tầm tập hợp các nguồn tài liệu liên quan đến lịch sử, văn hoá quốc gia đều được tiến hành một cách khoa học và cơ bản. Tại nhiều nước, người ta cho thành lập các trung tâm, cơ quan chuyên trách chăm lo việc sưu tầm các loại hình tư liệu lịch sử, văn hoá, nhất là những tư liệu về ảnh chụp và tài liệu có chữ viết liên quan đến lịch sử đất nước, vùng đất, dòng họ, hay một sự kiện, nhân vật quan trọng đều được gìn giữ và bảo tồn lâu dài trong các nhà thờ, tu viện, Bảo tàng, Thư viện, trường học... Những tư liệu này đã trở thành một phần máu thịt của đất nước và con người vùng đất hay một nhân vật có danh tiếng.

#### ***2.2) Ở Việt Nam:***

Việc tìm hiểu và sưu tầm các loại sách, chủ yếu là sách Nho học đã được thế hệ các nhà Nho trước đây quan tâm, song cũng chỉ có ở một số rất ít người có điều kiện và tinh thông Hán học, họ thường kết hợp với việc sưu tầm, mua và trưng bày các loại đồ cổ chủ yếu là đồ gốm sứ do trung Quốc sang bán ở Việt Nam. Lúc bấy giờ nghề chụp ảnh và chơi ảnh chưa ra đời.

Vào những năm 30 thế kỷ XIX, Daguer người Pháp đã phát minh ra máy chụp ảnh, sau đó 2 ông Tabon (Anh) và Daguer (Pháp) hoàn chỉnh chiếc máy ảnh và năm 1839 những tấm ảnh đầu tiên trên giấy ra đời khẳng định được sự ra đời của nhiếp ảnh thế giới. Kỹ thuật nhiếp ảnh ngày càng phát triển mạnh, từ chỗ chỉ có ở một vài nước, thì sau đó đã lan ra nhiều nơi trên thế giới và đóng góp to lớn vào nhiều lĩnh vực khoa học, kinh tế và đời sống con người trên khắp hành tinh.

Công nghệ chụp ảnh du nhập vào nước ta đã thúc đẩy nhu cầu chụp ảnh ngày càng phát triển, lúc này không chỉ người nước ngoài sinh sống ở Việt Nam chụp ảnh nữa mà nhiều người Việt thuộc giới thượng lưu ở các đô thị cũng có nhu cầu về ảnh ngày càng nhiều. Bước sang thế kỷ XX vùng với sự phát triển của công nghệ ảnh, làm xuất hiện ở Việt Nam những nhà nhiếp ảnh tài tử, họ thoát ly ra khỏi các hiệu ảnh đi vào cuộc sống xã hội, cảnh vật thiên nhiên kỳ thú, những bức ảnh mang tính nghệ thuật và phóng sự được ra đời ghi lại những sự kiện lịch sử, chính trị, quân sự, văn hoá... nhiếp ảnh ngày càng đến gần và trở thành ngôn ngữ quan trọng của báo chí. Ảnh xuất hiện ngày càng nhiều trên các tờ báo.

Một điều đáng quan tâm ở đây là trong thời kỳ hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ đã có nhiều nhà báo, phóng viên nhiếp ảnh của các cơ quan báo chí thông tin ở Trung ương như: Thông tấn xã Việt Nam, Báo Nhân dân, Báo Quân đội,

Bảo ảnh Việt Nam... cùng với các phóng viên các tỉnh bạn đã đến công tác, làm việc tại Quảng Bình và ghi lại nhiều tấm ảnh rất có giá trị trên các phương diện lịch sử, chính trị, quân sự, văn hoá, xã hội... Bên cạnh các bộ ảnh là các tài liệu, hiện vật giấy liên quan đến mảnh đất, con người Quảng Bình cũng được tập hợp và lưu trữ tại các trung tâm lưu trữ lớn của quốc gia ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và ở Huế...

### **2.3) Ở Quảng Bình:**

Việc tiến hành điều tra, sưu tầm các loại hình tài liệu lịch sử, văn hoá Quảng Bình trước đây và hiện nay đã được một số cơ quan Nhà nước, các tổ chức và cá nhân các nhà khoa học trong nước tiến hành. Nhìn chung các hoạt động điều tra, sưu tầm đang ở mức độ nhỏ lẻ, thiếu tính hệ thống đồng bộ toàn diện. Các hoạt động điều tra, sưu tầm tư liệu lịch sử, văn hoá đáng kể nhất là các đợt sưu tầm hiện vật, tài liệu phục vụ cho công tác bảo tồn, cũng như trưng bày triển lãm trong Bảo tàng do ngành văn hoá tổ chức vào những thập niên cuối thế kỷ XX mà kết quả đã sưu tầm được khoảng gần 3000 hình ảnh, hiện vật, tài liệu giấy có giá trị phục vụ cho việc nghiên cứu và hoạt động Bảo tàng.

Vào những năm cuối thế kỷ XX và đầu XXI, Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Quảng Bình đã tổ chức một số cuộc điều tra, sưu tầm và sưu tầm được thêm khoảng 2000 ảnh, tư liệu nữa để bổ sung cho hệ thống tư liệu hiện có trong kho cơ sở Bảo tàng.

Nhìn chung các cuộc điều tra, sưu tầm được thực hiện trong nhiều năm qua mới chỉ chú trọng đến việc sưu tầm các hiện vật lịch sử bằng thể khối mà chưa chú ý đến việc sưu tầm các ảnh và tư liệu giấy. Vì vậy số lượng tư liệu (ảnh, tư liệu giấy) không nhiều và còn nhiều khoảng trống cần được bù đắp. Một số đơn vị, địa phương, cá nhân có thực hiện sưu tầm nhưng cũng chỉ mới dừng ở việc phục vụ cho một công việc có phạm vi hạn chế, nhỏ hẹp liên quan trực tiếp đến các hoạt động đặc thù chuyên môn cụ thể mà đơn vị sưu tầm quan tâm, chưa mở rộng ra đến các lĩnh vực khác trong xã hội. Tuy vậy những tư liệu (ảnh, tư liệu giấy) thu thập được trong các hoạt động nói trên đã để lại cho tỉnh một nguồn tư liệu, sử liệu có giá trị lịch sử, văn hoá đáng trân trọng, cần được gìn giữ bảo tồn lâu dài.

Hiện nay, qua tìm hiểu chúng tôi thấy vẫn còn một số lượng đáng kể các thể loại ảnh tư liệu, tư liệu và hiện vật giấy còn nằm tản mạn, rải rác trong các cơ quan Nhà nước, gia đình nhân dân, cần thiết được điều tra, sưu tầm, nghiên cứu bổ sung cho nguồn tư liệu lịch sử, văn hoá tỉnh nhà hiện có thêm phần đầy đủ và phong phú.

Từ thực tế tình hình trên đây, việc xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện đề tài “Điều tra, sưu tầm, tư liệu lịch sử, văn hoá Quảng Bình trước năm 1975” là việc làm cấp thiết, càng sớm càng tốt để nguồn tư liệu quý hiện có được bảo tồn và gìn giữ lâu dài.

### **3. Mục tiêu của đề tài.**

Điều tra, sưu tầm theo phương pháp khoa học một cách toàn diện, có hệ thống các nguồn tư liệu lịch sử, văn hoá hiện còn tồn lưu trên địa bàn toàn tỉnh

Quảng Bình và mở rộng diện điều tra thêm một vài địa phương trong cả nước có người Quảng Bình đến sinh sống và làm việc như: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Huế... để có được một cách nhìn tổng thể toàn diện về diện mạo lịch sử, văn hoá vùng đất, con người Quảng Bình trước năm 1975.

Trên cơ sở hệ thống các nguồn tư liệu thu thập được qua các cuộc điều tra, sưu tầm sẽ tiến hành quá trình xử lý khoa học để bổ sung vào nguồn tư liệu hiện có của tỉnh nhà trên cơ sở phân loại theo nhóm, các chủ đề, vấn đề liên quan làm cơ sở dữ liệu giúp cho các đơn vị, địa phương trong và ngoài tỉnh thuận tiện cho việc khai thác, sử dụng vào các mục đích như tìm hiểu lịch sử, truyền thống văn hoá lâu đời của vùng đất, con người Quảng Bình. Góp phần vào việc phát triển ngành du lịch văn hoá và mở rộng giao lưu văn hoá với bên ngoài.

#### **4. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu.**

Trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu về chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về phát triển văn hoá, các văn bản về Luật Di sản văn hoá, kết hợp với tình hình thực tế của địa phương, để tiến hành tổ chức các cuộc điều tra, điền dã tại các địa bàn được xác định: Các địa phương thuộc 6 huyện và thành phố Đồng Hới, một số đơn vị có liên quan như các cơ quan lưu trữ của Trung ương và của tỉnh, một số Bảo tàng Trung ương, Bảo tàng tỉnh có lưu trữ tư liệu về Quảng Bình; Ngoài ra mở rộng thêm một số thành phố có người Quảng Bình sinh sống và làm việc như: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Huế... Mục tiêu chủ yếu tập trung điều tra, sưu tầm trên địa bàn thuộc các cơ quan, phường xã thuộc thành phố Đồng Hới. Vì đây là nơi còn lưu giữ một số lượng lớn nhất các tư liệu lịch sử, văn hoá trước năm 1975.

- Sưu tầm, sao chụp các ảnh tư liệu, các loại tài liệu bằng chất liệu giấy, hiện vật giấy còn được lưu giữ trong các gia đình.

Tiến hành công tác kiểm kê khoa học tài liệu thu thập được: Vào biên mục đánh số, biểu mẫu thống kê, ghi chép nội dung lịch sử, văn hoá, nghệ thuật liên quan đến tư liệu; Nghiên cứu phân loại, đánh số cho từng loại tư liệu, hiện vật.

##### **4.1) Đối tượng và phạm vi điều tra, sưu tầm.**

Toàn bộ các loại hình tư liệu lịch sử, văn hoá có mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và một số địa phương ngoài tỉnh đã được xác định như phần đã nêu trên đây.

Phạm vi điều tra, sưu tầm được giới hạn là những tư liệu lịch sử, văn hoá được tồn tại dưới dạng ảnh chụp, tư liệu giấy mang nội dung thông tin về lịch sử, văn hoá truyền thống được lưu giữ nơi đây qua các thời kỳ lịch sử trước năm 1975.

##### **4.2) Tiêu chí khoa học.**

Hệ thống các loại hình tư liệu lịch sử, văn hoá được sưu tầm là những bức ảnh chụp (chụp lại ảnh gốc) các bản sao chép các tài liệu giấy, có nguồn gốc rõ ràng, có nội dung cụ thể, có nhân vật, sự kiện, địa điểm, thời gian chụp ảnh, tác giả

chụp nên bức ảnh. Các tư liệu ảnh chụp và tư liệu giấy phải phản ánh được các chủ đề mà nội dung đề tài đặt ra đó là truyền thống văn hoá lâu đời và đặc sắc của vùng đất, con người Quảng Bình qua các thời kỳ lịch sử trước năm 1975; Truyền thống lịch sử yêu nước, truyền thống đấu tranh Cách mạng bảo vệ quê hương, đất nước của con người Quảng Bình; Những thành tích tiêu biểu có được trong công cuộc lao động sáng tạo, xây dựng và bảo vệ quê hương Quảng Bình.

#### **4.3) Phương pháp nghiên cứu.**

- Điều tra điền dã tại các đơn vị địa phương có nguồn tư liệu cần thiết phục vụ cho các nội dung chủ đề của đề tài.

Sử dụng phương pháp đối chiếu, so sánh, chọn lọc từ các nguồn tài liệu để rút ra những tư liệu cần thiết, đúng theo các tiêu chí mà đề tài đặt ra.

Sử dụng phương pháp thống kê, phân loại tư liệu theo các chủ đề vấn đề được xác định.

Sử dụng kỹ thuật, công nghệ chụp ảnh số, sao chép photocopy các tư liệu, các tài liệu giấy do không thể sưu tầm được hiện vật tài liệu gốc hay ảnh gốc.

- Ghi chép các nội dung, thông tin về tư liệu, vào sổ sách biên mục các tư liệu theo phương pháp khoa học đã được thống nhất.

#### **4.4) Những đóng góp mới của đề tài.**

Hệ thống được một cách tương đối đầy đủ và toàn diện vốn tư liệu lịch sử, văn hoá được tồn tại dưới dạng ảnh, và tài liệu được in ấn, ghi chép trên chất liệu giấy.

Những tư liệu thu thập được kiểm kê, phân loại, xử lý khoa học để trở thành nguồn tư liệu có giá trị khoa học, chuyên môn phục vụ cho công tác nghiên cứu, tìm hiểu lịch sử, truyền thống, văn hoá cổ truyền của Quảng Bình; Là cơ sở để xây dựng nội dung trưng bày trong Bảo tàng, nhà truyền thống nhằm giáo dục truyền thống tốt đẹp cho các thế hệ; Là nguồn tài liệu góp phần làm phong phú, đa dạng thêm kho tàng di sản văn hoá dân tộc tại địa phương.

#### **4.5) Kết cấu của đề tài: Gồm 3 phần: Phần mở đầu đặt vấn đề; Nội dung; Kết luận và kiến nghị.**

Trong đó phần nội dung gồm 3 chương - Là phần chủ yếu của đề tài.

+ Chương I. Khái quát tình hình địa lý, lịch sử, văn hoá Quảng Bình.

+ Chương II. Điều tra, sưu tầm ảnh tư liệu về lịch sử, văn hoá vùng đất, con người Quảng Bình trước năm 1975.

+ Chương III. Điều tra sưu tầm các tư liệu, hiện vật giấy về Quảng Bình trước năm 1975.

## CHƯƠNG I

# KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ, LỊCH SỬ, VĂN HOÁ QUẢNG BÌNH

### I/ ĐẶC ĐIỂM VỀ ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN

#### 1. Vị trí địa lý:

Quảng Bình là tỉnh thuộc Bắc Miền Trung, nơi hẹp nhất của dãy đất Việt Nam, có toạ độ địa lý ở khu vực đất liền từ 17<sup>0</sup>05'02" đến 18<sup>0</sup>05'12" độ vĩ Bắc và từ 105<sup>0</sup>36'55" đến 106<sup>0</sup>59'38" độ kinh đông. Có diện tích tự nhiên 8.037,6 km<sup>2</sup>, bờ biển dài 116km có 5 con sông lớn là Sông Gianh, Sông Ròn, Sông Lý Hoà, Sông Dinh và Sông Nhật Lệ. Phía Bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh, phía Nam giáp tỉnh Quảng Trị, phía Tây giáp nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào và phía Đông giáp biển Đông.

#### 2. Địa hình Quảng Bình:

Địa hình Quảng Bình thuộc đới uốn nếp Việt - Lào phát triển tiến về phía Bắc của một tiểu lục địa cổ nằm ở phía Nam đèo Hải Vân. Phần lớn địa hình Quảng Bình bắt đầu bị bào mòn và dần dần được hình thành do chuyển động nâng của vỏ trái đất ở vào cuối đại cổ sinh (cách ngày nay khoảng 200 triệu năm).

Quảng Bình có đặc điểm chung là địa hình hẹp, dốc dần không đều từ tây sang đông. Có các dạng địa hình thấp dần từ bắc xuống nam. Sông Gianh là hệ thống của đứt gãy Rào Nậy tạo nên bốn nước lớn. Sự phân hoá địa hình xảy ra theo hướng Đông - Tây, Bắc - Nam, là sự phân hoá theo độ cao và hướng núi á vĩ tuyến, trực tiếp ảnh hưởng đến sự phân bố vật chất và năng lượng, ảnh hưởng trực tiếp đến chế độ khí hậu, sự phân hoá lớp thực bì, tạo nên sự đa dạng sinh thái đặc sắc của Quảng Bình.

Về cấu trúc: Quảng Bình có 85% tổng diện tích tự nhiên là vùng rừng núi, gò đồi, địa hình được chia thành 4 vùng rõ rệt: Vùng núi, vùng gò đồi, vùng đồng bằng, vùng ven biển. Trong đó vùng rừng núi chiếm 65% diện tích tự nhiên được phân làm 3 vùng: Vùng núi cao, vùng núi trung bình và vùng núi thấp. Vùng gò đồi chiếm 19,7% đất tự nhiên với 3 khu vực: Khu vực Lệ Thủy - Quảng Ninh; Khu vực Bố Trạch và một phần đất Quảng Ninh, Đồng Hới, Tuyên Hoá; Khu vực bắc Sông Gianh bao gồm Quảng Trạch và một phần của Tuyên Hoá. Vùng đồng bằng chiếm 10,95% diện tích đất tự nhiên. Vùng ven biển với dãy cát nội đồng hình lưỡi liềm chiếm 4% diện tích tự nhiên.

#### 3. Tài nguyên thiên nhiên:

Do Quảng Bình ở vào vị trí cấu trúc, kiến tạo đặc biệt nên vùng đất Quảng Bình có nhiều loại khoáng sản phong phú và đa dạng. Khoáng sản kim loại có sắt, đồng, chì, vàng; Nguyên liệu làm phân bón có Pi rít, phốt pho rít, than bùn; Nguyên liệu làm thủy tinh có cát ở Ba Đồn, Quảng Trạch và nhiều nơi khác; Nguyên liệu

gốm sứ có cao lanh, đất sét với nguồn đá vôi có trữ lượng lớn, nguồn nước khoáng thiên nhiên đặc sắc.

Tài nguyên rừng: Quảng Bình nằm trong khu vực đa dạng sinh học bậc Trường Sơn, nơi có khu hệ động thực vật đa dạng độc đáo với nhiều nguồn gen quý hiếm, đặc trưng cho đa dạng sinh học ở Quảng Bình là vùng Kastơ Phong Nha - Kẻ Bàng. Về động vật có 493 loài, 67 loài thú, 48 loài bò sát, 297 loài chim, 61 loài cá... trong đó có nhiều loại quý hiếm như: Voọc Hà Tĩnh, gấu, hổ, sao la, mang lớn, gà lôi, chim trĩ...

Về đa dạng thực vật: Với diện tích rừng 486.688 ha trong đó rừng tự nhiên 447.837 ha, rừng trồng 38.851 ha. Hệ thực vật Quảng Bình đa dạng về giống, loài với 138 họ, 401 chi, 640 loài khác nhau. Rừng Quảng Bình có nhiều loại gỗ quý như: Lim, Gõ, Mun, Huynh, Thông, đặc biệt ở khu rừng nguyên sinh Phong Nha có loại Bách xanh rất quý hiếm.

Tài nguyên vùng biển và ven biển: Quảng Bình có bờ biển dài 116,04 km ở về phía Đông có 5 cửa sông trong đó có 2 cửa sông lớn đó là cửa Gianh và cửa Nhật Lệ, có Vịnh Hòn La có diện tích mặt nước 4 km<sup>2</sup>, có độ sâu trên 15m, xung quanh có các đảo nhỏ che chắn có thể cho phép tàu 3,5 vạn tấn vào cảng. Tỉnh có chung đường biên giới với nước bạn Lào với 201,87 km phía tây, có Cảng Hòn La, quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam, quốc lộ 12, tỉnh lộ 20, 16 chạy từ đông sang tây qua các cửa khẩu quốc tế Cha Lo và một số cửa khẩu phụ khác nối liền với nước bạn Lào.

Quảng Bình có vùng thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế rộng trên 2 vạn km<sup>2</sup>, ngoài ra có các đảo Hòn La, Hòn Gió, Hòn Nôm, Hòn Cỏ, Hòn Chùa đã hình thành nên các ngư trường với trữ lượng 10 vạn tấn hải sản các loại.

Bờ biển Quảng Bình có nhiều thắng cảnh đẹp, có thềm lục địa rộng gấp 2,6 lần đất liền tạo cho Quảng Bình có một tiềm năng lớn về tài nguyên biển với các loài quý hiếm như: tôm Hùm, tôm Sú, Mực nang, Bào ngư, Hải sâm...

#### **4. Dân số và lao động Quảng Bình.**

Dân số Quảng Bình năm 2007 có 854.918 người, phần lớn dân cư là người kinh. Có 2 dân tộc ít người đó là dân tộc Bru - Vân Kiều và dân tộc Chứt với các tộc người như: Sách, Mày, Rục, Arem, Mã Liềng, Vân Kiều, Khùa, Trì, Ma Coong. Người thiểu số ở Quảng Bình chủ yếu sống tập trung ở 2 huyện miền núi (Minh Hoá, Tuyên Hoá) và một số xã thuộc địa bàn các huyện Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy. Dân cư phân bố không đều, 86,83% sống ở vùng nông thôn và 14,4% sống ở thành thị.

Quảng Bình có nguồn nhân lực lao động dồi dào với 421.382 người chiếm 49,28% dân số toàn tỉnh; về chất lượng lao động, theo điều tra dân số tại thời điểm 1/4/1999 toàn tỉnh có 10.720 người có trình độ Cao đẳng trở lên, trong đó có 6.042 Đại học và trên Đại học và có 4676 Cao đẳng. Lực lượng lao động đã qua đào tạo 33.000 người chiếm 8% số lao động của tỉnh.

## II/ KHAI QUÁT ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ, VĂN HOÁ QUẢNG BÌNH.

### 1. Về lịch sử địa lý hành chính.

Quảng Bình là phần lãnh thổ thuộc Bắc trung bộ, nơi hẹp nhất của dải đất Việt Nam, là cầu nối của hai miền Nam - Bắc. Trải qua các thời kỳ lịch sử phần đất Quảng Bình từng được các bậc đế vương và tướng lĩnh của nhiều thời đại coi là “Đất phen đậu” phía nam của đất nước (Trong các thời Lý Trần Lê). Bước sang thời kỳ các chúa Nguyễn và Vương triều nhà Nguyễn thì Quảng Bình lại được nâng lên là đất “Dùng làm bức bình phong để che chắn kinh sử” Sách Ô châu cận lục của tiến sỹ Dương Văn An một học giả người Quảng Bình vào thời nhà Mạc có viết: “Nơi đây núi sông quanh co, hình thế hiểm yếu, sản vật cung cấp cho quốc dụng, cầu đường dịch quán đều quan hệ đến vương chính” Với vị trí địa lý, lịch sử quan trọng của vùng đất mà Quảng Bình đã có những đóng góp đáng kể góp phần vào sự nghiệp chống giặc ngoại xâm, thống nhất đất nước trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Về vị trí địa lý, cương vực lãnh thổ của vùng đất Quảng Bình mà ngày nay chúng ta biết được là nhờ vào nguồn tài liệu các thư tịch cổ trước đây để lại. Trong hầu hết các tài liệu, thư tịch này đều gâu như thống nhất khi ghi chép về lịch sử vùng đất Quảng Bình:

Quảng Bình ngày trước là vùng đất thuộc Bộ Việt Thường (có người gọi là Việt Thường Thị) là một trong 15 bộ của nước Văn Lang dưới thời Hùng Vương; Đời Tần thuộc Tượng quận, đời Hán thuộc quận Nhật nam, đời Đường thuộc Lâm Ấp, đời Tống thuộc đất Chiêm Thành. Dưới thời nhà Lý (thế kỷ 11-13) sau khi Lý Thái Tông đánh thắng Chiêm Thành thì vua Chiêm Thành là Chế Củ đem dâng 3 châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh cho Đại Việt, vùng đất thuộc 2 châu Bố Chính và Địa Lý là vùng đất thuộc địa phận Quảng Bình sau đó. Đến đời vua Lý Nhân Tông đổi Địa Lý làm châu Lâm Bình, Bố Chính làm châu Bố Chính. Chuyển sang thời nhà Trần (thế kỷ 13 -14) thời vua Trần Anh Tông lấy 2 châu Ô và Lý đặt làm Thuận Châu và Hoá Châu. Đời vua Trần Duệ Tông năm Long Khánh thứ 3 (năm 1375) đổi Lâm Bình thành Tân Bình. Đến thời thuộc Minh đặt làm 2 phủ Tân Bình và Thuận Hoá. Thời Lê Sơ (thế kỷ 14 - 16) đổi làm 2 lộ Tân Bình và Thuận Hoá thuộc Đạo Hải Tây. Năm Hồng Đức thứ 21 (1490) dưới thời Lê Sơ đổi làm xứ lãnh 2 phủ Tân Bình và Triệu Phong. Bước sang thời kỳ chúa Nguyễn và Vương triều Nguyễn, Nguyễn Hy Tôn Hoàng đế đặt dinh Bố Chính. Đến đầu đời vua Gia Long đặt 3 dinh trực lệ là Quảng Bình, Quảng Trị và Quảng Đức. Năm Minh Mạng thứ 8 (1827) đổi Dinh Quảng Bình làm trấn Quảng Bình bỏ 2 chữ “trực lệ”. Năm Minh Mạng thứ 12 (năm 1831) đổi trấn Quảng Bình thành tỉnh Quảng Bình và tên tỉnh Quảng Bình cũng chính thức được ra đời dưới thời vua Minh Mạng.

Trải qua nhiều thời kỳ lịch sử, Quảng Bình kể từ sau ngày về lại với quốc gia phong kiến Đại Việt (qua các thời Lý Trần Lê) và Nhà nước Đại Nam (thời kỳ các chúa Nguyễn và Vương triều Nguyễn), vùng đất này đã trải qua nhiều lần thay

đổi địa danh, tên đất, song bao giờ thì Quảng Bình cũng vẫn là một vùng đất trọng yếu được các bậc vua chúa, tướng lĩnh đánh giá cao bởi vị thế chiến lược nơi đây.

Quảng Bình sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 có 2 phủ Quảng Trạch và Quảng Ninh và 3 huyện là Lệ Thủy, Bố Trạch, Tuyên Hoá. Từ năm 1964 đến 1975 Quảng Bình có 6 huyện đó là: Tuyên Hoá, Minh Hoá, Quảng Trạch, Bố Trạch Quảng Ninh, Lệ Thủy và thị xã Đồng Hới. Đến tháng 6 năm 1976 Nhà nước có quyết định hợp nhất 3 tỉnh Bình Trị Thiên, sau đó thực hiện chủ trương nhập các huyện: Lệ Thủy và Quảng Ninh thành huyện Lệ Ninh, nhập Tuyên Hoá và Minh Hoá thành huyện Tuyên Hoá; Tỉnh lỵ là thành phố Huế.

Ngày 14/7/1989 Quốc hội quyết định chia Bình Trị Thiên thành 3 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, Quảng Bình lại về với địa giới cũ có trước tháng 6 năm 1976 trước khi nhập tỉnh. Lúc này Quảng Bình có 1 thị xã tỉnh lỵ là Đồng Hới và 6 huyện: Tuyên Hoá, Minh Hoá, Quảng Trạch, Bố Trạch Quảng Ninh, Lệ Thủy.

## **2. Các nền văn hóa cổ để lại dấu tích trên đất Quảng Bình.**

Trong lịch sử đất nước Việt Nam, Quảng Bình là vùng đất cổ mặt từ rất sớm. Ngay từ thời Tiền sử, Quảng Bình đã từng là nơi cư trú và địa bàn sinh sống của người Nguyên Thủy thời đại Đồ đá mới với các thời kỳ thuộc văn hoá Hoà Bình, là nơi nền văn hoá được các nhà khảo cổ học xếp vào giai đoạn sơ kỳ đồ đá mới, có niên đại cách ngày nay trên dưới 1 vạn năm. Trên đất Quảng Bình đã phát hiện và khai quật khảo cổ học các di tích như: Hang Yên Lạc, hang Kim Bảng, hang Xóm Thón ở các xã Yên Hoá, Minh Hoá, Trung Hoá thuộc huyện Minh Hoá.

Quảng Bình còn được nổi danh với văn hoá Bàu Tró thuộc hậu kỳ đá mới, sơ kỳ kim khí có niên đại cách ngày nay từ 4000 - 5000 năm. Những di chỉ thuộc giai đoạn này có mặt trên đất Quảng Bình gồm có: Di chỉ hang Khe Toong ở Lệ Thủy; Di chỉ Bàu Khê (Bố Trạch); Di chỉ Hang Minh Cầm, hang Cửa Cống ở Tuyên Hoá; Di chỉ Ba Đồn I và II, di chỉ Cồn Nền ở Quảng Trạch và di chỉ Bàu Tró ở Đồng Hới...

Dưới thời Văn Lang của các Vua Hùng, cách đây trên dưới 3000 năm thì trên đất Quảng Bình các nhà khoa học trong và ngoài nước đã tìm thấy dấu tích của nền văn hoá Đông Sơn nổi tiếng ở 8 địa điểm khác nhau, tuy đến nay vẫn chưa tìm thấy một di tích nơi cư trú nào còn vết tích tầng văn hoá. Song những di tích như Bàu Khê có khả năng vừa là di tích cư trú vừa là mộ táng. Theo các học giả M.Còlani và Đào Duy Anh thì các di tích như Khương Hà, Cổ Giang, Long Đại có nhiều khả năng là di tích mộ táng. Số lượng hiện vật Đông Sơn ở Quảng Bình tuy ít nhưng lại phong phú về loại hình, từ đồ đá, đồ đồng, đồ gốm, đồ thủy tinh đều có mặt nơi đây, tiêu biểu nhất có trống đồng Phù Lưu, thố đồng Thanh Trạch, dao găm Đồng, thạp đồng ở Quảng Trạch...

Nền văn hoá Chăm Pa tồn tại ở Quảng Bình trong khoảng thời gian từ nửa cuối thế kỷ III đến thế kỷ XII, các di tích Chăm Pa trải dài từ Tuyên Hoá đến các huyện Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy và cả ở Đồng Hới. Các di tích

thuộc văn hoá Chăm Pa hiện còn dấu tích đó là lũy Hoàn Vương ở Đèo Ngang, Thành Lồi ở Cao Lao Hạ, Thành Nhà Ngo ở Lệ Thủy, di tích đền Tháp Chăm ở Mỹ Đức và Đại Hữu nay còn một ít nền móng, gạch Chăm. Ngoài ra ở nhiều nơi còn dấu tích của những giếng Chăm, phát hiện được một số hiện vật như tượng đá, bình vôi bằng đồng, các loại đồ gốm Chăm Pa...

Ngoài các dấu tích của nền văn hoá Hoà Bình, Bàu Tró, Đông Sơn, Chăm Pa vừa kể trên ở Quảng Bình thỉnh thoảng đây đó vẫn được xuất lộ các di vật thuộc văn hoá Sa Huỳnh một nền văn hoá thuộc thời đại kim khí có địa bàn phân bố trên khu vực Miền Trung, mà tiêu biểu là các mộ táng bằng gốm, và khuyên tai đầu thú, các hiện vật bằng thuỷ tinh...

### **3. Truyền thống lịch sử, văn hoá Quảng Bình.**

#### ***3.1) Truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm.***

Từ sau ngày Quảng Bình về lại với quốc gia Đại Việt, trên mảnh đất này đã thường xuyên xảy ra các cuộc chiến tranh giữa các thế lực phong kiến Việt Nam và Nhà nước Chăm Pa. Dưới các thời Lý Trần Lê, tiêu biểu và cũng lâu dài nhất trong lịch sử nội chiến ở nước ta đó là cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn kéo dài hơn 200 năm, mà các trận đánh ác liệt và tàn khốc nhất lại chủ yếu diễn ra trên đất Quảng Bình. Kể từ năm 1627 - 1672 hai bên có 7 lần đánh nhau lớn; Lần lượt các năm 1627, 1633, 1643, 1648, 1655 -1660, 1662 và lần thứ 7 vào năm 1672. Các chiến lũy ra đời trong thời kỳ này và thường được gọi là Lũy Thầy, Lũy Đào Duy Từ. Sông Gianh con sông lịch sử đã trở thành giới tuyến chia cắt Đàng trong và Đàng ngoài.

Trong thời kỳ thực dân Pháp đô hộ đất nước ta, Quảng Bình trở thành căn cứ, cơ quan đầu não của phong trào Cần Vương đứng lên chống Pháp của Vua Hàm Nghi, phong trào đã qui tụ được một lực lượng đông đảo các văn thân, sỹ phu, đồng bào yêu nước kiên quyết đánh Pháp để giành giữ nền độc lập cho đất nước.

Vua xuất bôn đánh đại bản doanh tại vùng Tuyên Hoá (nay là Minh Hoá), xuống chiếu Cần Vương kêu gọi các tầng lớp sỹ phu, văn thân và nhân dân đứng lên đánh Pháp. Các tầng lớp nhân dân Quảng Bình nô nức hưởng ứng và sôi nổi tham gia phong trào Cần Vương. Tiêu biểu có: Đề Phú, Đề Trích, Đề Chít, Đề Sú, Hoàng Phúc, Lãnh Tăng, Lãnh Ngưỡng ở vùng trong, lập căn cứ Áng Sơn đánh Pháp. Phía ngoài bắc tỉnh có Cao Thượng Chí, Mai Lượng, Lê Tuấn, Đoàn Bạch Xỉ, có căn cứ Trại Nái. Nổi bật của phong trào Cần Vương ở Quảng Bình là hai thủ lĩnh nghĩa quân lớn nhất đó là Nguyễn Phạm Tuấn và Lê Trực.

Từ năm 1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam nhân dân Quảng Bình đã nhất tề đứng lên chiến đấu chống kẻ thù xâm lược. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh quân và dân Quảng Bình đã liên tiếp giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 9 năm trường kỳ gian khổ (1945 - 1954) tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc. Trong cuộc Cách mạng dân tộc dân chủ (1954 -1975), hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ Tịch, thực hiện chân

lý “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, nhân dân Quảng Bình lại góp phần ghi tiếp những chiến công hiển hách. Với những công lao to lớn đã giành được nên Quảng Bình nhiều lần được Bác Hồ gửi thư động viên khen ngợi và trở thành quê hương của phong trào “Hai giỏi”, một tấm gương điển hình của chủ nghĩa yêu nước và Cách mạng trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của toàn dân tộc.

### ***3.2) Văn hoá truyền thống Quảng Bình.***

Trên lĩnh vực văn hoá, vùng đất Quảng Bình có bề dày lịch sử văn hoá lâu đời. Sách Ô châu Cận lục khi viết về Phủ Tân Bình có đoạn: “Ngẫm xem có cảnh như thế tất có người như thế, thời với cảnh đổi mới, cảnh với người hợp nhau, dầu khí tượng nước Ngô, phong vật nước Sở cũng không hơn thế được”. Sách này còn cho biết thêm ngay từ thời Lê, Mạc các làng Thuần Thuần, Cổ Hiền đã được nhắc đến là các làng văn vật.

#### ***Nguồn gốc cư dân Quảng Bình***

Việc tìm hiểu nguồn gốc cộng đồng dân cư ở Quảng Bình là một vấn đề lớn liên quan đến sự ra đời và phát triển, quá trình hình thành các truyền thống, tập quán văn hoá tốt đẹp nơi đây.

Nói đến cư dân Quảng Bình trước hết ta phải kể đến những con người thuộc các thời kỳ xa xưa của lịch sử còn tồn tại cho đến lúc bấy giờ, tuy rằng với số lượng tuy ít ỏi nhưng đây lại là những chủ nhân thực sự đầu tiên của vùng đất Quảng Bình. Tiếp theo là vào các thế kỷ thứ II, thứ III cho đến thế kỷ X sau Công nguyên, mảnh đất Quảng Bình lại tiếp nhận thêm người Chăm Pa (thuộc các quốc gia Lâm Ấp, Hoàn Vương, Chiêm Thành) từ phía Nam tràn ra chiếm lấy vùng đất này để sáp nhập vào lãnh thổ vương quốc Chăm Pa. Tuy sử sách không thấy chép, thống kê về tình hình dân số của người Chăm Pa lúc bấy giờ cư trú nơi đây, nhưng theo chúng tôi thì dân số người Chăm Pa ở Quảng Bình lúc này không nhiều, vì đây chỉ là miền đất xa xôi, biên viễn phía Bắc của nhà nước Chăm Pa. Cuối cùng thì chủ nhân thực sự có vai trò lịch sử đối với sự phát triển của vùng đất Quảng Bình lại là người Việt. Phần lớn họ được di cư từ các vùng đất phía Bắc vào qua nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau để dần dần hình thành nên cộng đồng người Việt ở Quảng Bình ổn định, có tổ chức ở vùng đất phía Nam của quốc gia Đại Việt.

Sử cũ còn ghi từ thời Tiền Lê cho đến các thời Lý, Trần, Lê, Nguyễn đã diễn ra nhiều cuộc di dân có qui mô khá lớn đến vùng đất Tân Bình. Năm 1075 một chỉ dụ của Vua Lý Nhân Tông kêu gọi người Việt ở phía bắc đến với vùng đất Tân Bình vì ở đây có ruộng đất phì nhiêu, màu mỡ tươi tốt. Kết quả là có nhiều người đã di thực theo chỉ dụ của Vua nhà Lý đến vùng đất mới này. Một học giả người Pháp có tên là Đuy-mu-chiê trong khi nghiên cứu về bản đồ học Việt Nam, ông cho biết vào cuối thế kỷ XV thì phần đất thuộc phía nam Quảng Bình có đây rẫy những làng mạc còn phần phía bắc tỉnh thì chỉ có dân cư, xóm làng thưa thớt. Điều này chứng tỏ rằng cư dân làng mạc phía nam tỉnh Quảng Bình phần lớn có lịch sử lâu đời hơn so với phía bắc tỉnh. Một chỉ dụ khác được Vua Lê Thái Tổ ban hành vào dịp tháng tư âm lịch năm 1428, lúc này Tân Bình đã được đổi làm một châu và lúc bấy giờ đất

Tân Bình lại đón nhận thêm những tù nhân bị đày biệt xứ đến với châu ở xã kinh thành, như vậy thì trong thành phần cư dân Quảng Bình lại được bổ sung thêm một lực lượng lao động mới đó là các tù nhân do triều đình nhà Lê đưa vào để khai phá vùng đất biên thùy phía nam của Đại Việt.

Cho đến đầu thế kỷ XV thì Tân Bình được xem như một châu Hải ngoại, châu xa, là châu cuối cùng mà trên thực tế chính quyền phong kiến nhà Lê thiết lập được. Đến thời vua Lê Thánh Tông thì lịch sử di dân lập ấp ở châu Bố Chính lại bước sang trang mới, vì châu này trên thực tế lúc bấy giờ vẫn được coi là một châu có dân cư thưa thớt, nên vào năm 1467, tức năm thứ 8 niên hiệu Quang Thuận, nhà vua đã ban một chỉ dụ để khuyến khích những người không có tên trong danh bạ của các làng xã hoặc của nhà nước phong kiến đến khai khẩn lập làng ở đất Bố Chính. Với chỉ dụ này thì một thời gian sau đó đã có hàng loạt các dòng người đổ dồn về đất Bố Chính, và chẳng bao lâu cư dân vùng này lại trở nên đông đúc, làng xóm sầm uất hơn trước.

Qua việc tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử các dòng họ ở rải rác trên các địa phương trong tỉnh đã phản ánh được một cách trung thực tình hình di thực có chủ định của nhà nước phong kiến các triều đại lúc bấy giờ. Có rất nhiều dẫn chứng cụ thể để chứng minh cho nhận định nói trên là có cơ sở về mặt thực tiễn: Họ Hoàng ở Ứng Phước, Quảng Trường (Quảng Trạch), họ Phạm ở Võ Xá, Võ Ninh (Quảng Ninh); họ Nguyễn, họ Lê Chiêu, họ Lưu Văn ở Cao Lao (Bố Trạch) họ Lê ở Lệ Sơn và họ Trần Đình ở Nghĩa Ninh (Đồng Hới) đều có gia phả để lại hoặc qua tương truyền cho biết việc tổ tiên của họ theo Lê Thánh Tông di thực vào phía Nam làm ăn, sinh sống. Một vài con số sau đây tuy chưa đầy đủ nhưng cũng phản ánh được phần nào tình hình dân cư Quảng Bình dưới thời nhà Lê. Sách Dư địa chí của Nguyễn Trãi cho biết số xã ở phủ Tân Bình riêng phần của 3 huyện, châu thuộc địa phận Quảng Bình đã có tới 170 xã chưa kể đến các đơn vị hành chính như các thôn, trang, sách, nguyên. So với thời Lê Sơ hồi thế kỷ XV thì đây thực sự có bước phát triển đáng kể về mặt dân số và địa danh hành chính.

Một cái mốc lịch sử có ý nghĩa lớn lao đối với Quảng Bình đó là sự kiện Nguyễn Hoàng vào trấn thủ đất Thuận Hoá năm 1558. Các tư liệu thư tịch cho biết, theo sau bước chân Nguyễn Hoàng là các cuộc di dân với qui mô lớn được thực hiện. Sử cũ chép rằng, lúc bấy giờ (năm 1559) vùng Thanh Nghệ có lụt to, hàng trăm ngôi nhà bị trôi dạt, mùa màng bị tổn hại, nhân dân đói khổ kéo nhau vào Thuận Hoá kiếm kế sinh nhai. Năm 1572, nhân dân Nghệ An bị chiến tranh, dịch tễ phiêu bạt ra Bắc hay vào Nam với chúa Nguyễn. Lúc bấy giờ đất Thuận Hoá vốn được khai phá, di dân từ các triều đại trước đến đây lại được bổ sung thêm lực lượng lao động mới mà nơi đến chủ yếu vẫn là vùng Thanh Nghệ Tĩnh di cư vào Nam. Qua tìm hiểu chúng tôi được biết thêm các dòng họ ở Quảng Bình như họ Lương ở Lệ Sơn, họ Nguyễn ở Đồng Hới và Lê Thủy và còn nhiều dòng họ ở nhiều địa phương khác còn có gia phả truyền lại cho biết tổ tiên trước kia của họ cũng đã theo chúa Nguyễn Hoàng vào sinh cơ lập nghiệp tại vùng đất mới này.

*Về truyền thống hiếu học, khoa cử.*

Dưới thời nhà Nguyễn tổ chức 39 kỳ thi hội lấy đỗ trong cả nước 271 tiến sĩ trong đó người Quảng Bình có 24 tiến sĩ, 20 phó bảng. Đặc biệt trong số 56 vị trạng nguyên của cả nước lấy từ 185 khoa thi hội từ thời Lý đến thời Nguyễn Quảng Bình có một vị là ông Trương Xán người xã Hoàn Bồ, Châu Bố Chính (Quảng Trạch) đỗ trạng nguyên năm 29 tuổi; Dương Văn An (Lệ Thủy) đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1547) dưới thời nhà Mạc là tác giả của bộ sách Địa chí “Ô châu cận lục”

Về khoa cử, Quảng Bình có nhiều làng có người đỗ đạt cao qua các kỳ thi: làng La Hà (Quảng Trạch) có 6 vị tiến sĩ, làng Lý Hoà (Bố Trạch) có 4 vị tiến sĩ. Cũng từ truyền thống hiếu học và học giỏi mà thời nào cũng sản sinh cho đất nước và quê hương những danh nhân lỗi lạc được ghi vào sử sách: Dương Văn An, Nguyễn Hàm Nghi, Nguyễn Hữu Hào, Lưu Trọng Lư, Hàm Mặc Tử... và những vị tướng soái kiệt xuất đã đóng góp nhiều công sức vào sự nghiệp bảo vệ và dựng xây quê hương, đất nước: Nguyễn Hữu Cảnh, Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Phạm Tuấn, Lê Trực, Võ Nguyên Giáp, Đồng Sỹ Nguyên, Hoàng Sâm...

Dưới thời nhà Nguyễn Quảng Bình lại nổi danh với 8 làng văn hiến, khoa bảng: Lệ Sơn, La Hà, Cảnh Dương, Thổ Ngọa, Văn La, Võ Xá, Cổ Hiền, Kim Nại làm nên “Bát danh hương” được lưu truyền đến ngày nay.

### *Về các nghề thủ công truyền thống.*

Ở Quảng Bình từ lâu đời đã tồn tại và phát triển các nghề thủ công truyền thống, trong đó nổi bật có các nghề: Nghề chạm trổ Tam Toà; Nghề mộc ở Hoà Ninh, Hữu Hùng, Trúc Ly, Mai Xá và Quảng Cư; Nghề đan lát tre nứa nổi tiếng với các làng Thọ Đơn, Trung Thuần, Pháp Kệ, Diêm Tường; Nghề dệt chiếu ở Thanh Sơn, An Xá; Dệt vải ở làng Lũ Phong, Mai Xá, Cương Hà, Võ Xá; Nghề làm nón ở Thổ Ngọa, Xuân Bồ, ; Nghề rèn sắt ở Hoàng Giang, Phan Xá; Thọ đúc có Tam Toà, Quán Dân... Sản phẩm của làng nghề cũng đã đến được những nơi rất xa như đồ chạm trổ Tam Toà đã được đem bán tại các nước như: Xiêm (Thái Lan), Pháp, Nhật Bản, Canada...

### *Về tín ngưỡng, tôn giáo.*

Phần đông cư dân Quảng Bình là người Việt, họ có tập quán thờ cúng tổ tiên ông bà. Sách Đại nam nhất thống chí có viết: :Ngày 30 tháng Chạp, họ có tục trồng cây nêu ngày Tết, ngày tam nguyên tứ quý họ cúng quả ông bà, tháng 6 các làng có lễ tế thân, tháng 7 người ta đốt vàng mã, áo giấy cho vong linh người chết. Về tôn giáo, người dân Quảng Bình có một số theo đạo Phật và đi lễ ở các ngôi chùa, họ tổ chức thờ tự theo phong cách của các Phật tử và kinh kệ nhà Phật. Trong thời kỳ từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có một số theo đạo Thiên chúa được du nhập từ Châu Âu vào nước ta, họ thường đi lễ nhà thờ và cầu nguyện trước Đức Chúa, Đức Mẹ...

Do Quảng Bình là một vùng đất chuyển tiếp mang yếu tố văn hoá Bắc Trung bộ nên truyền thống văn hoá còn được thể hiện qua lối sống, ngôn ngữ, y phục, phong tục tập quán cùng với rất nhiều các loại hình văn hoá dân gian khác: Hát Sắc

bùa, hát Đúm, hò Thuốc ở vùng núi; hát Nhà Trò, hát Kiều, hò Nhân Ngãi ở miền xuôi; hò Khoan, hò Giã gạo, hát ru có mặt ở nhiều miền quê trong toàn tỉnh mà tiêu biểu là hò Khoan Lệ Thủy.

## CHƯƠNG II

# ĐIỀU TRA SƯU TẦM ẢNH TƯ LIỆU VỀ LỊCH SỬ, VĂN HOÁ VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI QUẢNG BÌNH TRƯỚC NĂM 1975

### I/ ĐỜI SỐNG SINH HOẠT CỦA CƯ DÂN QUẢNG BÌNH.

#### 1. Những tập quán trong sinh hoạt, ẩm thực và trang phục của cư dân Quảng Bình:

Quảng Bình là mảnh đất có sự đa dạng trong sắc thái văn hoá, có lịch sử đấu tranh kiên cường, bất khuất chống giặc ngoại xâm qua các thời kỳ, là mảnh đất chiến địa, nơi xảy ra nhiều cuộc chiến tranh của các thế lực phong kiến độc lập. Bởi vậy nơi đây đã để lại khối lượng di sản văn hoá đồ sộ. Những tư liệu lịch sử, những di tích văn vật, hiện vật và những hình ảnh trong quá khứ từ năm 1975 trở về trước là tài sản văn hoá truyền thống của làng quê Quảng Bình. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Quảng Bình rực rỡ hiện lên như một ngôi sao sáng trong truyền thống Cách mạng kiên cường chiến đấu chống lại chiến tranh huỷ diệt. Quảng Bình vừa anh dũng đánh thắng chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, vừa lao động sản xuất dốc hết lòng chi viện cho chiến trường Miền Nam, góp phần thắng lợi công cuộc giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước. Các tư liệu ảnh, lịch sử, văn hoá đã được lưu lại đã ca ngợi về mảnh đất và con người nơi đây. Nó thể hiện rõ tính xung kích trong công tác giáo dục, truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc và có tác dụng lớn đối với mọi tầng lớp nhân dân. Đặc biệt, ảnh tư liệu về lịch sử văn hoá phản ánh đời sống sinh hoạt về phong tục tập quán các lễ hội, tín ngưỡng của người dân Quảng Bình, kỷ niệm của các gia đình, dòng họ, những nét đẹp của quê hương. Về bản sắc văn hoá được thể hiện qua các trang phục, trang sức của người Quảng Bình từ năm 1975 trở về trước, đã để lại ấn tượng sâu sắc khó phai mờ trong đời sống sinh hoạt của cư dân Quảng Bình. Có thể nói, trong những năm đầu thế kỷ XX đã xuất hiện những tấm ảnh chụp chân dung của người Quảng Bình khá giả đi xa mang về và đã bắt đầu có sở thích treo ảnh. Đó là những bức chân dung chụp từ những năm 30 - 40 của thế kỷ XX. Gồm 300 ảnh chụp kỷ niệm của người dân con em Quảng Bình từ thành thị đến nông thôn. Mỗi người mỗi kiểu cách, mỗi dáng nét trang phục khác nhau; mỗi thời kỳ, trong số người khá giả lại có sự đan xen hay cách tân theo kiểu âu phục nhưng phổ biến và đậm nét nhất vẫn là kiểu dáng phong cách ăn mặc truyền thống của người dân Quảng Bình, của dân tộc Việt Nam. Dưới thời Pháp thuộc ngay các quan chức người Việt làm trong các công sở của chính quyền nguy vẫn trang phục truyền thống nho gia. Từ kiểu dáng đến cách may mặc, trang phục áo quần của đàn ông, đàn bà, thanh niên nam nữ, trẻ em, người già; Từ kiểu tóc đến trang sức đều được các bức ảnh ghi lại. Tất cả đều góp phần nói lên một số nét đặc trưng rất cơ bản của văn hoá mặc cách tân nửa thập kỷ về trước.

Dưới thời thuộc Pháp, nhất là những năm 30 của thế kỷ XX, trang phục của người dân Quảng Bình đứng trước 2 lựa chọn: Đó là sự bành trướng xâm lược của

chủ nghĩa tư bản phương tây, khách quan đã tạo nên sự tiếp xúc văn hoá giữa phương Đông và Tây, giữa Việt Nam phong kiến với nước Pháp tư bản chủ nghĩa. Do đó đã có sự tác động nhiều mặt đến sự phát triển văn hoá. Hai là bản thân chế độ phong kiến đang đi vào suy thoái. Các tầng lớp mới nảy sinh như tư bản trí thức mới, tiểu tư sản, công chức, tiểu thương v.v... trang phục lúc này đã thể hiện sự cải biên cái vốn có và tiếp nhận những kiểu mới của phương tây vào trang phục, nhất là ở thị xã. Ở nông thôn cũng có sự thay đổi so với trước. Hơn nữa do nghề nghiệp sinh sống của mỗi tầng lớp mà sự phân bố dân cư không thuần nhất, người giàu sang chung sống với kẻ nghèo hèn, làm bạn hàng xóm láng giềng với nhau nên sinh hoạt, phong tục tập quán khác với vùng nông thôn nông nghiệp. Nhưng nhìn chung phong cách trang phục trước năm 1975 là khiêm tốn, giản dị, đơn giản, chỉ có một số đổi mới “Tân thời”.

Đối với phụ nữ thường mặc trang phục áo dài khi chụp ảnh. Áo dài cổ kiềng, sau cổ áo bó sát người, hai thân, quần ống rộng. Trước đây áo 5 thân nhưng đến thời kỳ này đã cải biến chiếc áo dài thành hai thân, có 5 cúc cài nẹp, khuy đơm bên vạt con, áo dài may bằng tay, dệt và xảm rất cẩn thận. Áo may bằng loại vải lụa tơ tằm, mềm mại đủ màu sắc. Nhà quyền quý thường may áo màu đỏ, màu xanh, áo the, áo nhiễu, lĩnh, lụa hàng tơ tằm. Người nghèo may áo dài bằng vải bông, vải thảo. Phụ nữ lao động nông thôn thường mang áo nối quàng, áo may bằng tay, áo được nối một nửa thân từ ngực chia đôi mỗi bên một nửa theo chiều dọc, quàng qua vai ra sau lưng bắt vào một nửa trên của cánh tay từ trên cùi chỏ trở lên theo lối “may tay” với màu áo nâu nối vải trắng hay áo nâu nối vải đen... Màu sắc đối lập nửa thân nhằm gợi sự tò mò của các chàng trai khi nhìn vào đường kim mũi chỉ để biết chủ nhân chiếc áo.

Áo dài của người đàn ông thường mặc trong các dịp đi giỗ kỵ, lễ hội, tết. Các ông thầy đồ nho, nho sinh mang áo dài đến trường hay mang trong cúng tế ở đình làng. Áo dài đàn ông thường màu xanh, đen, may bằng vải the, khăn đóng nhiều 2 lớp, lớp bên trong là vải, may rộng thân cổ kiềng.

Ảnh chân dung của ông Nguyễn Quốc Niêm trong trang phục áo dài (1938).

Ông Nguyễn Quốc Toàn (1938).

Ông Hoàng Xuân Cù bên bờ sông Nhật Lệ (1954).

Ông Hoàng Văn Kính ở Xóm Cầu - Đồng Hới năm 1952

Đối với các bà mẹ trang phục áo dài cũng gần giống như của đàn ông. Cũng áo dài màu sẫm và may hơi rộng.

Ảnh bà Hoàng Thị Chim ở xóm Cầu (1946).

Bà Nguyễn Thị Đạm Phương, Xóm Cầu - Đồng Hải năm 1949.

Bà Phạm Thị Lan, Hương Hóa - Tuyên Hoá năm 1960.

Ba chị em Như Yến, Tuyết Mai, Tuyết Ba năm 1959

Gia đình bà Hà Thị Xuân Lan ở Vĩnh Tuy - Quảng Ninh năm 1928.

Bà Lương Tuyết Mai tại hiệu ảnh Thịnh Phát năm 1949.

Bà Phạm Thị Lan và các bạn năm 1960 (Hương Hoá - Tuyên Hoá).

Riêng đối với thanh nữ, trang phục của họ thật phong phú. Lúc đi lễ, đi học hay có việc quan trọng, họ thường trong trang phục áo dài truyền thống với đồ trang sức vòng, xuyên, bông tai vàng, bông tai thoa, kiềng vàng, nhẫn vàng, nhẫn bạc, vòng đeo tay... là của những phụ nữ nhà giàu có, buôn bán. Còn đối với người nghèo chỉ đeo bông tai thoa (vàng hợp kim, vòng tay).

Ảnh chân dung thiếu nữ Tống Thị Thanh Sửu (1958).

Một số ảnh trang phục áo dài:

Bà thân sinh Đại tướng Nguyễn Chí Thanh năm 1960.

Bà Nguyễn Thị Hương ở Đồng Phú năm 1955.

Nữ sinh Đồng Hới tại nhà thờ Tam Toà năm 1955.

Bà Hoàng Thị Qui ở Xóm Cầu - Đồng Hới năm 1952.

Trong sinh hoạt gia đình trang phục bình thường là áo cụt (ngắn) may khổ hẹp tứ thân, thân trước liền thân sau, thường đơm 5 chiếc khuy vào bên phải tà, khuyếc bên trái tà, cổ kiềng, tay chắp dài đến chằm cổ tay, thân tay áo chặt. Phía trước 2 thân áo có may 2 cái túi, miệng túi ngang thắt lưng, áo đàn bà bịt bụng, áo đàn ông xẻ nách. Sau này gọi là áo bà ba. May bằng loại vải sợi bông khổ hẹp, vải thao do dân tự trồng lấy. Từ thị xã đến nông thôn đều mặc như thế, màu của áo thường là nâu, đen, trắng. Đối với phụ nữ nông thôn áo thường nối vai, nối tay, nối thân (ảnh bà Lương Tuyết Mai (Đồng Hải và bạn) chỉ có thanh nữ lớp trên dùng áo lụa là, màu sắc, nhất là ở thị xã Đồng Hới, có thêm áo hoa nhưng màu nhã nhặn, không lòe loẹt. Riêng quần đàn ông và đàn bà trong trang phục giống nhau, quần ống què hoặc quần đũng giữa có 2 ống, có giải rút luồn cạp ... Trang phục của thầy cúng áo dài may rộng thùng có hoa chữ thọ, đội mũ vải hoặc mũ giấy màu đỏ, vàng. Quan lại có đeo thẻ bài ngà hoặc đồng trước ngực ngoài áo dài. Đối với lớp trẻ em, áo quần may cũng đơn giản (ảnh đã ghi lại những bức ảnh về trẻ em trong trang phục ngày thường và ngày đi học đều giống nhau). Sau này khi có sự du nhập của người lớn và trẻ em có sự thay đổi. Đàn ông thường mặc trang phục quần âu, áo sơ mi và đi giày, gậy ba toong và ô (dù). Phụ nữ ở thành thị một số cũng trong trang phục áo sơ mi, quần âu, đội mũ cát cứng. Đặc biệt khi Cách mạng tháng 8 bùng nổ, phụ nữ đã gác lại áo dài mặc áo cụt, quần đen ống gọn thắt ống, lưng nịt dây thùng vai mang đại đao đi theo Cách mạng; đội mũ vải, đi dép thay guốc mộc. Các cụ phụ lão cũng gác khăn đóng áo the, áo địa nhường chỗ cho áo quần bà ba. Riêng về các kiểu tóc cũng thấy là kỳ diệu. Tóc bộp một bên mái bông bênh, tóc để cao để lộ cổ trắng nõn nà, cài trâm nhím có khi bằng vàng đối với các cô gái con nhà đài các. Đối với nhà nghèo tóc cài trâm nhím. Mùa rét mang áo bông, áo dạ, khăn quàng mỏ

qua, khăn vuông gấp chéo đôi, buộc nút dưới cằm. Riêng khăn đóng của đàn ông thường màu đen đi kèm với áo dài màu xanh. Khăn vấn đầu của phụ nữ hợp với áo dài và trong họ rất duyên dáng là giữ được bản sắc, nét văn hoá cổ truyền của người Quảng Bình.. Để che mưa, che nắng người Quảng Bình thường dùng toi, ô, mũ, nón. Đàn ông có chức sắc mới có dù (ô), còn nón, mũ, toi được làm bằng lá nón lấy ở rừng về. Toi: hầu như ở nông thôn gia đình nào cũng có và chằm được. Vì nó che khi rét buốt đi cày, cấy ngoài đồng. Có làng nghề chuyên chằm toi bán. Lá chằm thường là lá nón già, một số nơi làm bằng lá cọ. Trước khi chằm phải ghép khung hình thang: 4 thanh gỗ nhỏ, chằm dùng kim chọc thủng như khâu đột. Toi dùng cả khi mưa khi nắng (Một số ảnh có người khoác áo toi đi trên đường phố thị xã năm 1958 - 1960. Suu tập ảnh về trang phục của người Quảng Bình thật phong phú, dường như họ chụp ảnh là để phô trương cái đẹp của trang phục mà họ đang sử dụng. Từ đó cho thấy được bản sắc văn hoá của người Quảng Bình càng được bảo lưu gìn giữ qua nhiều thế hệ. Vừa bảo lưu vừa cách tân biến đổi nhưng không làm mất đi truyền thống vốn có của nó.

Một số ảnh về trang phục áo quần đã giúp chúng ta cảm nhận và suy tưởng về trang phục mỗi thời đã qua trong các tầng lớp xã hội khác nhau:

Hai chị em bà Lê Hồng Lý năm 1961.

Bà Nguyễn Thị Mỹ ở Sơn Thủy - Lệ Thủy năm 1965.

Nữ sinh Đồng Hới tại nhà UBQT giám sát Đồng Hới năm 1960.

Anh Nguyễn Thế Chí và con năm 1970.

Trại hè thiếu niên nhi đồng năm 1971.

Bà Nguyễn Thị Lan ở Dương Thủy năm 1959.

Trong thời kỳ chống Mỹ và cho đến năm 1975, trang phục của người Quảng Bình đã có sự thay đổi để phù hợp với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc, để phù hợp với cuộc sống chiến đấu, và điều kiện thời chiến. Trang phục của đàn ông, nông dân, công nhân, viên chức... gần giống như nhau. Áo sơ mi, quần âu, đầu đội mũ cứng. Riêng đối với nông dân áo quần bà ba, đôi khi đi họp hành, công chuyện trang phục quần âu, áo sơ mi. Đối với phụ nữ trang phục chính là quần âu, quần thường và áo ngắn may theo các kiểu chít eo hoặc kiểu Hồng Kông vải hoa hoặc màu tùy thuộc thời tiết đông, hè mà may áo ngắn hoặc dài tay với các kiểu cổ 2 ve, lá sen nằm, sen đứng, lá sen vuông, ve nhọn... Kiểu áo mùa đông cũng thật phong phú, áo len ngắn tay, dài tay, áo bông, áo nhung v.v...

Ảnh chị em gái Hồng Hạnh năm 1968.

Nữ sinh Đồng Hới (1954).

Bà Tài Tháy (1935).

Trẻ em thị xã (1960).

Hai mẹ con bà Nguyễn Thị Đoan và Nguyễn Quang Đăng tại Đồng Hới năm 1953.

Bà Đinh Thị Bưởi và con gái Phan Thị Kim Anh tại Xóm Cầu Đồng Hải năm 1949.

Bà Phạm Thị Uyên cùng hai con Tuyết Ba và Mạnh Dũng năm 1951.

Vợ chồng ông Nguyễn Xuân Chàm và bà Phạm Thị Lành năm 1965 tại Đồng Hới.

Chị Tổng Thị Xuân nữ sinh trường Sư phạm Quảng Bình năm 1963.

Đối với bộ đội địa phương tham gia chiến đấu nên trang phục luôn gọn gàng, phù hợp với thời chiến, màu của lá cây, màu xanh là trang phục chung, thường may vải tơ châu của Trung Quốc viện trợ, áo quần của lính khác với sĩ quan ở kiểu cách. Còn đối với bộ đội Hải quân trong trang phục màu xanh nước biển chỉ khác có một số sọc trắng hoặc áo trắng sọc ngang xanh. Để nguy trang họ còn mang khoác thêm tấm dù lấy được của phi công Mỹ. Sau đó nhuộm bằng lá cây mướp hoặc dù hoa của Mỹ. Dù còn được dùng làm chăn để đắp, mũ cứng hoặc mũ tai bèo. Đối với dân quân du kích địa phương họ dùng trang phục màu nâu, đen cũng khoác dù có khi đội mũ rơm để chống bom Mỹ. Mũ rơm đôi khi còn tôn vẻ duyên dáng của người phụ nữ.

Ảnh bà Hoàng Thị Nhon - y sĩ đội mũ rơm chống mảnh đạn năm 1968.

Cha và con gái ông Trần Hùng năm 1973, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 229 bộ đội chủ lực Quảng Bình.

Chân dung ông Hoàng Xuân Diệu phòng hậu cần năm 1970.

Bà Nguyễn Thị Hồng Giáo và bạn năm 1970.

Ông Thái Bá Nhiệm bế con năm 1962 tại sư 325 - Đồng Hới.

Ông Miến phó phòng tác chiến tham mưu của Tỉnh đội Quảng Bình cùng nhà báo Nguyễn Nhật Phương năm 1967.

Bà Lương Thị Kim Huệ thanh niên xung phong hoả tuyến năm 1961.

Chị Trần Thị Lý tại Festival ở Cu Ba năm 1968.

Đối với đồng bào các dân tộc Chứt, Bru Vân Kiều trang phục của họ cũng đơn giản áo dài, ngắn còn ở dưới là váy dân tộc.

Những nét đẹp giản dị của trang phục truyền thống vẫn được lưu giữ trong các sưu tập ảnh cho nhân dân thông tin nhiều phương diện của con người như dân tộc, địa phương, giới tính, tín ngưỡng, thẩm mỹ, vị trí xã hội... Tất nhiên trong trang phục chức năng là vật dụng và dấu hiệu không tách rời nhau mà chúng kết hợp với nhau một cách hài hoà. Khi bàn tới trang phục người ta nghĩ tới chất liệu tạo ra nó (vỏ cây, vải, da, len...) Cách thức may cắt, cách nhận màu và chống lại côn trùng. Tất cả có liên quan đến môi trường tự nhiên cũng như trình độ phát triển

xã hội của mỗi cộng đồng người. Còn nói đến ý nghĩa của các dấu hiệu trên trang phục làm người ta liên tưởng đến hình khối, đường nét màu sắc mà thông qua đó người mặc muốn biểu đạt một cái gì đó về thẩm mỹ, biểu tượng của đời sống tinh thần họ. Bởi vậy thông qua sưu tập ảnh, có tác dụng đối với việc nghiên cứu và ứng dụng vào công tác của Bảo tàng. Trang phục biểu hiện những sắc thái tộc người và địa phương khá rõ rệt. Quảng Bình là khu vực Miền Trung, nắng lắm, mưa nhiều nên trang phục thường đủ ấm về mùa đông, mát về mùa hè. Đó là áo quần dài và ngắn, may 5 thân xẻ vạt cài cúc một bên. Sau dần có sự cải biến do ảnh hưởng của sự giao thoa giữa các vùng miền trong tỉnh, trong nước và nước ngoài. Nhưng cơ bản vẫn bảo lưu được truyền thống, bản sắc của địa phương mình.

Trong các dân tộc cùng sinh sống ở Quảng Bình năm 1975 trở về trước, trang phục đã hết sức đa dạng. Các hình thức trang trí, phong cách và quan niệm thẩm mỹ liên quan và chịu chi phối của nhiều nhân tố địa lý, dân tộc, hoàn cảnh và trình độ phát triển kinh tế, xã hội và những nhân tố đó ảnh hưởng đến trang trí, kỹ thuật, phong cách, đường nét, màu sắc... Trước đó là kết quả của sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, của giao lưu văn hoá giữa trong nước và thế giới. Mỗi cá nhân, giai cấp, mỗi tầng lớp có thể “tự do” tìm thấy những sở thích riêng của mình trong trang phục nhưng không vượt ra ngoài tính thời đại của trang phục qua mỗi thời kỳ lịch sử. Bởi vậy trang phục vừa là sản phẩm của thời đại vừa là bộ mặt của thời đại. Tính thời đại của trang phục là sự kết hợp nhuần nhuyễn hợp lý và khoa học giữa truyền thống và hiện đại trong trang phục. Truyền thống là nếp nghĩ, thói quen, những chuẩn mực đã định hình và trở nên bền vững trao truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Mỗi thời kỳ lịch sử, nhất là có những biến đổi Cách mạng thì thái độ con người với di sản truyền thống luôn đặt ra và có những cách ứng xử khác nhau. Do vậy, trang phục phù hợp với điều kiện tự nhiên nóng ẩm khắc nghiệt của Quảng Bình phải được coi như là giá trị truyền thống cần tiếp thu trong việc tạo ra những kiểu trang phục mới cho con người. Người Quảng Bình cũng quan niệm trong trang phục truyền thống phải có mối quan hệ giữa đẹp về hình thức và đẹp tinh thần, kín đáo nhưng vẫn nổi rõ những đường nét đẹp hình thể của phụ nữ...

Qua các sưu tập ảnh sưu tầm được, chúng ta thấy rõ sự kết hợp giữa truyền thống hiện đại trong trang phục của người Quảng Bình thực sự là nguyên tắc cơ bản mà họ đã giữ được nét văn hoá riêng. Mỗi con người qua mỗi thời kỳ có thể ứng dụng, sáng tạo ra những cách ăn mặc phong phú, đa dạng nhưng hợp lý tạo ra cái đẹp hài hoà, xoá bỏ những “sự đồng danh”, “Kỳ thị”, giữ gìn bản lĩnh và bản sắc văn hoá của người Quảng Bình. Nhất là trang phục của phụ nữ, bản sắc sẽ được biểu hiện rõ rệt, thường xuyên và lâu bền.

Ảnh về văn hoá ẩm thực của người Quảng Bình không có nhiều, nhưng cũng đã phản ánh văn hoá ẩm thực khá phong phú và độc đáo trong các gia đình và đời sống các vùng cư dân trong tỉnh.

Do ảnh hưởng của sự thống trị của thực dân Pháp, trong xã hội có nhiều biến động. Việc buôn bán giao lưu hàng hoá đã có sự thay đổi trong phong tục. Vì vậy trong sinh hoạt có sự cách tân nhưng cũng có bức ảnh vẫn bảo lưu được nét cổ xưa

của thời phong kiến. Qua các ảnh chân dung chụp từ 1920 - 1930 càng rõ điều đó. Về ở trong nhiều bức ảnh chụp lại quang cảnh ngôi nhà ở thị xã Đồng Hới, có nhà của người nghèo đơn sơ vách nứa. Trong nhà trang trí đơn giản từ bàn ghế đến đồ dùng trong sinh hoạt gia đình. Đối với một số gia đình khá giả buôn bán, hay có người là viên chức trong các cơ quan công sở thì được bố trí với lối kiến trúc pha trộn Á - Âu. Đồ dùng được chạm trổ tinh xảo bằng gỗ hoặc khảm xà cừ. Với những bộ bàn ghế, trường kỷ để tiếp khách hoặc dùng để cúng kỵ, lễ lạc. Vị trí bàn thường được đặt ở gian giữa. Những gia đình có bộ trường kỷ thường đặt ở gian trung tâm để tiếp khách. Gian giữa còn treo thêm đôi câu đối bằng chữ Hán và hoành phi sơn son thếp vàng. Một vài hình ảnh ví dụ:

Ảnh của ông Phan Văn Huy và các con chụp năm 1960.

Gia đình ông Hoàng Trọng Đống tại Đồng Hới năm 1959.

Gia đình ông Phi Văn Lưu năm 1958 tại Đồng Hới.

Ngoài những bức ảnh chụp bên trong những ngôi nhà là ảnh chụp bên ngoài của gia đình, chụp lại quang cảnh của ngôi nhà, khung cảnh sinh hoạt dạo chơi trên phố phường, bãi biển:

Ảnh ông Nguyễn Xuân Chàm và bạn dạo chơi trên phố năm 1954.

Dạo chơi trên bãi biển của gia đình ông Nguyễn Tư Thoan năm 1960.

Dạo chơi ở Nhà thờ Tam Tòa năm 1957.

Gia đình ông Hồ Nhị Tùng - 1954.

Một buổi dã ngoại năm 1964 của ông Nguyễn Thanh Ba và bạn.

Qua ảnh này cho thấy được người Quảng Bình có một phong cách chung con người vui vẻ, diêm đạm, nhã nhặn, khiêm tốn, quý mến coi trọng khách, quý trọng nhân nghĩa, coi trọng chữ tín, lễ độ. Trong làng quê hay phố xá đều ăn ở đi lại với nhau chân thật. Tuy là thị xã nghèo nhưng có sự trao đổi, buôn bán nên đã có những tiệm buôn hàng chủ yếu ở chợ. Dân nghèo thành thị lao động kiếm sống với các nghề mộc, nề, may mặc, buôn bán nhỏ.

Sau cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, nhân dân Đồng Hới, nhân dân Quảng Bình cùng với miền Bắc, phấn khởi bước vào cuộc sống mới xây dựng và bảo vệ hoà bình độc lập tự do.

Các nhà nhiếp ảnh chuyên hay nghiệp dư có điều kiện ghi lại những hình ảnh không những phản ánh cuộc sống lao động kiến thiết đất nước mà đã ghi lại được nhiều hình ảnh về phong tục tập quán của các vùng cư dân thành thị và nông thôn. Các ảnh:

Một buổi giỗ cúng tại mộ có cả thầy đang cúng và gia chủ đang làm lễ của gia đình ông Hoàng Trọng Bính năm 1960.

Ảnh đám tang của ông Phi Văn Lưu.

Ảnh làm lễ thánh ở nhà thờ làm lễ năm 1965 nhà thờ Hương Phương.

Ảnh về tang lễ người chết...

## 2. Những phong tục, tập quán và tín ngưỡng dân gian.

Những sưu tập ảnh cho thấy Đồng Hới là một thị xã, tuy nhỏ nhưng cũng đã phát triển theo tiến trình của lịch sử. Các lễ cúng giỗ cũng diễn ra đúng trình tự. Nếu theo Phật giáo có đi lễ chùa hoặc thờ tự theo tín ngưỡng của mình như thờ thần bếp, thờ trời, thờ cúng ông bà, tổ tiên khi những người thân qua đời. Trong gia đình nào cũng có bàn thờ và trên đó có đủ các vật thờ như: ngũ sự, lư hương, chân đèn, cốc bát, bái vị thờ. Khi người chết qua đời con cháu tập trung làm lễ tang cho người chết cũng rất chu đáo. Người sắp chết có con cháu tụ về đứng quây quần xung quanh, để ghi nhớ những lời trăng trối. Khi người đang hấp hối lấy bông đặt ở mũi, không thấy bông động đậy là người đã chết. Có thủ tục vuốt mắt cho nhắm lại và làm thủ tục khâm liệm cho người chết, rồi đến lễ nhập quan. Quan tài đặt ngay chính nhà giữa đầu quan tài hướng ra ngoài sân. Trên mặt quan tài có đặt bảy ngọn đèn cây, lư hương và một chén cơm, một đôi dưa và một quả trứng gà luộc để thờ. Phía trước quan tài có ảnh người chết, hương hoa, đèn sáp, lư hương... Sau đó làm lễ thành phục: Bà con theo thứ tự tôn ti làm lễ chít khăn tang. Người đến cúng viếng cúng hương chia buồn cũng vái lạy. Lễ động quan, di quan tài đưa đi ra khỏi nhà lên nghĩa địa và lễ hạ huyệt. Ngoài ra còn các lễ cúng giáp năm, hết khó hay cúng tạ mộ. Như vậy người Quảng Bình cho rằng người chết chỉ chết phần xác còn phần hồn vẫn sống mãi. Do vậy nếu những gia đình có cuộc sống khá giả thường chuẩn bị cho cái chết của mình hoặc cha mẹ mình tuổi già đến gõ cửa. Và tang lễ thường là một việc báo hiếu đối với cha mẹ. Nhưng cũng là việc làm đầy tính nhân bản. Không chỉ gia đình mà cả tập thể cộng đồng anh em làng xóm bạn bè cùng chung tay giúp sức. Có khi cả chính quyền cũng đứng ra giúp đỡ. Tang lễ thường theo tục lệ, nghi lễ, phép tắc đậm nét giáo lý. Phong tục Quảng Bình về ngày tang lễ giúp gia chủ giữ đạo hiếu, theo phép tắc của làng xóm:

Ảnh đám tang của ông Phi Văn Lưu năm 1975.

Ảnh thầy cúng ở Hương Hoá Tuyên Hoá.

Việc cúng giỗ tế lễ ở Quảng Bình cũng rất được coi trọng. Cúng gia tiên mang một ý nghĩa vô cùng trọng đại, lễ được tổ chức hàng năm. Thường giỗ Chạp, giỗ họ ở nhà thờ họ nhưng cũng có qui định. Con trai trưởng mới đứng ra tổ chức, các em các nhánh phái góp vốn để làm giỗ. Các bà, các mẹ lo việc chợ búa, bếp núc và cúng tế ở đình là việc của đàn ông. Lễ vật tùy tâm, tùy hoàn cảnh, sang thì cỗ có bát nấu, đĩa xào, giò, chả, gà, lợn... bình thường thì đĩa xôi, con gà, nghèo khó thì cơm canh... Khách mời cũng tùy thuộc trong họ. Làm giỗ ở nhà Từ đường do trưởng họ chủ trì tổ chức. Trên nhà thờ họ qui định không cho các cụ, bà, mẹ đã có chồng lên, chỉ có các ông, thanh niên nam nữ, trẻ em chưa có gia đình mới được vào nhà Từ đường. Như ảnh chụp của nhà thờ họ Đinh ở xóm Cầu Đồng Hải, chụp năm 1939, không cho đàn bà có chồng đứng chụp ảnh:

Ảnh nhà thờ họ Đinh ở xóm Cầu - Đồng Hải năm 1939 do ông Đinh Như Ích ở Đồng Sơn cung cấp.

Việc thờ cúng các vị thần linh khác ở Quảng Bình cũng có rất nhiều nơi liên quan đến thờ tự. Như thờ thần công, thờ thần tài, thờ tiền chủ, bà cô, ông mãnh chết trẻ; Việc thờ cúng trong gia đình xuất phát từ tấm lòng của mỗi người. Trong xóm làng có thờ Thành Hoàng làng, những người có công với quê hương đất nước. Hàng năm được cúng tế tại đình làng vào các ngày sinh, ngày kỵ (ngày mất), các ngày tuần rằm, lễ tết theo định kỳ, một vài năm mở hội cúng tế thành hoàng. Việc cúng tế chủ yếu là để cầu phúc và tránh họa. Điểm thờ cúng chủ yếu là ở đình làng. Đình làng trước đây ở Quảng Bình tọa lạc trên một địa điểm trung tâm của làng, kiến trúc đẹp nhất của làng xã và là nơi sinh hoạt của cư dân trong làng, xã. Nhiều nơi rộng 5,7 gian, có hậu cung nối với bái đường qua một bộ phận trung gian tạo thành hình chữ Đinh. Mái lợp ngói vẩy rồng, có đầu đao cong, bên ngoài có vẻ thấp, nhưng bên trong thấy nóc đình khá cao. Gian chính giữa có bày hương án, trên đặt bình hương và các đồ tế khí như lọ hoa, nến, đài rượu... Trong hậu cung đặt long khám thờ, hộp sắc phong, thần tích, cấm cờ quạt hai bên, Hạc châu, đỉnh đồng v.v... (ảnh đình làng Đồng Hải; Đình làng Võ Ninh; Đình làng Cảnh Dương...) Đình làng là nơi tế lễ, còn là nơi các chức sắc họp việc làng, việc thôn khi có việc hoặc là nơi vui chơi trong các dịp lễ, tết như chơi bài chòi, cờ người, múa bài đờng, chọi gà, đấu vật, bơi chải... (ảnh một cảnh rước thần ở đình làng Đồng Hải có cờ phướn rộng, gươm, giáo...). Đình làng Đồng Hải nhìn từ mái đình trên đỉnh thượng có 2 con rồng đắp nổi mái đình cong lên, đình không có cửa tam quan, tại đây thường tổ chức lễ hội Xuân thủ kỳ yên, hội bơi chải (Lục niên canh độ):

Lễ hội trồng cây nêu ngày tết năm 1960.

Lễ hội đình làng Đồng Hải năm 1938.

Hội bơi chải trên sông Nhật Lệ năm 1942.

Đình làng Đồng Hải năm 1925.

Từ lễ hội làng cho thấy lễ hội văn hoá duy trì tinh thần bình đẳng, ý thức nhớ về cội nguồn và truyền đạt thông tin, chuyển giao văn hoá như giá trị kiến trúc nghệ thuật trong di tích, giá trị văn hoá sử học mang tính anh hùng ca chứa trong các thần phổ, hoành phi, câu đối. Đó là những “bản thông điệp” để cho thế hệ trẻ nhận biết mà duy trì. Nó như bản nhật ký vô hình sang trang và nó còn mang ý nghĩa sáng tạo văn hoá và liên kết cộng đồng.

Về đến chùa, miếu, phủ quán không có gì khác biệt so với các nơi. Ở Quảng Bình vẫn có các chùa mái cong, cột trụ, câu đối, biển ngay, đền miếu phủ toạ lạc nơi có khuôn viên nhiều cây cao bóng cả (Chụp ảnh trước chùa Hàng Bang vào ngày rằm của gia đình Lương Tuyết Mai). Nhân dân đi lễ chùa vào ngày rằm, mồng một hàng tháng và trở thành một tập quán mà ý nghĩa về tôn giáo không trội nổi bằng ý nghĩa giao tiếp văn hoá xã hội. Ảnh cho thấy, các địa điểm tín ngưỡng còn

là để làm nơi tụ họp hay giải toả về mặt tâm lý trong cuộc sống (ảnh Miếu thần hoàng ở Mỹ Thổ Trung Lục).

Ảnh về các phong tục tập quán của người Quảng Bình phải kể đến ảnh cưới của người dân thành thị và nông thôn. Thường ngày cưới hỏi được chọn ngày âm lịch. Lễ hỏi và lễ cưới thường được tổ chức liên kế nhau hoặc đồng thời với nhau. Đòi sinh lễ và lễ vật tượng trưng cho tình nghĩa gắn bó mặn mà thủy chung và lòng yêu quê hương. Lễ cưới tổ chức gần 6 lễ thức: nạp thái (bỏ trâu, dạm, cầu hôn), vấn danh( lễ hỏi), nạp cát (đi thăm), thỉnh kỳ, nạp lễ, thân nghinh. Thỉnh kỳ (lễ xin cưới), lễ cưới tổ chức ở nhà gái trước, chú rể cô dâu làm lễ trước bàn thờ gia tiên, vái chào bố mẹ, tạm biệt bố mẹ lên xe hoa về nhà chồng. Nhân dịp lễ cưới, nhà trai nhà gái làm cỗ cúng gia tiên mời bà con họ hàng, bạn hữu thân thiết đến chia vui nhân dịp có con lấy vợ, chồng, nhà nào mời khách riêng của nhà nấy. Ngoài tiệc mặn còn tổ chức tiệc trà, xe hoa đón rước cô dâu, chụp ảnh kỷ niệm trong lễ cưới, trong ảnh là bố mẹ, anh chị hoặc bạn bè, cô dâu chú rể mang áo cưới đi từng bàn mời, chúc bạn bè bà con trong tiếng nhạc vui vẻ.

Đối với đám cưới nhà nghèo cũng tùy thuộc theo khả năng đôi bên, nhà gái không gọi ý bày vẽ phiền phức cho nhà trai mà có khi ngăn nhà trai làm quá sức. Có khi còn gộp cả cưới hỏi làm một, hay nếu vì điều kiện không cho phép chỉ tổ chức gặp mặt bằng kẹo thuốc nước và chụp ảnh kỷ niệm trong các ảnh sưu tầm được thể hiện rõ nhất là các ảnh:

Đám cưới bà Đinh Thị Vân ở Đông Hới (1961).

Lễ đám cưới ông Thái Ngọc San năm 1975.

Ảnh vợ chồng Thái Ngọc San chụp kỷ niệm sau cưới với bà con cha mẹ năm 1975.

Một cảnh đám cưới ở Hải Thành (1957).

Lễ thành hôn của Thái Hồng Nhị và Nguyễn Thị Trúc Khanh (1961).

Đám cưới ở chiến trường của ông Thái Bá Nhiệm năm 1974.

Giá trị của sưu tập ảnh tư liệu về phong tục tập quán không phải chỉ là ảnh kỷ niệm của gia đình, giòng họ, cá nhân của những người lưu giữ. Qua đó, nhiều hình ảnh đã phản ánh một cách khách quan, chân thực về đời sống văn hoá tâm linh của người dân Quảng Bình. Có những ảnh mang giá trị nhân văn của một bộ phận cư dân, của những con người mới: vừa kết hợp những nét đẹp truyền thống của quê hương dân tộc, vừa ứng xử cải tiến cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của từng vùng, miền, từng gia đình.

Ở thành phố, đô thị những gia đình khá giả, giàu có thì tiến hành những thủ tục của lễ cưới, còn ở nông thôn nhà nghèo thì thủ tục cũng giảm đi nhiều. Đôi khi không theo “Lục lễ” mà chỉ có lễ hỏi và lễ cưới. Giữa hai lễ là sự giao lưu tình cảm của hai gia đình và bạn bè, cho nên có câu “Không ai chê đám cưới, không ai cười đám ma” ở Quảng Bình là vậy. Tục cưới xin bắt nguồn từ ba mối liên quan gia đình,

họ tộc, làng xã gắn bó như 3 lợi ích không thể tách rời. Do vậy trước đây hôn nhân được cột chặt vào đạo hiếu trung. Còn sau này thì lại phụ thuộc vào sự ràng buộc của xã hội, cộng đồng và gia đình. Nhưng chung qui lại là nét đẹp truyền thống của quê hương trong phong tục tập quán và vì thế nó được bảo lưu, gìn giữ từ thế hệ này sang thế hệ khác và hơn nữa còn được duy trì phục hồi bài bản hơn.

### 3. Di tích lịch sử văn hoá:

Quảng Bình từ khi có làng xã đến nay, con người Quảng Bình luôn gắn bó, chia sẻ với nhau ngọt bùi cay đắng, lúc đói nghèo hay khi thịnh vượng đều hôm sớm có nhau, cùng chung mái ấm khí thiêng sông núi, nước non của một vùng đất. Từ làng xóm quê hương luôn nằm trong ký ức, tiềm thức của mỗi người dân Quảng Bình. Dù họ đi xa hay ở đâu cũng không quên được quê hương nơi chôn rau cắt rốn. Khi mà nhiếp ảnh du nhập vào thì người Quảng Bình đã tìm đến gìn giữ bản sắc văn hoá cổ truyền của dân tộc, những hình ảnh đẹp của làng quê được ghi lại để qua đó tăng thêm lòng yêu thương, nếu có đi xa thì hình bóng của quê hương cũng không phai mờ trong ký ức của họ. Cũng chính vì thế mà ảnh về làng quê Quảng Bình đã được các nghệ sĩ nhiếp ảnh ghi lại và còn lưu giữ trong các cá nhân, gia đình Quảng Bình hay ở những nơi khác. Những tên làng cổ xưa như Roodn, Cảnh Dương, Lý Hoà, Đồng Hới, Tam Toà... Với những cây đa, bến nước, sân đình, đường phố, chùa chiền đã được ghi lại bằng hình ảnh. Đó là những di tích đi vào lịch sử, những danh lam thắng cảnh của quê hương đã từng được nhắc đến từ xa xưa và còn lưu lại đến nay. Làng xã là nơi tiềm ẩn bản sắc văn hoá dân tộc rõ nét nhất, đa dạng nhất. Nó tồn tại từ khi con người Quảng Bình mới lọt lòng mẹ đến khi mất. Qua ảnh có thể nhận diện một làng quê từ cổng làng đến đường làng đến mọi sinh hoạt làng, lũy tre làng và cánh đồng làng, tình làng, sông làng, chợ làng... Ảnh làng quê Quảng Bình qua các thời kỳ cho ta một cách nhìn tương đồng hoặc biệt dạng giữa làng quê này với làng quê khác. Làng nông nghiệp, làng biển hay làng bản miền núi, làng phố... làng thuần nông và làng có ngành nghề thủ công nổi tiếng như: nghề rèn, chạm, nón, dệt. Sự liên kết về nghề nghiệp, về kinh tế trong môi trường sống luôn đi đôi với sự liên kết về mặt văn hoá. Làng xã Quảng Bình có những nét đẹp chung giống nhau nhưng cũng có nét riêng nặng về văn hoá nông nghiệp. Khi kinh tế hàng hoá phát triển, đô thị hình thành, những nét đẹp văn hoá cổ cũng dần phát triển theo với nhiều hình thức mới, nét mới. Những nét văn hoá song song tồn tại và phát triển giữa thành thị và nông thôn.

Khi Pháp đặt chế độ bảo hộ và đô thị Đồng Hới ra đời, người Quảng Bình chịu sự tiếp biến của văn hoá, tập cách tân văn hoá mình dù bị động. Một nền dân chủ tư sản được du nhập, một nền kinh tế hàng hoá được triển khai... Tuy nhiên, đô thị cũng như thôn quê nền kinh tế vẫn nghèo nàn. Phố xá chỉ tập trung hai con lộ lớn, dón về chợ chật hẹp, buôn bán nhỏ, công nghiệp hầu như không có gì. Làng chài Đồng Hải cư dân tập trung đông nhất là xóm Cầu. Từ Cầu dài đến khu vực chợ, dọc theo bờ sông là xóm Cầu. Nghề đánh cá thuyền bè tụ về đây tránh sóng to gió mạnh, bãi trên bến dưới tiện cho việc phơi phong chằm vá lưới chài, nhưng về

những chiều hè, không khí nhộn nhịp của một làng biển quen thuộc với những đoàn thuyền đánh cá trở về.

Ảnh bến thuyền cá ở Xóm Cầu Đồng Hải (1960).

Đường phố Đồng Hới sát hồ thành năm 1947.

Nhà thờ Tam Toà Đồng Mỹ năm 1947.

Các làng quê yên bình được ghi lại bằng hình ảnh sông Nhật Lệ, với chòi của ngư dân đánh cá lưới chài nằm yên tĩnh bên bờ sông. Các con đường của thị xã tuy nhỏ bé nhưng cũng là con đường “đô hội” nhất lúc đó gắn tên đường với tên các anh hùng, danh nhân, gắn với lịch sử dân tộc, quê hương. Như đường Huỳnh Côn, đường Cô Tám, đường Lâm Úy, Võ Nguyên Giáp, đường Quảng Bình Quan.

Đường Cô Tám, đường Cầu Mụ Kê (1947).

Nguyễn Trãi sát hồ thành (1947).

Cổng Bắc thành đường Đoàn Thị Điểm (1947).

Đường Lâm Úy (1956).

Đường có tiệm ăn ASIA, công viên Vườn hoa (1963).

Đường vườn dương gần dài liệt sĩ nhìn ra bờ sông Nhật Lệ năm 1956.

Tháp nước thị xã Đồng Hới năm 1965.

Một đoạn đường phố Đồng Hới năm 1945.

Một góc đường phố Đồng Hải năm 1954.

Quảng Bình Quan năm 1952.

Cửa bắc thành Đồng Hới năm 1945.

Xe Zép của phòng Nhì Pháp năm 1949.

Góc đường Võ Nguyên Giáp và cầu Mụ Kê năm 1956.

Cầu bơi Nhật Lệ năm 1960.

Đó là những bức ảnh đẹp đã phản ánh một phần cảnh quan Đồng Hới trước năm 1975 với các phố phường thị xã nhỏ bé nhưng đầy những kỷ niệm khó phai mờ trong lòng những người dân Quảng Bình về một thị xã tỉnh lỵ. Các di tích đình chùa, miếu vũ, nhà thờ Tam Toà hay các thắng cảnh đẹp như hồ Bàu Tró, cửa biển Nhật Lệ hay đường vào động Phong Nha.

Cảnh Võ Thắng Quan.

Hoành Sơn Quan.

Làng quê Đại Trạch bên bờ Sông Dinh (1967).

Sông Kiến Giang.

Bến đò Nhật Lệ.

Sông Ròn.

Lên Áng Sơn.

Hồ Cẩm Ly.

Ảnh đường vào Động Phong Nha.

Núi sông non nước Quảng Bình có khí thiêng, anh linh riêng làm cho con người Quảng Bình hoà quyện vào quê hương mình bằng tình yêu và gắn với bổn phận và trách nhiệm của mình trước sự tồn vong, suy thịnh của vùng đất sinh ra mình để quyết tâm xây dựng quê hương giàu đẹp và biết bảo vệ gìn giữ những gì còn để lại. Một số ảnh còn mang giá trị nghệ thuật, mỹ thuật và đã phản ánh nghệ thuật nhiếp ảnh Quảng Bình khi chọn những bức ảnh về cảnh đẹp quê hương Quảng Bình qua các thời kỳ. Ảnh còn minh chứng cho một dấu tích văn hoá của một thời kỳ (ảnh Hồ Bàu Tró). Có di chỉ khảo cổ học thời đại đồ đá mới “văn hoá Bàu Tró” vừa có giá trị tư liệu vừa có giá trị thẩm mỹ góp phần vào việc phổ biến kiến thức mỹ thuật, lịch sử văn hoá cho quảng đại quần chúng. Đặc biệt với người không có điều kiện thăm bảo tàng mỹ thuật.

#### **4. Ảnh đấu tranh chống thiên tai, bão lụt.**

Quảng Bình thường bị nhiều thiên tai khắc nghiệt; là tỉnh ở Bắc trung bộ có đủ địa hình: đồi núi, đồng bằng và cồn cát ven biển. Sông ngòi ngắn và dốc. Khí hậu nhiệt đới gió mùa nên bên cạnh những thuận lợi cũng không ít những tai biến bất thường như các hiện tượng hạn hán, lũ lụt, bão tố, ẩm thấp. Khi hạn thì “cháy đồng nung đá”, “ruộng nẻ, bầu khô” Khi mưa thì “mưa thối đất, thối đai”, bão lụt cuốn trôi những thành quả lao động và cả sinh mạng con người. Vì vậy đã bao đời nay, người dân Quảng Bình đã cố kết bền vững để đối chọi với thiên tai, bảo tồn và phát triển. Và qua đó đã rèn luyện cho con người Quảng Bình những đức tính quý báu: lao động cần cù, tinh thần đoàn kết, kiên trì, bền bỉ phấn đấu, thích nghi với thiên nhiên; Chinh phục và cải tạo điều kiện tự nhiên, xây dựng quê hương và cuộc sống.

Các công trình ngăn mặn, khơi mương, đào sông thông thuỷ là một giải pháp thông minh và kiên nhẫn của con người Quảng Bình. Để có nước cho mùa hè tưới mát ruộng đồng, các công trình hồ chứa nước như Cẩm Ly, An Mã... đã đưa nước về góp phần tạo ra vùng kinh tế nông nghiệp trù phú: Quảng Ninh, Lệ Thuỷ hay các công trình chế ngự nước mặn ở vùng lưu vực các đồng sông ra biển: công trình thuỷ lợi Rào Nan, Nguồn Nở, Nguồn Sơn, đập Mỹ Trung, hệ thống các đê điều ngăn mặn. Người Quảng Bình đã phải nghiêng đồng đổ nước ra sông khi bị lũ lụt. Khi hạn hán thì đào kênh, dẫn nước tát nước vào để cày cấy, xây dựng hồ chứa. Từ khi có chế độ mới công tác thuỷ lợi, thuỷ nông đã được Đảng và Nhà nước quan tâm. Cùng với tinh thần cần cù thông minh, sáng tạo đã tạo một bước mới trong lĩnh vực phòng chống thiên tai. Su tập ảnh về phần này có nhiều ảnh đã ghi lại được những dấu ấn lịch sử trên mặt trận chống thiên tai. Đó là các ảnh về:

Trận lũ Canh Dần 1950 tại Đồng Hới.

Đường nhà Tầm trong trận lũ Canh Dần năm 1950.

Đồng Hới chống hạn làm mùa (1965).

Ra quân chống hạn vụ 8 (1968) của xã Trung Trạch.

Gánh nước bên sông Nhật Lệ.

Hồ nước Cẩm Ly.

Công trình thuỷ lợi Bà Trưng Cụ Năm.

Với nghề trồng lúa nước là chính, người Quảng Bình kế tiếp nhau từ đời này qua đời khác ứng xử với thiên nhiên mà sáng tạo văn hoá. Nước điều hoà cho vừa đủ ngấm đất nuôi cấy lúa nước, nước nhiều quá thì đắp đất quai đê ngăn sông ngăn biển để giữ đất. Mùa khô cạn đất thiếu nước thì mương phai thuỷ lợi dẫn nước về cho đất. Cuộc đấu tranh để cân bằng giữa đất và nước là một ứng xử tài tình và tự nhiên của dân tộc Việt Nam nói chung, của người dân Quảng Bình nói riêng. Đấu tranh chống thiên tai địch hoạ để bảo vệ đất nước đã trở thành biểu tượng thiêng liêng của người Quảng Bình. Người Quảng Bình nhận thức được “lụt thì lụt cả làng”, nước ngập thì chẳng chữa ai. Bởi vậy, mà nhà nhà bảo nhau cùng lo đi chống lụt và phải cùng chấp nhận sinh sống với lũ lụt và phải kiên cường vươn lên mà cùng tồn tại chống chọi với bão lũ. Những hoạt động của con người Quảng Bình chống lại thiên tai có khi một lúc, một thời phải đương đầu chống cả thiên tai và địch hoạ để bảo vệ cuộc sống của cộng đồng bảo vệ và xây dựng quê hương, đất nước. Có thể nói sự thuận ứng với tự nhiên của người Quảng Bình đã tạo nét đẹp truyền thống không phải chỉ có ý nghĩa giúp con người nhận thức được thế giới tự nhiên mà còn biết vận dụng qui luật của nó vào trong thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng sống cho mình. Bởi vậy, qua hàng bao đời đã tạo lập những cánh đồng thẳng cánh cò bay (cánh đồng Lệ Thuỷ, Quảng Ninh) “Nhất Đồng Nai, nhì hai huyện”.

Có thể nói, những bức ảnh về chống thiên tai của người dân Quảng Bình được giữ lại là minh chứng lịch sử chân thực nhất. Qua đó giúp chúng ta nhận biết được khó khăn, khốc liệt của thiên tai gây ra cho con người, để có những phương sách phòng tránh. Đó là bài học quý từ công tác thuỷ nông đối với mảnh đất Quảng Bình thường chịu nạn hạn hán, gió bão, lũ lụt.

## **5. Ảnh về nghề truyền thống và thành tựu kinh tế.**

Các sản phẩm thủ công dù hình thức thể hiện như thế nào ở trình độ nào cũng đều là sản phẩm văn hoá, đều có nguồn gốc xuất phát từ nhu cầu của đời sống con người. Sản phẩm thủ công ban đầu được nảy sinh do mục tiêu đời sống kinh tế. Trong suốt quá trình hoàn thiện và phát triển, chúng dần dần mang tính khoa học, thẩm mỹ. Vì thế sản phẩm thủ công là kết quả, là tinh hoa, trí tuệ của ông cha ta trong suốt hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Có được những sản phẩm thủ công đó là do bàn tay tài hoa của các nghệ nhân các làng nghề truyền thống. Trong quá trình lao động kiên trì, nhẫn nại đã tạo ra các sản phẩm mỹ nghệ, sản phẩm hàng hoá. Như làng nón Thổ Ngọa, Xuân Bồ. Nghề thủ công truyền thống là một

trong những đòn bẩy, nền móng để xây dựng và phát triển nền kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hoá hiện đại hoá. Là một trong những giải pháp để phát huy nội lực của địa phương. Bởi thế từ trước năm 1975, việc gìn giữ và phát huy các nghề thủ công truyền thống là nhiệm vụ bảo tồn gìn giữ những di sản văn hoá dân tộc, của quê hương. Trong quá trình phát triển sản xuất của các làng nghề truyền thống đã được ghi chép lại không những bằng ca dao, thơ họa mà bằng nhiều hình ảnh tả thực hay ảnh nghệ thuật của các phóng viên, các nghệ sĩ nhiếp ảnh trong và ngoài tỉnh. Tuy ảnh không có nhiều và đầy đủ, nhưng cũng nói lên được một phần nào việc gìn giữ và bảo vệ ngành nghề truyền thống ở tỉnh ta. Có thể nhìn vào ảnh để thấy được đó là loại ngành nghề gì, tồn tại ở đâu? và do ai làm. Và ảnh có khi đặc tả công đoạn đang sản xuất sản phẩm thủ công truyền thống (ảnh làm dầu trầm, làm mặt mây). Qua ảnh cũng cho thấy được các công cụ làm nghề, qui mô của nghề, qui trình chế tác và tiêu thụ sản phẩm. Ảnh cho thấy được một phần diện mạo, một phần bức tranh kinh tế văn hoá của nhân dân Quảng Bình. Góp phần gìn giữ bản sắc văn hoá dân tộc. Góp phần làm sống dậy và phát triển các nghề thủ công truyền thống của tỉnh Quảng Bình thời gian tới.

Quảng Bình trong thời kỳ cải tạo XHCN và xây dựng CNXH bước đầu đã đạt được mục tiêu đáng kể về ngành thủ công. Trong đó có các nhóm như cửa xẻ gỗ và chạm trổ đồ mộc, nhóm sản xuất hàng mỹ nghệ, kim loại như vàng, bạc, đồng, sản xuất gạch ngói, dầu trầm, dầu sả...

Trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước một số ngành nghề thủ công vẫn được duy trì đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân và vừa để gìn giữ bản sắc văn hoá làng nghề. Quảng Bình coi trọng nhiệm vụ bảo vệ, duy trì, phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Trong đó có các làng nghề truyền thống nhằm cung ứng kịp thời những nhu yếu phẩm phục vụ cho đời sống của nhân dân, bộ đội trong thời chiến. Trong thời kỳ giặc Mỹ ngừng ném bom phá hoại miền Bắc cho đến 1975. Các làng nghề thủ công vẫn được coi trọng và phát triển đều. Dù trong hoàn cảnh nào, giai đoạn lịch sử nào thì những bức ảnh thu được còn giữ lại cho đến nay cũng rất quý giá. Đó là những tư liệu lịch sử cho ta nhận diện được bản sắc văn hoá của làng nghề cần được duy trì và tiếp tục phát triển. Các làng nghề truyền thống ở Quảng Bình đã tồn tại khá lâu đời và nổi tiếng, như nghề làm nón, mây tre, dệt chiếu, mộc mỹ nghệ, rèn đúc và vẫn tiếp tục được duy trì gìn giữ phát triển cùng nền kinh tế của tỉnh trong tương lai.

## **II/ ẢNH TƯ LIỆU QUẢNG BÌNH TRONG CHIẾN ĐẤU VÀ XÂY DỰNG (1945 - 1975).**

Quảng Bình có một vị trí địa lý hết sức quan trọng của dải đất hẹp Bắc miền Trung, là một bộ phận đất đai lãnh thổ của nước Việt Nam thống nhất. Nói đến Quảng Bình là nói đến vùng đất của cầu nối Nam Bắc của hai miền đất nước, nơi hẹp nhất của lãnh thổ Việt nam. Từ bờ biển Nhật Lệ lên đến biên giới Việt Lào chưa đầy 50 km đường chim bay. Đây là vùng đất đã trải qua và từng chứng kiến nhiều biến động của lịch sử dân tộc và đất nước Việt Nam. Là địa bàn giao tranh giữa hai quốc gia Đại Việt và Chiêm Thành suốt từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 15; Là địa

bàn mà hai dòng họ Trịnh - Nguyễn phân tranh suốt hai thế kỷ 17 - 18, giữa hai thế lực phong kiến đã gây ra bao tang tóc, đau thương, chia lìa ở hai bên bờ Sông Gianh: Đàng trong - Đàng ngoài.

“Sông Gianh nước chảy đôi dòng.

Đèn chong đôi ngọn em biết trông ngọn nào”

Là căn cứ địa của phong trào Cần Vương chống Pháp những năm 1884 - 1888; là chiến trường ác liệt gian khổ và hy sinh trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Quảng Bình là tuyến đầu Miền Bắc XHCN, là hậu phương trực tiếp của chiến trường trực tiếp trong cuộc đổ sức với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ xâm lược.

Chính những đặc điểm lịch sử đó cho dù thời gian có phai mờ hay lấy mất đi những dấu tích của lịch sử vùng đất và con người Quảng Bình đi nữa, thì trong ký ức của mỗi người dân, của từng vùng đất, từng sự kiện vốn có của nó, vẫn tồn tại vĩnh hằng từ thế hệ này qua thế hệ khác với những chiến công và hình ảnh mà cha ông họ đã từng ghi dấu.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược là một mảng đề tài của các văn nghệ sỹ, phóng viên nhiếp ảnh trong và ngoài nước. Họ đã lăn lộn ở chiến trường như những người lính nhằm ghi lại những sự kiện nóng bỏng, những cuộc chiến đấu kiên cường anh dũng, những chiến thắng vang dội khích lệ lòng dân hay những hoạt động thường nhật trong cuộc kháng chiến trường kỳ toàn dân, toàn diện. Hàng trăm bức ảnh tư liệu được sưu tầm vừa qua phản ánh toàn diện cuộc kháng chiến của nhân dân Quảng Bình trong 30 năm từ (1945 - 1975), đó là những hình ảnh quý, hiếm có giá trị cho công tác nghiên cứu và trưng bày Bảo tàng tỉnh và làm cơ sở cho các địa phương, ban ngành nghiên cứu tuyên truyền, phát huy. Chúng tôi sẽ lần lượt trình bày những sưu tập ảnh được sưu tầm:

## **1. Ảnh thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954.**

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, Quảng Bình thuộc phân khu Bình Trị Thiên, là một trong 6 tỉnh của liên khu 4. Quảng Bình vừa có quan hệ trực tiếp với vùng tự do Thanh Nghệ Tĩnh, vừa là một bộ phận hữu cơ của chiến trường Bình Trị Thiên khói lửa, nối liền chiến trường hai miền Nam Bắc và Trung Lào.

Ở vào vị trí trọng yếu của chiến trường liên khu 4 và cả nước, tỉnh Quảng Bình lại có điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình vô cùng lợi hại đối với ta và địch, đó là “núi vây ba mặt, biển giăng một bề”. Núi Hoành Sơn sừng sững giăng ngay ở phía Bắc chạy từ dãy Trường Sơn ra biển, với Đèo Ngang quanh co là ranh giới giữa Hà Tĩnh và phía Bắc tỉnh Quảng Bình. Quảng Bình là kho tài nguyên rừng vàng, biển bạc và vựa lúa Lệ Thủy Quảng Ninh: “Nhất Đồng Nai, nhì hai huyện” Với hệ thống giao thông thuận tiện đường bộ, đường sắt, đường sông, đường biển, đường không...

Chính những lợi thế và ở vào địa bàn xung yếu như vậy, do đó đối với thực dân Pháp, đánh chiếm Quảng Bình ngoài âm mưu cắt đứt đường liên lạc và sự phối hợp lực lượng của ta; Chúng nuôi tham vọng sẽ bắt người cướp của và ổn định một bộ phận hậu phương của chúng trên chiến trường Bình Trị Thiên, hồng lập một khu vực theo chúng là tương đối an toàn, có thể lấy Quảng Bình làm bàn đạp tấn công ra vùng Bắc khu 4, gián tiếp đánh vào vùng tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh.

Đối với ta, Trung ương Đảng và Hồ Chủ Tịch luôn luôn nhận thức và xác định tầm chiến lược cực kỳ quan trọng của địa bàn Quảng Bình với cuộc kháng chiến toàn quốc. Tại Hội nghị quân sự lần thứ 5, tháng 8 năm 1948, Hồ Chủ Tịch đã chỉ rõ: "... không nên coi chiến trường Bình Trị Thiên là một mặt trận riêng biệt mà phải coi là ở trong mặt trận chung toàn quốc.; và Người đã chỉ thị: "Quyết tâm chiến đấu giải phóng cho Bình Trị Thiên" (Lời Hồ Chủ Tịch tại Hội nghị quân sự lần thứ 5 Báo "Quân du kích" số ra ngày 15 tháng 8 năm 1948).

Và Quảng Bình trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đã trở thành một điểm tranh chấp giằng co quyết liệt, kéo dài giữa ta và địch suốt 8 năm liền từ ngày 27 tháng 3 năm 1947 đến ngày 18 tháng 8 năm 1954 khi những tên lính Pháp cuối cùng lên tàu rút khỏi Đồng Hới. Chính vì vậy mà những hình ảnh được ghi lại trong giai đoạn này, sưu tầm được rất quý.

Dưới đây chúng tôi sẽ lần lượt trình bày những sưu tập ảnh trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954.

### ***1.1) Ảnh về tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp.***

Qua 8 năm thực hiện chiến tranh xâm lược, giặc Pháp cùng bè lũ tay sai đã gây ra không biết bao tội ác trên quê hương Quảng Bình. Quân và dân ta đã phải gánh chịu nhiều đau thương, phải tổn thất biết bao sinh mạng, tài sản. Chúng đã thẳng tay khủng bố, đàn áp, bắt bớ, giết hại hàng loạt người dân vô tội "Chúng đã giết hơn 20.000 dân, bắt giam hàng chục ngàn người khác, đốt phá hơn 30.000 ngôi nhà, cướp giết hơn 20.000 trâu bò, làm cho hơn 11.000 hét ta ruộng đất bị hoang hoá...Chúng điên cuồng tiến hành nhiều vụ thảm sát: Vụ Mỹ Trạch, Lê Xá, Phú Hoà, Chợ Gộ, Cao Lao Hạ, Chợ Dừa..." (Quảng Bình kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945 - 1954).

Những tấm ảnh dưới đây là một trong những minh chứng: ảnh do bác Lại Văn Ly ở tiểu khu 6, phường Đồng Phú cung cấp.

Chiến sĩ vệ quốc quân bị Pháp bắt về nhà lao Đồng Hới và xử bắn năm 1947.

- Giặc Pháp giết hại các chiến sĩ và thường dân yêu nước năm 1947.

Bọn trùm thực dân Pháp lập bộ máy cai trị tại Đồng Hới năm 1947.

### ***1.2) Ảnh các trận tập kích, đánh đồn diệt địch của quân dân ta.***

Ngày 27 tháng 3 năm 1947, thực dân Pháp đánh chiếm thị xã Đồng Hới. Chi đội Lê Trực và lực lượng vệ quốc quân bảo vệ Đồng Hới, dưới sự chỉ huy của tiểu

đoàn trưởng Lê Thành Đồng đã chiến đấu ngoan cường tại phòng tuyến dọc biển ở cửa biển Nhật Lệ, cản bước chân địch và gây cho chúng tổn thất nặng nề. Sau khi chiếm được Đồng Hới, quân Pháp đánh chiếm Quảng Ninh, Lệ Thủy và các địa phương còn lại. Thực dân Pháp thực hiện chiến dịch “Vết dầu loang”, chiếm được vùng nào, chúng cho xây dựng đồn bốt ở nơi đó để giữ đất, đồn dân, lập các thôn hương vệ và bộ máy cai trị từ tỉnh đến xã, thôn. Hội Tề, đồn bốt mọc lên khắp nơi từ miền xuôi đến miền ngược để phong toả cắt đứt liên lạc, triệt đường tiếp tế giữa căn cứ với đồng bằng, giữa Quảng Bình và vùng tự do Thanh Nghệ - Tĩnh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, quân và dân Quảng Bình đã vượt qua khó khăn, chủ trương “ha sơn”, phát động “Tuần lễ Quảng Bình quật khởi”, tạo điều kiện để chiến tranh du kích phát triển mạnh mẽ, bao vây đánh chiếm các đồn lẻ, diệt tề trừ gian buộc quân địch phải rút bỏ hàng chục đồn bốt ở Quảng Ninh, Lệ Thủy. Năm 1950 Quảng Bình đã giải phóng được vùng Troóc (Bố Trạch), Minh Lệ, Tiên Lệ, Hoà Ninh (Quảng Trạch), đặc biệt là trận thắng lớn Xuân Bô, Hạ Cờ (Lệ Thủy) năm 1950 - 1952 giành chiến thắng ở Sen Bàng, Ba Đồn, mở rộng căn cứ kháng chiến tạo điều kiện cho phong trào du kích chiến tranh toàn tỉnh phát triển mạnh.

Những bức ảnh dưới đây phản ánh phần nào kết quả một số trận đánh tiêu biểu mà quân và dân Quảng Bình giành được, làm tiền đề cho các trận đánh tiếp theo, ảnh do bác Lê Bá Hùng (Đồng Sơn - Đồng Hới) và Bảo tàng Quân khu 4 cung cấp.

- Nghiên cứu kế hoạch tác chiến sau chiến thắng Xuân Bô tháng 4 năm 1950.

Chiến thắng Hạ Cờ - Lệ Thủy ngày 25/5/1950.

Một số vũ khí của Pháp quân ta thu được trong trận Sen Bàng năm 1952.

### ***1.3) Phong trào rào làng chiến đấu.***

Quán triệt đường lối “Kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ”, Quảng Bình chủ trương thành lập làng xã chiến đấu để động viên toàn dân dốc sức, dốc lòng cho cuộc kháng chiến mau đến thành công. Đây là một nét đặc sắc nhất của chiến tranh nhân dân ở Quảng Bình trong đánh giặc giữ làng. Tiêu biểu là các làng xã chiến đấu kiểu mẫu như làng Cự Năm (Bố Trạch) là làng chiến đấu ở ngay cửa ngõ vào vùng căn cứ kháng chiến; Làng Cảnh Dương (Quảng Trạch) làng chiến đấu tiêu biểu tại ven biển; Làng Hiên Lộc (Quảng Ninh), làng chiến đấu điển hình ở ngay trong vùng địch hậu, tại một vùng chiêm trũng, bốn bề đều là sông ngòi và sinh lầy; Làng Hưng Đạo (Lệ Thủy) là làng chiến đấu kiên cường và tài giỏi ngay bên đường quốc lộ 1, tại vùng địch kiểm soát gắt gao, cửa ngõ phía Nam tỉnh và nhiều làng chiến đấu điển hình khác như: La Hà, Pháp Kệ (Quảng Trạch); Lệ Sơn (Tuyên Hoá)... ảnh do Bảo tàng Lịch sử Cách mạng tỉnh Thừa Thiên Huế và Bảo tàng Quân khu 4 cung cấp. Đây là những bức ảnh quý phản ánh phong trào rào làng chiến đấu, sự sôi giết giặc lập công của nhân dân Quảng Bình.

Sau đây là một số ảnh tiêu biểu phản ánh sinh động phong trào rào làng chiến đấu của nhân dân Quảng Bình trong kháng chiến chống thực dân Pháp:

Ảnh nhân dân Cảnh Dương - Quảng Trạch dỡ nhà xây dựng làng chiến đấu năm 1949.

Du kích Cảnh Dương chiến đấu chống càn bảo vệ quê hương năm 1950.

- Đội nữ du kích Cảnh Dương năm 1950.

Làng chiến đấu Cụ Năm được Thủ tướng Chính phủ tặng Huân chương kháng chiến hạng 2 ngày 9 tháng 2 năm 1950.

#### ***1.4) Đẩy mạnh sản xuất, làm tốt công tác vận tải, thông tin liên lạc phục vụ kháng chiến.***

Cuộc kháng chiến ngày càng gian lao và khốc liệt, nhu cầu về mọi mặt cho kháng chiến ngày càng cao. Để đáp ứng những nhu cầu cấp bách của kháng chiến, chính quyền các cấp ra sức vận động nhân dân khai hoang, phục hoá, đẩy mạnh sản xuất. Một số chợ kháng chiến đã được thành lập ở vùng giáp ranh. Một số gia đình kinh doanh vận tải chở hàng hoá và tư thương buôn bán giữa các vùng. Công tác tiếp tế vận tải qua các tuyến đường bộ, đường sông, đường biển được chăm lo, hàng chục vạn dân công được huy động phục vụ vận tải. Vì vậy, mặc dù địch bao vây, phong toả nhưng đời sống bộ đội và nhân dân trong tỉnh nói chung ổn định làm tốt công tác hậu cần cho các mặt trận chiến đấu. Một số ảnh do Bảo tàng Lịch sử Cách mạng Thừa Thiên Huế; Bác Phan Thanh Đàm (phường Bắc Nghĩa - Đồng Hới); Bác Lại Văn Ly (Đồng Phú - Đồng Hới) cung cấp đã làm sống lại một số hoạt động trên mặt trận sản xuất, phục vụ kháng chiến:

Sau đây là một số ảnh tiêu biểu cho chủ đề này:

Xã Cảnh Dương đóng thuyền vận tải, được UBND tỉnh Quảng Bình tặng cờ danh dự năm 1950.

Du kích Cảnh Dương tăng gia sản xuất ngày 5/10/1951.

Xe chở khách của bà Lê Thị Xuân - Đức Ninh - Đồng Hới năm 1951.

- Cán bộ Ty thông tin - tuyên truyền tại bến Triêm - Quảng Ninh năm 1950.

#### ***1.5) Xây dựng chiến khu, thành lập các đơn vị vũ trang, hoạt động của các cấp, các ngành trong kháng chiến.***

Trước sức tấn công mạnh và ô ạt của thực dân Pháp, Đồng Hới không thể là địa bàn đứng chân lâu dài để lãnh đạo kháng chiến, Tỉnh uỷ đã chủ trương xây dựng chiến khu lâu dài để tiến hành kháng chiến chống xâm lược. Chiến khu là cơ quan đầu não của tỉnh, huyện, là nơi các lực lượng vũ trang thành lập, luyện tập, nghỉ ngơi chuẩn bị cho các cuộc hành quân đánh đồn, chống càn, giải phóng đất đai dân cư vùng tạm chiếm. Chiến khu còn là nơi cất giấu kho tàng, nơi mở các lớp huấn luyện, nơi tổ chức đào tạo cán bộ để cung cấp cho tiền tuyến thực hiện đường lối của Đảng, kháng chiến toàn dân, toàn diện. Do đó, thế trận chiến tranh nhân dân được xây dựng rộng khắp. Sơ tập ảnh chủ đề này khá phong phú, phản ánh khá đầy đủ các loại hình hoạt động kháng chiến. Ảnh do Bảo tàng Lịch sử Cách mạng

Thừa Thiên Huế; Bảo tàng Quan khu 4; Ông Trần Ngọc Dũng (Đồng Sơn - Đồng Hới); Nguyễn Văn Trạch, Hoàng Hải Nam (Hải Đình - Đồng Hới); Công an tỉnh Quảng Bình; Hoàng Ngọc Bích (Hải Đình - Đồng Hới); Phan Thanh Đàm (Bắc Nghĩa - Đồng Hới); Lê Hữu Điền (Đồng Sơn - Đồng Hới); Lại Văn Ly (Đồng Phú - Đồng Hới) cung cấp.

Đây là một số ảnh tiêu biểu của các hoạt động ở lĩnh vực này:

Ảnh Đại hội chiến tranh du kích tỉnh năm 1949 - 1950.

- Đồng chí Hoàng Văn Diệm, đồng chí Nguyễn Thanh Hà chỉ huy trung đoàn 18 duyệt đội danh dự ngày 2/9/1949.

Lễ thành lập trung đoàn 18 tại Còi năm 1949.

Thiếu sinh quân trong kháng chiến chống thực dân Pháp ở chiến khu Tuyên Hoá năm 1948.

Kết nạp Đảng ở chiến khu tháng 8 năm 1948.

Các chị, các mẹ vùng tạm bị chiếm tại Đại hội phụ nữ Quảng Bình năm 1949.

Ban chấp hành Tỉnh đoàn và Liên hiệp Phụ nữ chụp ảnh kỷ niệm tại chiến khu Quảng Ninh năm 1950.

- Cán bộ Ủy ban KCHC thị xã Đồng Hới tại chiến khu Thuận Đức năm 1949.

- Ông Phan Thanh Đàm dự lớp kinh tế trung bộ tại Thanh Hoá năm 1949.

Cán bộ huyện uỷ Quảng Trạch - Tuyên Hoá ở lớp huyện uỷ viên liên khu 4 tháng 9 năm 1949.

Lớp tập huấn chính trị tại Còi.

Thầy Đê và lớp học do ông Trợ Đoàn thành lập năm 1950.

Đoàn cán bộ quân, dân chính Đảng thị xã Đồng Hới tại chiến khu Rạy Cau năm 1949.

Lễ thành lập bộ đội địa phương Quảng Bình năm 1948.

***1.6) Tiếp quản Đồng Hới; Chân dung các anh hùng và các đồng chí lãnh đạo tỉnh trong kháng chiến.***

Sau lệnh ngừng bắn ngày 1 tháng 8 năm 1954, “Tỉnh uỷ Quảng Bình họp và quyết định thành lập Ủy ban quân chính gồm đồng chí Nguyễn Tư Thoan, phó bí thư kiêm chủ tịch tỉnh; Đồng chí Đinh Văn Ích, đồng chí Tháp, đồng chí Huỳnh, đồng chí Lại Văn Ly uỷ viên” (Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình - tập I) để chuẩn bị tiếp quản vùng giải phóng và thị xã Đồng Hới. Ngày 18 tháng 8 năm 1954, những tên lính cuối cùng của đội quân viễn chinh Pháp rút khỏi Đồng Hới theo đường cửa biển Nhật Lệ, chấm dứt sự xâm lược của thực dân Pháp trên đất Quảng Bình. 15 giờ cùng ngày, bộ đội và nhân dân nô nức vào tiếp quản Đồng Hới với đội quân hùng

dũng. Ngày 20 tháng 8 năm 1954, Ủy ban quân chính ra mắt trước 3 vạn đồng bào thị xã Đồng Hới và vùng lân cận. Ngoài các hoạt động của quân dân chính, mảng ảnh này còn ghi lại chân dung của các đồng chí lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo các ngành của tỉnh trong thời kỳ đó. Ảnh do Lại Văn Ly (Đồng Phú - Đồng Hới); Trần Ngọc Dũng (Đồng Sơn - Đồng Hới); Bảo tàng Quân khu 4; Đặng Ngọc Anh (Ban Tuyên giáo Đồng Hới). Dưới đây là một số bức ảnh tiêu biểu trong tổng số ảnh sưu tầm được :

Nhân dân thị xã biểu tình ngày 1/8/1954 hoan nghênh thắng lợi Hội nghị Giơ-Ne- Vơ.

- Các tầng lớp nhân dân hoan hỷ mừng ngày được giải phóng năm 1954.

Vào lúc 15 giờ ngày 18 tháng 8 năm 1954 thực dân Pháp rút khỏi Đồng Hới, bộ đội ta vào tiếp quản thị xã.

Thanh niên các cơ quan ở Đồng Hới sau ngày giải phóng 18 tháng 8 năm 1954.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng tổ giám sát quốc tế thi hành Hiệp định Giơ-Ne-Vơ tại sân bay Đồng Hới năm 1954.

Ủy ban quân chính ra mắt nhân dân ngày 20 tháng 8 năm 1954.

Đồn Công an thị xã Đồng Hới tiếp quản Ty cảnh sát quốc gia Đồng Hới năm 1954.

Trần Sinh - Trường Ty Bình dân học vụ Quảng Bình năm 1946 - 1947.

- Gia đình ông Nguyễn Tư Thoan năm 1951.

Anh hùng liệt sỹ Quách Xuân Kỳ.

## **2. Thời kỳ kiến thiết và xây dựng Quảng Bình (1955 - 1964)**

### ***2.1) Tình hình Quảng Bình thời kỳ 1955 - 1964***

Cùng cả nước, Quảng Bình vừa đi qua cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 9 năm trường kỳ đầy gian khổ, nhiều hy sinh mất mát, nhưng đã giành thắng lợi vẻ vang. Ngày 18/8/1954, tên giặc Pháp cuối cùng đã rút khỏi Đồng Hới. Quảng Bình hoàn toàn được giải phóng khỏi ách xâm lược thực dân Pháp.

Từ đây nhân dân Quảng Bình cùng với nhân dân miền Bắc bước vào thời kỳ mới: vừa cải tạo và xây dựng miền Bắc XHCN, vừa đấu tranh đòi thống nhất Tổ quốc, nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, chia cắt lâu dài đất nước, leo thang chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ và tay sai.

Trong hoàn cảnh đất nước tạm chia cắt hai miền, Quảng Bình cùng với Vĩnh Linh là đầu cầu giới tuyến, là hậu phương trực tiếp của tiền tuyến miền Nam anh hùng, Trị Thiên ruột thịt.

Những năm đầu thời kỳ hoà bình, nhân dân ta vừa phải khẩn trương hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, kiến thiết đất nước; vừa phải đương đầu với thiên tai, địch hoạ.

Quảng Bình phải vượt qua khó khăn và hậu quả của trận lụt lớn năm 1955, vừa phải đối phó với bọn phản động, biệt kích. Nhân dân Quảng Bình cùng với nhân dân miền Bắc, dưới sự lãnh đạo của Đảng vừa tiếp tục hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ: Tiến hành triệt để giảm tô, cải cách ruộng đất; vừa cải tạo XHCN, vừa xây dựng CNXH, khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng nền quốc phòng và an ninh vững chắc, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu của kẻ địch và chi viện cho cách mạng miền Nam, cách mạng Lào, Căm - Pu - Chia.

Quảng Bình cùng với Vĩnh Linh ở tuyến đầu miền bắc, tiếp giáp với miền Nam, mọi việc làm tốt hay xấu của nhân dân Quảng Bình, Vĩnh Linh đều có ảnh hưởng nhất định đến cách mạng miền Nam, đều có ý nghĩa đến việc bảo vệ miền Bắc. (lược ghi theo bài nói chuyện của Bác Hồ tại cuộc mít tinh ở sân vận động Đồng Hới, ngày 16/6/1957).

Vì vậy, trong 10 năm miền Bắc hoà bình, Đảng, Nhà nước, Bác Hồ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh và các đồng chí lãnh đạo khác ở Trung ương luôn giành cho Quảng Bình tình cảm sâu sắc, sự quan tâm đặc biệt.

Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình đã đoàn kết, quyết tâm, hăng hái thi đua lao động sản xuất, khôi phục và phát triển kinh tế, tích cực xây dựng lực lượng quốc phòng toàn dân, nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, hoàn thành tốt nhiệm vụ trên các mặt trận của thời kỳ: Hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, văn hoá, xã hội, thời kỳ đẩy mạnh công cuộc xây dựng CNXH, sẵn sàng đối phó với âm mưu của đế quốc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc.

## ***2.2) Kết quả điều tra sưu tầm tư liệu ảnh thời kỳ 1955 - 1964.***

Thời gian qua đi đã 4, 5 thập kỷ, biết bao chiến tích vẻ vang cùng với biết bao sự kiện lịch sử tiêu biểu của dân tộc, của quê hương đã đi dần vào quá khứ, đi vào sử sách với ký ức thời gian, đi vào kỷ niệm cuộc sống lao động, đấu tranh xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước của cán bộ, chiến sĩ và mỗi người dân Quảng Bình, của những người con trên mọi miền đất nước sống, lao động, chiến đấu trên đất Quảng Bình.

Những hình ảnh của nhiều tác giả trên những cương vị khác nhau đã ghi lại cuộc sống sinh động trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, trên mặt trận đấu tranh với kẻ thù, được cất giữ, lưu truyền trong cán bộ và nhân dân là những di vật quý báu có giá trị về lịch sử, văn hoá.

Gần 18 tháng, từ tháng 6 năm 2007 đến cuối tháng 11 năm 2008, thực hiện Đề tài: "Điều tra, sưu tầm tư liệu lịch sử, văn hoá Quảng Bình trước năm 1975", Bảo tàng Quảng Bình đã tiến hành điều tra trên nhiều địa bàn trong và ngoài tỉnh, trực tiếp hoặc gián tiếp đến với nhiều cá nhân, tổ chức cất giữ hay sử dụng ảnh tư liệu

gắn với các sự kiện lịch sử của dân tộc và quê hương, gắn với cuộc sống lao động, học tập, chiến đấu của đơn vị, con em hay bạn bè đồng chí.

Riêng thời kỳ mười năm hoà bình (1955 - 1964), Bảo tàng Quảng Bình đã điều tra trên 5 tỉnh thành, xa nhất là thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội,... gần nhất là các phường, xã trên địa bàn Đồng Hới, đã tiếp xúc gặp gỡ với nhiều cơ quan đơn vị và nhiều cá nhân.

Kết quả bước đầu đã điều tra, sưu tầm được gần 200 ảnh tư liệu lịch sử, văn hoá. Trong đó, sưu tập ảnh tư liệu về cải tạo và xây dựng CNXH, về khôi phục và phát triển kinh tế, về đấu tranh chống chiến tranh gián điệp, biệt kích của Mỹ nguy, về xây dựng Đảng, chính quyền... có trên 60 ảnh.

Qua nghiên cứu, kết quả điều tra, sưu tầm tư liệu ảnh nói trên không chỉ là con số mà là giá trị quý báu tiềm ẩn trong mỗi bức ảnh, đặc biệt là giá trị lịch sử. Từ những tấm hình còn lưu giữ được, chúng ta thấy tái hiện một cách sinh động những sự kiện lịch sử của 40 - 50 năm về trước.

### ***2.2.1) Sưu tập ảnh tư liệu về sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương, của Bác Hồ đối với Quảng Bình.***

Sưu tập gồm 8 ảnh, đã thể hiện được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên và sâu sát kịp thời của Trung ương, của Bác Hồ đối với Quảng Bình, một địa bàn xung yếu có ý nghĩa chiến lược quan trọng đối với tình hình nhiệm vụ cách mạng của hai miền đất nước.

Ảnh: Bác Hồ nói chuyện với Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình, ngày 16 tháng 6 năm 1957;

Ảnh: Bác Hồ trên khán đài sân vận động Đồng Hới, ngày 16 tháng 6 năm 1957;

Ảnh: Đại tướng Nguyễn Chí Thanh vào thăm và làm việc với Tỉnh uỷ Quảng Bình sau Đại hội Đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ IV, năm 1959;

Ảnh: Đại tướng Nguyễn Chí Thanh nói chuyện với cán bộ tỉnh về phong trào Hợp tác hoá nông nghiệp tại đình Phú Xá - Lộc Ninh, năm 1962;

Ảnh: Đại tướng Võ Nguyên Giáp về thăm và làm việc với lãnh đạo tỉnh Quảng Bình, năm 1958;

Ảnh: Đại tướng Võ Nguyên Giáp về thăm và làm việc với các đồng chí lãnh đạo tỉnh Quảng Bình, năm 1960;

Ảnh: Đại tướng Võ Nguyên Giáp về thăm Quảng Bình và làm việc với các đồng chí lãnh đạo tỉnh. Đại tướng chụp ảnh kỷ niệm với các đồng chí lãnh đạo tỉnh, năm 1962;

Ảnh: Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng đi biển với một số cán bộ lãnh đạo tỉnh trên biển Nhật Lệ trong dịp Đại tướng vào thăm Quảng Bình, năm 1958.

Bác Hồ vào thăm Quảng Bình ngày 16/6/1957 là một sự kiện lịch sử có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, trên nhiều tư liệu thành văn đã nói nhiều. Nhưng khi xem các ảnh tư liệu mới sưu tầm được, chúng ta càng thấy rõ hơn về giá trị lịch sử đặc biệt của sự kiện Bác Hồ vào thăm Quảng Bình và làm việc với cán bộ Quảng Bình, đại biểu đặc khu Vĩnh Linh (tỉnh Quảng Trị) ngày 16/6/1957. Bác Hồ đi vào lòng dân với tình cảm, niềm tin yêu sâu sắc. Cán bộ, nhân dân Quảng Bình khi nghe Bác nói chuyện như được tiếp thêm sức mạnh bội lần.

Tiếp sau chuyến thăm và làm việc của Bác Hồ, từ năm 1958, 1959, 1960 đến 1962, Đại tướng Võ Nguyên Giáp rồi Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã tiếp tục vào thăm và làm việc với cán bộ và nhân dân Quảng Bình; chỉ đạo công tác an ninh quốc phòng, cảnh giác sẵn sàng chiến đấu chống chiến tranh biệt kích, chuẩn bị phương án tác chiến đối phó với âm mưu leo thang chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ; chỉ đạo phong trào Hợp tác hoá của Quảng Bình.

Hình ảnh Đại tướng Nguyễn Chí Thanh về nói chuyện trực tiếp với cán bộ, nhân dân hợp tác xã Phú Xá (Lộc Ninh) trong ngôi đình sườn tre mái lá, chúng ta mới thấy giá trị lịch sử trong tấm ảnh quý báu đó, giá trị lịch sử toát lên từ trong tấm ảnh đã được ghi lại cách đây 46 năm đã giúp chúng ta:

- Nhận rõ ý nghĩa, tầm quan trọng, vai trò của HTX nông nghiệp ở nông thôn lúc bấy giờ.

Hiểu thêm những khó khăn thử thách của phong trào hợp tác hoá và sự chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo Trung ương nói chung, của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh nói riêng.

Học tập được nhiều về phong cách giản dị, gần gũi, sâu sát, hoà nhã với quần chúng của Đại tướng.

Chúng ta càng tự hào với các phong trào lá cờ đầu HTX sản xuất nông nghiệp Đại Phong, HTX đánh cá tiên tiến Quang Phú mới cảm nhận sâu sắc ý nghĩa lịch sử của sự chỉ đạo điểu điển hình HTX nông nghiệp Phú Xá- xã Lộc Ninh, điểu đầu tiên thành công và được nhân rộng. Chỉ trong 3 năm đã hoàn thành phong trào Hợp tác hoá trong toàn tỉnh; trong đó có hợp tác xã Đại Phong, Quang Phú là những HTX tiên tiến điển hình toàn miền Bắc.

Sống lại với phong trào Hợp tác hoá trong những năm cải tạo và xây dựng CNXH ở miền Bắc nói chung, ở Quảng Bình nói riêng chúng ta càng thấy giá trị lịch sử quý giá biết bao của tấm ảnh tư liệu Đại tướng Nguyễn Chí Thanh nói chuyện với cán bộ tỉnh về phong trào Hợp tác hoá tại đình Phú Xá xã Lộc Ninh năm 1962.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp về thăm Quảng Bình năm 1958, năm 1960 và tiếp năm 1962 với tình cảm quê hương đồng bào thân thiết, cùng ra biển với các đồng chí lãnh đạo tỉnh; cùng gặp gỡ, làm việc với các đồng chí Tỉnh uỷ và Bộ chỉ huy Tỉnh đội về phương án phòng thủ, phương án tác chiến sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu leo thang chiến tranh phá hoại miền Bắc của Mỹ, nguy.

Từ những ảnh tư liệu vừa sưu tầm được về Bác Hồ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh vào thăm và làm việc với cán bộ và nhân dân Quảng Bình trong những năm 1957, 1958, 1959, 1960, 1962 chúng ta càng thấy rõ hơn về sứ mệnh lịch sử mà Tổ quốc, Đảng và nhân dân cả nước đặt nặng lên vai nhân dân Quảng Bình - vùng đất đầu cầu giới tuyến, hậu phương trực tiếp của cách mạng miền Nam khi đất nước chưa thống nhất; đế quốc Mỹ và ngụy quyền tay sai còn âm mưu chia cắt lâu dài hai miền Nam - Bắc.

**2.2.2) Giá trị sưu tập ảnh tư liệu về phong trào Hợp tác hoá, khôi phục và phát triển kinh tế trong 10 năm hoà bình.**

***-Về phong trào Hợp tác hoá:***

Tiêu biểu là hình ảnh Đại tướng Nguyễn Chí Thanh nói chuyện về phong trào Hợp tác hoá tại đình Phú Xá xã Lộc Ninh năm 1962 - như đã nói ở sưu tập ảnh tư liệu phần trên, còn có các ảnh:

Phong trào khai hoang phục hoá: có hình ảnh cán bộ và nhân dân Đồng Hới khai hoang ở Cộn năm 1962;

Ảnh: Tiểu đoàn 45, tinh đội Quảng Bình trong giờ giải lao sau buổi lao động khai hoang tại Bàu Rềng (xã Nghĩa Ninh).

Kỹ thuật thâm canh tăng năng suất trong sản xuất nông nghiệp có ảnh: Thanh niên đi đào mương thuỷ lợi Duy- Hàm ở huyện Quảng Ninh;

Ảnh: Thầy giáo hướng dẫn học sinh cấp III lai tạo thí nghiệm giống ngô ở vườn ươm Đồng Phú năm 1961;

***-Về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giao thông vận tải:***

Có ảnh cán bộ nhà máy điện Đồng Hới thao tác kỹ thuật trong hội thi thao diễn kỹ thuật của ngành ngày 31/8/1961;

Ảnh: Chủ tịch UBHC tỉnh Cổ Kim Thành dự họp duyệt kế hoạch sản xuất của hợp tác xã Hồng Hải năm 1963;

Ảnh: Hội nghị tổng kết toàn ngành thủ công nghiệp thị xã Đồng Hới năm 1961 và một số hình ảnh về hoạt động sân bay Đồng Hới năm 1957.

Trong phạm vi 10 hình ảnh chưa thể nói hết phong trào Hợp tác hoá, phong trào sản xuất khôi phục và phát triển kinh tế trong 10 năm hoà bình. Nhưng từ nội dung mỗi hình ảnh đã toát lên những sự kiện điển hình của phong trào; nó có giá trị minh chứng bổ sung làm sáng tỏ hơn cho các phong trào sôi nổi của một thời kỳ lịch sử, phản ánh không khí hăng hái, hối hả, quyết tâm của cán bộ, nhân dân Quảng Bình trong thời kỳ lịch sử kiến thiết xây dựng hoà bình, xây dựng CNXH miền Bắc.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ IV, Hội nghị Tỉnh uỷ ngày 25 đến 27 tháng 3 năm 1961 đã đề ra một số nhiệm vụ cụ thể:

- Đẩy mạnh khai hoang kết hợp với lập làng mới ở miền Tây của tỉnh.

Đẩy mạnh công tác thủy lợi, triển khai mạnh mẽ việc khoanh vùng chống úng, chống mặn để khai thác tốt vùng trồng lúa lớn ở Quảng Ninh, Lệ Thủy,...

Sưu tập ảnh vừa sưu tầm đã làm sống lại phong trào khai hoang Đại Phong với "mỗi người một cây rạ, một mo côm". Các huyện thị đều dấy lên phong trào khai hoang, làm thủy lợi, cải tiến kỹ thuật thâm canh phát triển kinh tế, thực hiện mục tiêu kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Các ảnh tư liệu: Thanh niên đào mương thủy lợi Duy- Hàm; cán bộ nhân dân Đồng Hới khai hoang ở Cộn; thí nghiệm lai tạo giống ngô ở Đồng Phú.v.v.. là những minh chứng lịch sử. Nếu nhìn về những năm thị xã Đồng Hới bị giặc Mỹ đánh phá huỷ diệt, nhân dân Đồng Hới sơ tán lên Đồng Sơn- Cộn, chúng ta càng thấy giá trị phong trào khai hoang bấy giờ. Những năm kiến thiết xây dựng hoà bình, chúng ta đã kết hợp phát triển kinh tế với an ninh quốc phòng, từ đó, càng thấy rõ giá trị lịch sử của những ảnh tư liệu nói trên.

**2.2.3) Giá trị sưu tập ảnh tư liệu về đấu tranh thống nhất, chống chiến tranh biệt kích, sẵn sàng chiến đấu với mọi âm mưu gây chiến tranh phá hoại của kẻ địch.**

+ Về đấu tranh phản đối Mỹ Diệm. Đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, thống nhất Tổ quốc có các ảnh:

Ủy ban Quốc tế Liên hiệp đình chiến đến giám sát tại Đồng Hới, năm 1955.

Đoàn biểu tình tuần hành ngang qua trước cửa trụ sở Ủy ban Quốc tế ở Đồng Hới, giơ cao biểu ngữ "Đả đảo chế độ độc tài phát xít Mỹ - Diệm"

Bộ đội tình đội Quảng Bình biểu tình phản đối Mỹ Diệm, giương cao cờ đỏ sao vàng, biểu ngữ đả đảo đế quốc Mỹ, thực dân Pháp và bè lũ tay sai phá hoại Hiệp định đình chiến.

- Đoàn đại biểu Đảng bộ thị xã Hồ Xá, đặc khu Vĩnh Linh thăm hàng đừa kết nghĩa Trị Thiên, năm 1957.

Đấu tranh phản đối Mỹ, nguy phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ trong những năm 1954, 1955 của cả nước nói chung của Quảng Bình nói riêng là một sự kiện chính trị có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Những ảnh tư liệu nói trên đã phản ánh khách quan về sức mạnh, về thái độ và tinh thần đấu tranh của quân, dân Quảng Bình trước dư luận thế giới, trực tiếp là Ủy ban giám sát Quốc tế về thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ. Những ảnh chụp mang tính thời sự trong thời điểm 1954 - 1955 đến nay đã hơn 50 năm, nhưng khi nhìn lại, chúng ta vẫn thấy sống động, nóng bỏng không khí đấu tranh bấy giờ, thấy giá trị lịch sử của những hình ảnh tư liệu này càng thêm quý.

+ Vừa đấu tranh vừa xây dựng lực lượng, nêu cao tinh thần cảnh giác Cách mạng, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của kẻ địch.

Các ảnh tư liệu:

Đoàn đại biểu tiêu biểu của Tỉnh đội Quảng Bình đi dự Đại hội chiến sĩ thi đua toàn tỉnh năm 1960;

Đội Tự vệ khu phố Đồng Hải cùng đoàn tự vệ trong tỉnh diễu hành trên đường phố thị xã tiến vào lễ đài kỷ niệm Quốc khánh 2/9 năm 1960;

Đại hội tổng kết phong trào dân quân tự vệ cấp tỉnh tại thị xã Đồng Hới năm 1965;

Ảnh: Bộ đội Sư đoàn 325 diễu hành tại sân vận động Đồng Hới, năm 1960;

Lực lượng tự vệ các khối cơ quan diễu hành ở sân vận động Đồng Hới, ngày 2/9/1960.

Ngay từ những năm sau ngày hoà bình lập lại, lực lượng bộ đội thường trực, dân quân tự vệ luôn được chú trọng xây dựng khẩn trương và ngày càng lớn mạnh. Lãnh đạo tỉnh luôn luôn quan tâm phong trào rèn luyện và xây dựng lực lượng an ninh quốc phòng. Đại hội chiến sĩ thi đua của tỉnh đội, Đại hội tổng kết phong trào dân quân tự vệ là dịp biểu dương lực lượng, tổng kết, đánh giá kết quả rèn luyện xây dựng quân đội và lực lượng dân quân tự vệ, là một trong những sự kiện tiêu biểu của phong trào xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

+Về chống chiến tranh gián điệp biệt kích của Mỹ, nguy ở miền Bắc trong những năm 1954 - 1964 có các ảnh:

- Đoàn công tác đăng ký quản lý hộ tịch, hộ khẩu của các tỉnh thành tại Đồng Hới tháng 2 năm 1956.

Đội tự vệ khu phố Đồng Hải đang làm nhiệm vụ tuần tra canh gác, năm 1960;

Bà Nguyễn Thị Hét ở chợ Diên, Quảng Trạch phát hiện gián điệp, báo cho công an bắt hai tên xâm nhập vào đèo Ngang năm 1962;

Hai tên gián điệp biệt kích cùng tang vật trong vụ 10 tên gián điệp biệt kích nhảy dù xuống La Trọng, bị bắt tháng 6 năm 1964;

- Phiên toà xét xử vụ biệt kích người nhái xâm nhập sông Gianh Năm 1962.

Từ những ảnh tư liệu nói trên, chúng ta thấy rõ âm mưu của đế quốc Mỹ và nguy quyền Sài Gòn ngay sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, đã rắp tâm tìm cách phá hoại miền Bắc. Quảng Bình đã thực sự là "tuyến nóng", là hướng trọng điểm xung yếu nhất, vừa là địa bàn chiến thuật, vừa là địa bàn chiến lược nên kẻ địch luôn tìm cách xâm phạm phá hoại. Chúng tung bọn gián điệp biệt kích xâm nhập vào Quảng Bình bằng cả đường biển, đường không, vào đồng bằng, vùng núi. Chúng ta cũng nhận thức sâu hơn về chủ trương của Đảng và sự chuẩn bị sẵn sàng của các lực lượng cách mạng, sẵn sàng cảnh giác, sẵn sàng đối phó và đánh bại kẻ địch. Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, hộ khẩu được coi trọng và tiến hành nghiêm túc.

Công tác tuyên truyền giáo dục ý thức cách mạng trong quần chúng nhân dân, trong các lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ đặc biệt quan tâm. Chủ trương của Đảng là xây dựng nền Quốc phòng toàn dân: xây dựng mỗi làng bản thành một pháo đài, mỗi người dân thành một chiến sĩ đã đi vào lòng dân và trở thành hiện thực. "Kế hoạch 24 giờ bảo vệ biên giới" đã phát hiện ngăn chặn sự xâm nhập của địch một cách chủ động, kiên quyết và kịp thời.

Dân quân tự vệ thường xuyên tuần tra canh gác;

Những âm mưu và hành động đen tối của địch đều bị nhân dân ta phát giác và tìm cách báo công an bắt giữ.

+ Về làm nghĩa vụ Quốc tế, chi viện cho cách mạng Lào, có các ảnh:

Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm đoàn Không quân vận tải đang làm nhiệm vụ Quốc tế chi viện đường không cho bộ đội Việt Lào, năm 1962, trong đó có đồng chí Lê Trọng Sành nguyên Đại tá ngành hàng không, con em Quảng Bình tham gia.

Đoàn chuyên gia Quân sự Việt Nam đến Lào giúp quân đội trung lập Koong Le, xuống sân bay cánh đồng Chum, năm 1961, trong đó có chồng chị Nguyễn Thị Ngọc Cầu ở Lộc Ninh, Đồng Hới tham gia.

- Quân tình nguyện Việt Nam giải phóng sân bay Sê Pôn (Lào), tháng 4 năm 1961. Trong đội quân có đồng chí Thái Bá Nhiệm thuộc Sư đoàn 325, con em Quảng Bình tham gia.

Ba ảnh chụp lưu niệm ba sự kiện khác nhau nhưng đều mang ý nghĩa lịch sử về tình đoàn kết chiến đấu giữa hai nước Việt Lào anh em. Cách mạng Lào và cách mạng Việt Nam luôn có mối quan hệ mật thiết gắn bó, có ảnh hưởng và tác động đến sự thắng lợi của mỗi nước. Vì vậy, khi nước bạn cần, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta sẵn sàng chi viện. Trong 10 năm vừa xây dựng CNXH ở miền Bắc, vừa chuẩn bị mọi mặt đối phó với âm mưu leo thang chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, chi viện cách mạng miền Nam; Quảng Bình cũng đã đóng góp sức người, sức của chi viện cho cách mạng Lào. Con em Quảng Bình đã tham gia đội quân tình nguyện sát cánh cùng quân đội Lào anh em chiến đấu chống kẻ thù chung.

Hình ảnh Bác Hồ đến thăm và chụp ảnh kỷ niệm chung với đoàn không quân vận tải đang làm nhiệm vụ chi viện cho bộ đội Việt Lào, năm 1962 thân mật vui vẻ, đã động viên, nhắc nhở các chiến sĩ đoàn kết, hăng hái làm tốt nhiệm vụ đối với nước bạn Lào anh em.

#### ***2.2.4) Một số hình ảnh về văn hoá - xã hội:***

Các đồng chí lãnh đạo tỉnh Ảnh kỷ niệm sau Đại hội lần thứ IV (vòng I), năm 1960.

Ảnh kỷ niệm các đồng chí BCH Tỉnh uỷ sau Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh năm 1963.

- Đoàn cán bộ Quảng Bình tham gia lớp học chính trị về thời kỳ quá độ ở Hà Nội, tháng 5 năm 1958 - Ảnh kỷ niệm sau giờ nghỉ.

Ảnh kỷ niệm lớp tập huấn thanh thiếu niên toàn tỉnh tại huyện Quảng Ninh, tháng 8 năm 1958.

- Đại hội chi đoàn thanh niên Đồng Hải, năm 1959 - Ảnh kỷ niệm.

Ảnh kỷ niệm thanh thiếu niên tiên tiến thị xã Đồng Hới sau Hội nghị thi đua, năm 1960.

Thiếu nữ Đồng Hới với cán bộ từ chiến khu về thăm, năm 1954.

Thanh niên thị xã Đồng Hới chạy việt dã sau ngày giải phóng, năm 1954.

- Đội bóng của tỉnh Quảng Bình chuẩn bị đá giao hữu với đội bóng Hà Nội, năm 1960.

Đội bóng rổ Đồng Hới đang thi đấu tại sân bóng rổ Vườn Dương, năm 1960.

Đội bóng chuyên Đồng Hới tham gia giải bóng chuyên tỉnh Quảng Bình, đoạt giải nhất, ngày 15/9/1964.

Với 20 ảnh, dù phần lớn là ảnh kỷ niệm, nhưng đã lưu lại sự kiện sinh hoạt đời sống chính trị, văn hoá, xã hội của tỉnh nhà trong những năm xây dựng hoà bình.

Sự kiện lớn có ý nghĩa hết sức sâu sắc trong đời sống chính trị của nhân dân Quảng Bình là Đại hội Đại biểu lần thứ IV (vòng I). Sau 9 năm kể từ tháng 8 năm 1951, Đảng bộ mới tiến hành Đại hội nhiệm kỳ. Đại hội vòng I thảo luận các văn kiện của Trung ương đảng chuẩn bị trình Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng và bầu 11 đại biểu đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III tại Thủ đô Hà Nội tháng 9 năm 1960. Tiếp đến là Đại hội Đại biểu lần thứ IV (vòng II) Đảng bộ Quảng Bình từ ngày 6 đến ngày 13 tháng 3 năm 1961. Đại hội đã nghe báo cáo và nghiên cứu các văn kiện của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III; đề ra phương hướng lãnh đạo, mục tiêu kinh tế xã hội, kế hoạch 5 năm (1961 - 1965) và nhiệm vụ năm 1961- năm mở đầu kế hoạch 5 năm.

Tháng 8 năm 1963, Đại hội Đại biểu lần thứ V Đảng bộ tỉnh Quảng Bình họp trong 08 ngày với nhiều nội dung quan trọng. Đại hội đã khẳng định trách nhiệm của Quảng Bình và long trọng hứa với đồng bào miền Nam, đồng bào Trị Thiên ruột thịt: "Chúng ta nguyện ra sức phấn đấu xây dựng tỉnh ta nhanh chóng tiến lên CNXH để khi cần thiết thì Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta sẽ có thể đóng góp công sức của mình vào sự nghiệp đấu tranh lật đổ Mỹ Diệm giải phóng miền Nam, thực hiện hoà bình thống nhất Tổ quốc.

Từ năm 1958, nhiều cán bộ lãnh đạo của tỉnh, cán bộ đoàn thanh niên các lớp bồi dưỡng chính trị về thời kỳ quá độ XHCN, thấm nhuần quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, vận dụng xây dựng phong trào Hợp tác hoá ở tỉnh nhà đạt

nhiều thành tích to lớn. Trong phong trào xây dựng HTX đã xuất hiện nhiều hợp tác xã tiên tiến toàn quốc như: HTX Đại Phong, HTX Quang Phú v.v...

Các đoàn thể phát triển mạnh về tổ chức và năng lực hoạt động. Nhất là đoàn thanh niên trở thành lực lượng đầu tàu xung kích trong các phong trào.

Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân sau những năm tháng khó khăn đã sớm đi vào ổn định và phát triển. Các hoạt động văn hoá, giáo dục, thể thao đã trở thành phong trào quần chúng, tạo không khí vui tươi phấn khởi. Nhân dân hăm hở, tin tưởng, quyết tâm xây dựng cuộc sống mới.

Trên đây là đánh giá một số kết quả và giá trị những sưu tập ảnh tư liệu lịch sử trong thời kỳ 1955 - 1964 do nhóm thực hiện đề tài sưu tầm được. Do thời gian và điều kiện kinh phí, con người, phương tiện phục vụ đề tài có nhiều hạn chế nên kết quả bước đầu chỉ là mới khai phá phần nào kho tàng tư liệu còn tiềm ẩn trong nhân dân.

Tuy vậy, những kết quả đạt được là những thành công đáng ghi nhận, cần được quý trọng, gìn giữ và phát huy. Với những sưu tập ảnh nêu trên dù mới là những nét chấm phá của bức tranh cuộc sống lao động hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế sau cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp, của một thời kỳ quá độ cải tạo và xây dựng CNXH; của cuộc chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu chống lại chiến tranh biệt kích và mọi âm mưu leo thang chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và tay sai. Nhưng với những sưu tập ảnh tư liệu sưu tầm được là linh hồn, là giá trị lịch sử, văn hoá chứa đựng bên trong từng bức ảnh mà mỗi gia đình, mỗi cá nhân, đơn vị đã sưu mang, cất giữ gần nửa thế kỷ nay.

### **3. Thời kỳ chống Mỹ cứu nước năm 1964 - 1975.**

Ngày 20 tháng 7 năm 1954, hiệp định Giơ - Ne - Vơ về Đông Dương được ký kết, đất nước Việt Nam tạm thời bị chia làm 2 miền Nam - Bắc. Lịch sử lại đặt Quảng Bình ở vào vị trí cực kỳ trọng yếu, là tuyến đầu của Miền Bắc xã hội chủ nghĩa và hậu phương trực tiếp của Miền Nam thành đồng tổ quốc, là đầu cầu nối liền Nam - Bắc trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Nơi trực tiếp thể hiện tính chất chính nghĩa và sức mạnh to lớn của nhân loại tiến bộ đối với nền văn minh quân sự kiểu Mỹ bạo tàn của chủ nghĩa đế quốc. Do vị trí trong yếu đặc biệt về địa giới nói trên, Quảng Bình trở thành là tỉnh có một vị trí chiến lược vô cùng quan trọng đối với cuộc đấu tranh giải phóng Miền Nam, bảo vệ Miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Thấm nhuần lời kêu gọi của Bác Hồ: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược” quân và dân Quảng Bình đã vượt qua mọi khó khăn gian khổ, hy sinh để bảo đảm mạch máu giao thông thông suốt, chiến đấu bắn rơi nhiều máy bay, bắn chìm, bắn cháy nhiều tàu chiến Mỹ, bảo đảm sản xuất phục vụ tốt đời sống và an toàn cho nhân dân. các sưu tập ảnh sau đây đã bổ sung và làm sáng tỏ thêm cho kho tàng tư liệu về lịch sử oai hùng của quân và dân Quảng Bình trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

### 3.1) Quân dân Quảng Bình chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Thất bại ở chiến trường Miền Nam trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược chiến tranh cục bộ và tăng cường hoạt động quân sự đánh phá Miền Bắc bằng chiến tranh tâm lý, tung gián điệp biệt kích ra Miền Bắc; Tiếp đến, chúng gây ra sự kiện Vịnh Bắc Bộ ngày 5 tháng 8 năm 1964.

Với tinh thần cảnh giác Cách mạng, dưới ánh sáng đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, thực hiện các Nghị quyết 11 và 12 của Trung ương, Tỉnh uỷ Quảng Bình đã kịp thời đề ra những biện pháp cấp bách để lãnh đạo, chỉ đạo toàn quân toàn dân ta sẵn sàng đánh bại các loại chiến tranh gián điệp, biệt kích, không quân và Hải quân Mỹ khi chúng đánh phá Quảng Bình.

Từ những trận đấu quân dân Quảng Bình phối hợp với bộ đội Phòng không, bộ đội Hải quân, Công an vũ trang bằng mọi loại vũ khí từ bộ binh đến cao xạ pháo, đồng loạt nổ súng bắn rơi nhiều máy bay Mỹ. Mặc dầu mức độ chiến tranh phá hoại của Mỹ ở Quảng Bình ngày càng ác liệt, sự tàn phá ngày càng nặng nề, không lúc nào là không có tiếng bom rơi, đạn nổ. Nhưng toàn dân một ý chí, dân quân tự vệ từ già, trẻ, gái, trai, miễn xuôi cũng như miễn ngược đều hăng hái đánh trả không quân địch bất kỳ nơi đâu và lúc nào chúng xâm phạm vùng trời quê hương. Dưới đây là một số hình ảnh tiêu biểu do các phóng viên nhiếp ảnh chiến trường và một số cán bộ văn nghệ sỹ tình nhà ghi lại được những khí phách hào hùng của các lực lượng tham gia chiến đấu.

Ảnh do Phòng truyền thống Công an tỉnh; Nguyễn Thị Xảo (Bảo Ninh Đồng Hới); Bảo tàng quân khu 4; Trung tâm lưu trữ UBND tỉnh Quảng Bình; Bảo tàng Lịch sử Cách mạng Thừa Thiên Huế; Ngô Trường Phúc (Phòng văn hoá, thể thao Đồng Hới); Trung tâm lưu trữ Tỉnh uỷ Quảng Bình; Trần Thanh Côi (Hải Thành - Đồng Hới); Hoàng Giáo (Đồng Sơn - Đồng Hới) cung cấp.

Sau đây là một số ảnh tiêu biểu cho chủ đề này:

Ngày 11/3/1968 dân quân huyện Quảng Trạch bắn rơi tại chỗ chiếc máy bay F4D bằng 7 viên đạn súng bộ binh.

- Đồng chí Lê Ngọc Lễ, bí thư chi bộ thôn Phú Xá - Quảng Ninh lấy thân làm giá súng bắn máy bay ngày 7 tháng 2 năm 1965.

Đơn vị Hải quân Quảng Bình đã bắn rơi máy bay Mỹ ngày 7 tháng 2 năm 1965.

Thiếu niên xã Quảng Đông - Quảng Trạch bắn máy bay Mỹ năm 1968.

- Đại đội pháo binh gái Ngư Thuỷ năm 1970.

Dân quân Dương Thuỷ - Lê Thuỷ bắn rơi máy bay thứ 300 của Mỹ ở Quảng Bình ngày 31 tháng 7 năm 1967.

Tự vệ nhà máy cơ khí 3/2 Quảng Bình vừa đảm bảo sản xuất, vừa cơ động chiến đấu bắn rơi máy bay Mỹ năm 1968.

Công an xã Nhân Trạch cùng lực lượng dân quân địa phương triển khai chiến đấu với tàu chiến Mỹ năm 1967.

Đơn vị gái sơn pháo xã Bảo Ninh năm 1968.

- Dân quân xã Phú Hải - Đồng Hới trực chiến năm 1965.

### **3.2) Công tác phòng tránh, phục vụ chiến đấu chống máy bay địch phá hoại.**

Nhằm bảo toàn lực lượng, bảo đảm sinh mệnh của toàn dân, công tác phòng tránh, phục vụ chiến đấu được xem là một nhiệm vụ quan trọng và vô cùng cấp bách. Đi đôi với việc chiến đấu, ngay từ đầu, các cấp, các ngành đặc biệt chú trọng đến công tác phòng tránh, phục vụ chiến đấu và coi đó là một bộ phận của chiến tranh nhân dân. Nhờ làm tốt công tác phòng tránh mà chúng ta bảo vệ được tính mạng nhân dân, tài sản Nhà nước, hạn chế đến mức thấp nhất những tổn thất do bom Mỹ tàn phá.

Sưu tập ảnh xây dựng hầm hào, sơ tán dân cư đến vùng đất mới, tổ chức canh gác, báo động, tổ chức cứu sập hầm, cấp cứu hay ảnh về hậu quả của những trận mưa bom lửa đạn do không quân và hải quân Mỹ tàn phá được các nhà nhiếp ảnh ghi lại trong những năm tháng giặc Mỹ leo thang phá hoại miền Bắc được lưu giữ trong dân ở các địa phương, đơn vị, cá nhân mà chúng tôi vừa sưu tầm được là những sử liệu quý về công tác phòng tránh và phục vụ chiến đấu, về tổ chức đời sống trong thời chiến, về tổ cáo tội ác giặc Mỹ leo thang chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Ảnh do Hoàng Trọng Đổng (Đồng Phú - Đồng Hới); Phòng truyền thống Công an tỉnh; Bảo tàng Lịch sử Cách mạng Thừa Thiên Huế; Hoàng Quang Vàng (Hà Dương - Bảo Ninh); Phan Liễn (Quảng Kim - Quảng Trạch); Bảo tàng Quân khu 4; Trung tâm lưu trữ UBND tỉnh Quảng Bình; Sở giáo dục Quảng Bình; Đình Thị Thu Hiệp (Xuân Hoá - Minh Hoá); Nguyễn Văn Danh (Đồng Sơn - Đồng Hới).

Sau đây là một số ảnh tiêu biểu cho chủ đề này:

Nhân dân củng cố hầm hào tránh máy bay Mỹ năm 1968.

Dân quân xã Hưng Trạch - Bố Trạch đang di chuyển trận địa năm 1968.

Lực lượng Công an cùng nhân dân xây dựng hầm hào, công sự chiến đấu tại Đồng Hới năm 1967.

Cán bộ xung kích thị xã Đồng Hới đào hầm cứu dân ngày 4 tháng 4 năm 1965.

- Sẵn sàng đưa lệnh chiến đấu nhanh chóng xuống trận địa năm 1965.

Lực lượng Công an bảo vệ an toàn cho các đoàn K8, K10, K15 đi sơ tán các tỉnh Thanh Hoá, Ninh Bình năm 1968.

Lão dân quân Quảng Bình đan lưới dưới hầm chữ A.

- Nhân dân Đồng Hới phục vụ chiến dịch năm 1968.

Nhân dân Võ Ninh Quảng Ninh dỡ nhà lắp hố bom thông đường cho xe qua, tháng 5 năm 1968.

Thanh niên Đồng Hới chuẩn bị lên đường ra tuyến tuyến năm 1967.

Chiến sỹ đồn Công an nhân dân số 84 vượt sông cứu người và tài sản giải quyết hậu quả sau đợt đánh phá ác liệt của máy bay Mỹ năm 1966.

Thanh niên Ba sẵn sàng Đồng Hới giúp dân xây dựng quê mới ở khu sơ tán Trạng năm 1966.

- Nhà hầm của người dân xã Lộc Ninh trong chiến tranh.

Vọng gác phòng không đang theo dõi máy bay Mỹ.

Anh hùng Đinh Thị Thu Hiệp trong Hội nghị ban 67 tại Đồng Hới năm 1971.

### **3.3) Mặt trận giao thông vận tải, đoàn 559 và Đường Trường Sơn ở Quảng Bình.**

Quảng Bình trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc, giao thông vận tải có một vị trí rất quan trọng, là mạch máu nối liền hậu phương lớn Miền Bắc với tiền tuyến lớn Miền Nam. Suốt những năm tháng chiến tranh, ở đây đã diễn ra cuộc chiến đấu giằng co giữa ta và địch, với tinh thần : “Xe chưa qua nhà không tiếc”, “Đường chưa thông không tiếc máu xương”, Các lực lượng công binh, lái xe, các chiến sỹ ca nô, lực lượng thanh niên xung phong, dân công hoả tuyến từ trẻ, già, gái trai đều dũng cảm phá bom nổ thậm, sửa đường, chèo đò, đưa phà chở bộ đội sang sông dưới làn bom đạn của địch.

Trong những năm leo thang chiến tranh phá hoại miền Bắc, đế quốc Mỹ đã dùng mọi âm mưu, thủ đoạn, dùng nhiều loại phương tiện chiến tranh hiện đại, ngày đêm đánh phá ác liệt, nhằm ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho Cách mạng miền Nam, cho các chiến trường. Nhưng Quảng Bình cùng với cả nước đã đảm bảo thông đường thông xe, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến. Những hình ảnh vừa suu tầm được đã phản ánh sự chiến đấu và hy sinh vô cùng anh dũng của các lực lượng đảm bảo giao thông tại bến Phà Gianh, Phà Long Đại, Phà Xuân Sơn, Quán Hàu và dọc tuyến đường mòn Hồ Chí Minh như đường 15 chạy dọc Trường Sơn, đường 12 từ miền tây Tuyên Hoá sang Sê Pôn, đường 16 từ làng Ho - Lệ Thủy qua bản Đông, đường 20 từ Phong Nha qua Khăm Muộn.

Đặc biệt ấn tượng là những bức ảnh về đường kín, cầu khỉ chỉ có hàng ván bên vách núi, cầu dây cáp để xe qua, lắp đặt đường ống vận chuyển xăng dầu, khí tài quân sự. Các đồng chí lãnh đạo Đảng, quân đội thăm bộ đội Trường Sơn tại Sở chỉ huy đoàn 559 ở Hiền Ninh và nhất là sưu tập ảnh Đại tướng Võ Nguyên Giáp 3 lần vào thăm các đơn vị chiến đấu của Đoàn 559, trong thời gian từ năm 1968 đến năm 1973. Đây là những bức ảnh do các phóng viên, nhiếp ảnh chiến trường ghi

được khi tác nghiệp cùng các đoàn quân ra trận trên mọi nẻo đường vận tải của Quảng Bình trong chiến tranh chống Mỹ.

Ảnh do Bảo tàng đường Trường Sơn; Bảo tàng Quân khu 4; Lại Văn Ly (Đồng Phú - Đồng Hới); Lê Trọng Sành (Thành phố Hồ Chí Minh); Bảo tàng Lịch sử Cách mạng Thừa Thiên Huế; Trung tâm lưu trữ UBND tỉnh Quảng Bình; Nguyễn Văn Minh (Đồng Sơn - Đồng Hới); Phòng truyền thống Công an tỉnh Quảng Bình; Nguyễn Lương Cảnh (Bắc Lý - Đồng Hới); Ngô Trường Phúc (Phòng văn hoá thể thao Đồng Hới).

Sau đây là một số ảnh tiêu biểu cho chủ đề này:

Máy bay trực thăng MI- 6 đoàn bay 919 chở khí tài phục vụ chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975 tại sân bay Đồng Hới.

Xe ô tô vượt sông qua 2 sợi dây cáp thay cầu.

- Cán bộ Ban chỉ huy chiến dịch VT5 tại Hoàn Lão, tháng 1 năm 1968.

Xe vượt đèo Ngang đưa hàng ra tuyến tuyến.

Tiểu đoàn 27 công binh nổi nhip cầu phao ở bến phà Long Đại đảm bảo giao thông suốt năm 1968.

Tư lệnh Đồng Sỹ Nguyên và lãnh đạo tỉnh Quảng Bình cất băng khánh thành cầu phao Sông Gianh ngày 21 tháng 2 năm 1973.

Tư lệnh Đồng Sỹ Nguyên báo cáo với Đại tướng Võ Nguyên Giáp kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 1972 và kế hoạch làm đường năm 1973 tại Sở chỉ huy tháng 3 năm 1973.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm tiểu đoàn 52 ô tô vận tải anh hùng. Binh trạm 14 đang vận chuyển trên tuyến đường 20 Quyết Thắng từ km 39 đến Lùm Bùm, tháng 9 năm 1970.

Trạm chỉ huy giao thông đường kín. Binh trạm 14 đoàn 559.

Bắc cầu tàu phục vụ chiến dịch trên sông Nhật Lệ năm 1968.

- Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm Cầu Gianh tháng 3 năm 1973.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến thăm trận địa pháo D16 bảo vệ Cầu Long Đại tháng 3 năm 1973.

Các chiến sỹ tại trạm chỉ huy giao thông đường 20 Quyết Thắng làm nhiệm vụ, tháng 3 năm 1972.

Bến đò ngang Mẹ Suốt năm 1965.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp vẫy chào các đại biểu đến dự Đại hội mừng công toàn tuyến ngày 7 tháng 3 năm 1973 tại Hiền Ninh.

Tư lệnh Đồng Sỹ Nguyên, chính uỷ Đặng Tính trên xe tháp tùng bí thư Lê Duẩn đến thăm đơn vị pháo bảo vệ phà Long Đại Tết Quý Sửu năm 1973.

Anh hùng Nguyễn Văn Tương, công an viên xã Thanh Trạch chèo thuyền vận chuyển sang sông Gianh năm 1967.

Tổ đường dây bưu điện sẵn sàng phục vụ chiến đấu năm 1965.

### **3.4) *Sưu tập ảnh về các lĩnh vực sản xuất Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Ngư nghiệp, Thuỷ lợi thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.***

Vượt lên tất cả gian khổ, hy sinh mất mát trong chiến đấu chống máy bay và tàu hải quân Mỹ liên tục ném bom, bắn đạn pháo sát hại nhân dân, gây bao khó khăn trên mặt trận sản xuất và đời sống. Nhân dân Quảng Bình với khẩu hiệu: Tay cày tay súng, tay chèo tay súng đêm ngày bám đồng ruộng sản xuất thâm canh, bám biển đánh cá trong mọi tình huống. Nhân dịp tỉnh Quảng Bình bắn rơi chiếc máy bay thứ 100 của không quân Mỹ, Bác Hồ gửi thư khen “Tỉnh nhà chiến đấu giỏi, sản xuất cũng giỏi” Từ đó phong trào thi đua 2 giỏi được phát động sâu rộng trong toàn tỉnh trở thành cao trào Cách mạng của hàng vạn quần chúng. Trên mặt trận nông nghiệp, nông dân vẫn đảm bảo tăng năng suất, sản lượng lương thực, thực phẩm. Làm tốt công tác thuỷ lợi, nạo vét và củng cố kênh mương nội đồng, bảo đảm đủ nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp. Xây dựng các công trình thuỷ lợi lớn để đảm bảo chủ động nguồn nước tưới và tiêu úng cho những địa phương trọng điểm của tỉnh. Nhiều hình ảnh được ghi lại một cách sinh động của nhân dân trên mặt trận sản xuất, thể hiện tinh thần lao động cần cù, dũng cảm, sáng tạo của nông dân, ngư dân, vừa chiến đấu, phục vụ chiến đấu vừa phải bám trụ sản xuất trong thời kỳ giặc Mỹ đánh phá vô cùng ác liệt.

Trên mặt trận sản xuất Ngư nghiệp, mặc dù máy bay, tàu chiến Mỹ liên tục hoạt động ngoài khơi nhưng với quyết tâm bám biển sản xuất, chắc tay chèo, vững tay súng. Giặc đánh ngoài khơi, ta vào lộng, giặc đánh trong lộng, thuyền ta ra khơi. Ngư nghiệp Quảng Bình vẫn đảm bảo sản lượng đánh bắt, cung cấp đủ nhu cầu phục vụ tốt nhân dân và các lực lượng đóng trên địa bàn.

Lâm nghiệp được chú ý củng cố và đầu tư khai thác gỗ phục vụ dân dụng và nhu cầu quốc phòng. Nhiều vườn cây được trồng mới phục vụ dân sinh. Mảng ảnh này khá đa dạng và phong phú, sẽ phục vụ tốt cho công tác nghiên cứu và trưng bày trong Bảo tàng tỉnh và các nhà truyền thống địa phương. Ảnh do Nguyễn Thị Liên (Hải Đình - Đồng Hới); Đinh Ngọc Bích (Thanh Hoá- Tuyên Hoá); Nguyễn Nhật Phương (Nam Lý - Đồng Hới); Nguyễn Thị Hiếu (Đồng Sơn - Đồng Hới); Bảo tàng Cách mạng và Lịch sử Thừa Thiên Huế; Đạu Có (Hải Đình - Đồng Hới); Bảo tàng quần khu 4 cung cấp.

Sau đây là một số ảnh tiêu biểu cho chủ đề này:

Thuỷ điện Đồng Sơn năm 1974.

Hợp tác xã Nam Lý làm nghĩa vụ lương thực năm 1972.

Tăng gia sản xuất để tự túc lương thực của Công an huyện Quảng Trạch năm 1969.

- Cày đêm tránh máy bay Mỹ năm 1967.

Bà con xã Liên Thủy - Lệ Thủy hăng hái lắp hố bom để sản xuất năm 1967.

Vừa sản xuất vừa đề phòng giặc Mỹ bắn phá năm 1967.

Hợp tác xã Lê Xá Mai Thủy - Lệ Thủy bám ruộng thu hoạch lúa trong lúc địch đánh phá ác liệt năm 1968.

Xã viên hợp tác xã Đại Phong - Lệ Thủy chăm bón lúa năm 1969.

Xã viên hợp tác xã Hải Thành chăm bón vườn Dương trên cát năm 1972.

Xã viên hợp tác xã Thiết Sơn Tuyên Hoá chọn giống lúa năm 1972.

Trại thí nghiệm Lộc Long Xuân Ninh kiểm tra giống lúa 390 trong vụ Xuân năm 1974.

Chủ tịch UBHC tỉnh Cổ Kim Thành thăm mùa ở Hữu Cung - Hàm Ninh Quảng Ninh, tháng 5 năm 1970.

- Cảnh Dương bám biển sản xuất năm 1966.

- Đồng chí Nao, đội trưởng sản xuất hợp tác xã Hải Thành - Đồng Hới chữa máy nổ tiếp tục xuất quân đánh cá năm 1972.

Vét mương chống hạn vụ 8 của xã Trung Trạch - Bố Trạch năm 1968.

- Nông dân Phú Hải làm thủy lợi năm 1972.

- Đội thủy lợi công trình Rào Nan năm 1967.

Thi công đập Cẩm Ly năm 1972.

Xe trâu chở gỗ của hợp tác xã Đại Phong - Lệ Thủy năm 1970.

Vườn cây của đội lão du kích Cổ Liễu Liên Thủy năm 1966.

### ***3.5) Trên mặt trận tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp và xây dựng.***

Để xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho Quảng Bình, lãnh đạo tỉnh căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, chủ trương chú trọng phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của nền kinh tế tỉnh nhà. Đồng thời đẩy mạnh hoạt động thương nghiệp, lưu thông phân phối, đảm bảo ổn định được nền kinh tế, nhằm đối phó tốt hơn trong tình hình và nhiệm vụ mới của đất nước là vừa có hoà bình vừa có chiến tranh. Quảng Bình tích cực thực hiện chuyển hướng nền kinh tế tỉnh nhà phù hợp với hoàn cảnh thời chiến, hình thành mạng lưới công, thương nghiệp địa phương với hàng trăm đơn vị nhỏ như: Xí nghiệp Sứ, xí nghiệp sửa chữa ô tô, xí nghiệp Dược, xí nghiệp may mặc, các hợp tác xã thủ công, mua bán, chế biến... Nhằm bảo đảm tốt phân phối lưu thông, phục vụ đủ lượng hàng thiết yếu cho nhân dân và các lực lượng đồng quân chiến đấu và phục vụ chiến đấu trên đất Quảng Bình trong những năm chống chiến tranh phá hoại ác liệt của đế quốc Mỹ. Sư tập ảnh sưu tầm được ở chủ đề này phản ánh cuộc sống sinh động của các đơn vị sản xuất và phân phối lưu thông của Quảng Bình trong thời chiến. Sau đây là những

hình ảnh quý giá mà các nhà nhiếp ảnh, các phóng viên trong và ngoài tỉnh đã ghi lại được trong thời gian này. Nó có giá trị và ý nghĩa lịch sử khi ta nghiên cứu về hoạt động sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp và lưu thông thời chống Mỹ ở Quảng Bình.

Ảnh do Lê Kỳ (Đồng Sơn - Đồng Hới); Mai Duy Thường (Đồng Phú - Đồng Hới); Nguyễn Văn Lộc (Hải Đình - Đồng Hới); Hoàng Trọng Bính (Đồng Sơn - Đồng Hới); Bảo tàng Lịch sử Cách mạng Thừa Thiên Huế... cung cấp.

Sau đây là một số ảnh tiêu biểu cho chủ đề này:

Ngành Nông nghiệp Quảng Bình sản xuất lưỡi cày chi viện nước bạn Lào năm 1969.

- Công nhân xí nghiệp Rượu Bồng Lai vận hành hệ thống dẫn hơi năm 1970.

Xây dựng cơ sở xưởng cưa Hồng Hải - Đồng Hới năm 1964.

Nhân Trạch - Bó Trạch đúc xoong, bát, đĩa phục vụ sinh hoạt bếp ăn tập thể năm 1969.

Xưởng cơ khí Kiến Giang - Lệ Thủy năm 1973.

Chị Ma Thị Cam xưởng cơ khí Quảng Bình bảm xưởng máy sản xuất năm 1968.

Xã viên hợp tác xã thủ công nghiệp Tương Lai - Thanh Trạch - Bó Trạch vận chuyển gỗ ra lò, tháng 4 năm 1974.

Xí nghiệp may mặc Đồng Hới năm 1974.

Xưởng cưa xẻ gỗ Ba Đồn năm 1970.

Hợp tác xã Nón lá Quảng Thuận - Quảng Trạch năm 1970.

- Sản xuất xe cải tiến năm 1968.

- Công ty Công nghệ phẩm sản xuất Phấn viết phục vụ học sinh năm 1968.

- Công nhân Xí nghiệp Bánh kẹo Quảng Bình đang sản xuất năm 1974.

- Cửa hàng Troóc đưa hàng đến từng thôn xóm phục vụ nhân dân năm 1965.

- Cửa hàng Thương nghiệp Quảng Bình phục vụ miền núi năm 1967.

Cửa hàng mua bán Hợp tác xã Bảo Ninh năm 1970.

Cán bộ Công ty Điện máy tổ chức từng nhóm đưa xăng dầu về bán tận cơ sở năm 1967.

- Cửa hàng mua bán Hợp tác xã Quang Phú năm 1970.

- Cửa hàng sơ tán của huyện Lệ Thủy năm 1966.

- Gánh hàng phục vụ Đại hội Hai giới năm 1967.

- Cửa hàng phục vụ Văn La năm 1972.

Cửa hàng Hợp tác xã mua bán xã Liên Thủy - Lệ Thủy cân bầu cho bộ đội năm 1973.

Đồng chí Cổ Kim Thành, Phạm Văn Tuynh xúc nhất xẻng đầu tiên trên công trường xây dựng Bệnh viện Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới ngày 19 tháng 5 năm 1974.

- Công an thị xã làm muối để cải thiện đời sống năm 1972.

### **3.6) Ảnh về Văn hoá - Giáo dục - Y tế và Thể dục thể thao.**

Ngành Văn hoá thông tin hoạt động phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương. Các đội chiếu phim, đoàn văn công tỉnh, đội văn nghệ huyện, thị bám sát địa bàn luân phiên chiếu phim biểu diễn văn nghệ phục vụ các tầng lớp nhân dân và lực lượng quân đội đóng trên địa bàn tỉnh. Các hoạt động sôi nổi trên mặt trận văn hoá Thông tin với khẩu hiệu: “Tiếng hát át tiếng bom, tiếng loa hoà tiếng súng”, “Mẫu chuyện hai giỏi”, “Hoa hai giỏi” đã góp phần xứng đáng động viên quân dân Quảng Bình trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Về giáo dục, thực hiện công tác phòng không nhân dân, hầu hết các trường được sơ tán đến nơi an toàn hơn, làm nhà hầm học tập, thực hiện 3 tốt trong giáo dục. Số học sinh và trường lớp không những không giảm mà còn tăng hơn, thành lập thêm trường Hai giỏi, trường Bổ túc công nông, lớp ba sẵn sàng. Chương trình đào tạo được đảm bảo. Mặc dù trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, Quảng Bình vẫn đào tạo được những học sinh giỏi dự thi quốc gia đoạt giải.

Đối với ngành Y tế đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ và tăng cường cơ sở vật chất phục vụ tốt sức khoẻ nhân dân. Số lượng y bác sỹ, giường bệnh ở các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện và trạm xá xã không ngừng tăng lên đáp ứng nhu cầu cứu chữa nhân dân và bộ đội đóng trên địa bàn. Trong khói lửa chiến tranh, phát huy truyền thống anh hùng, mặc dù khó khăn gian khổ, bom đạn ác liệt nhưng những cán bộ y tế vẫn không ngại hy sinh vất vả cứu chữa kịp thời những người bị thương do bom đạn Mỹ sát hại. Chăm sóc các thương bệnh binh từ tiền tuyến chuyển ra.

Khoẻ để xây dựng và bảo vệ tổ quốc, các hoạt động thể dục thể thao mặc dù trong điều kiện chiến tranh vẫn được duy trì trong các trường học trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt những ngày ngừng bắn giữa 2 cuộc chiến tranh phá hoại và sau Hiệp định Pa ri, các cuộc giao lưu thi đấu thể thao giữa các đơn vị ban ngành được tổ chức sôi nổi.

Đây là những bức ảnh ghi lại được trên lĩnh vực văn hoá - giáo dục - y tế và thể thao trong những năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở Quảng Bình do các nhà báo, phóng viên nhiếp ảnh ghi được và được các cá nhân, tổ chức trong và ngoài tỉnh còn lưu lại. Đây là những bức ảnh có giá trị phục vụ tốt cho công tác nghiên cứu, trưng bày của Bảo tàng tỉnh và các ban ngành huyện, thị.

Ảnh do Quách Mộng Lân (Nam Lý - Đồng Hới), Nguyễn Trường Thọ (Phòng văn hoá thông tin, thể thao, Tuyên Hoá), Bảo tàng Lịch sử Cách mạng Thừa

Thiên Huệ, Nguyễn Văn Bồng (Đoàn nghệ thuật Quảng Bình), Nam Kỳ (Bắc Nghĩa - Đồng Hới), Phòng truyền thống Công an tỉnh Quảng Bình, Võ Hữu Ngụ (Bắc Nghĩa - Đồng Hới), Lê Duy Hào (Đồng Mỹ - Đồng Hới), Hoàng Thanh Sừ (Đồng Sơn - Đồng Hới), Hoàng Sông Hương (Đồng Mỹ - Đồng Hới), Trần Ngọc Dũng (Đồng Sơn - Đồng Hới), Lưu trữ UBND tỉnh Quảng Bình, Bảo tàng Đường Trường Sơn, Lê Duy Bản (Đồng Phú - Đồng Hới), Nguyễn Văn Huệ (Thuận Đức - Đồng Hới), Nguyễn Thế Phong (Nam Lý - Đồng Hới), Diệp Thanh Trúc (Đồng Phú - Đồng Hới), Trần Quốc Vinh (Đồng Sơn - Đồng Hới)... cung cấp.

Sau đây là những bức ảnh tiêu biểu trong các hoạt động văn hoá - Giáo dục - Y tế và Thể thao giai đoạn chống Mỹ:

Thanh Gái hát bài: “Tắm vải nguy trang” bên màn pháo phục vụ bộ đội năm 1968.

- Nhân Trạch - Bó Trạch biểu diễn văn nghệ dưới nhà hầm năm 1970.

Quốc doanh Phát hành sách Quảng Bình phục vụ nhân dân trong dịp tết Nguyên đán năm 1970.

Đội văn nghệ xã Phú Trạch - Bó Trạch biểu diễn văn nghệ tháng 12 năm 1973.

Quốc doanh Chiếu bóng Quảng Bình mở lớp đào tạo công nhân máy cho nước bạn Lào năm 1971.

- Nhà truyền thống Quảng Bình mở cửa phục vụ năm 1971.

- Đoàn văn công Quảng Bình diễn văn nghệ năm 1968.

- Nam Kỳ hát bài Tiếng đàn Ta lư phục vụ nhân dân Minh Hoá năm 1968.

Trại hè nhi đồng năm 1971.

Mít tin Quốc khánh ngày 2 tháng 9 năm 1969 tại Hội trường Kộn.

- Cơ quan Tỉnh đoàn Quảng Bình họp chi bộ dưới hầm năm 1972.

Nhạc sỹ Quách Mộng Lân hướng dẫn diễn viên Lào học hát năm 1972.

Diễu hành qua lễ đài mừng giải phóng Miền Nam 15/5/1975.

- Đoàn cán bộ giáo dục Quảng Bình trên đường sang Lào năm 1971.

- Lớp mẫu giáo đội 3, đội Độc lập Ba Rền - Bó Trạch năm 1974.

Đội thi học sinh giỏi toán Quảng Bình dự thi học sinh giỏi toán toàn Miền Bắc năm 1975.

- Ông Diệp Xuân Trúc sau ca mổ chấn thương từ dưới hầm mổ bệnh viện tỉnh đóng ở Nam Lý đi ra năm 1966.

Trạm y tế Lâm nghiệp Hoàn Lão - Bó Trạch bị đánh phá trong chiến tranh.

Bác sỹ bệnh viện Quảng Trạch đang phẫu thuật dưới hầm năm 1967.

Cán bộ Y viện Quảng Sơn - Quảng Trạch đang thay băng cho em Trần Thị Vệ bốn tuổi bị B52 Mỹ sát thương năm 1972.

Lương y Trần Sanh đang khám chữa bệnh cho nhân dân tại Đồng Sơn Đồng Hới năm 1970.

Bác sỹ Phạm Ngọc Thạch thăm Quảng Bình năm 1967.

Đội bóng đá Công đoàn Quảng Bình gặp đội F 325 năm 1965.

- Giải việt dã Quảng Bình năm 1971.

- Đội bóng Công an Quảng Bình năm 1965.

Nữ vận động viên bơi lội xã Bảo Ninh năm 1974.

### **3.7) Hoạt động giúp đỡ nước bạn Lào và con em Quảng Bình tại một số nước xã hội chủ nghĩa (1964 - 1975).**

Trên tinh thần quốc tế, giúp bạn là trách nhiệm và nghĩa vụ của quân và dân ta. Trong chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, những con đường vươn dài trên đất bạn, bảo đảm mạch máu giao thông thông suốt. Sau Hiệp định Pa ri năm 1973 nhiều cán bộ chuyên gia và công nhân xây dựng Quảng Bình đã giúp tỉnh Xavanakhet, Khăm Muộn của nước bạn Lào xây dựng kho trữ hàng, hội trường, trường học, bệnh xá... phục vụ đời sống dân sinh cho bà con các bộ tộc Lào. Ngoài giúp Lào xây dựng một số công trình thiết yếu, chúng ta còn cử nhiều đoàn cán bộ trung, cao cấp sang bạn Lào và các nước xã hội chủ nghĩa tham quan, học tập, chữa bệnh nhằm nâng cao kiến thức, trình độ, tăng cường sức khoẻ phục vụ tốt hơn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương Quảng Bình.

Sưu tập ảnh về chủ đề này chủ yếu phản ánh những hoạt động của các cán bộ trung, cao cấp của tỉnh ta thăm hữu nghị tại Lào và tham quan học tập, chữa bệnh ở các nước xã hội chủ nghĩa như: Trung Quốc, Cộng hoà dân chủ Đức, Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên, Liên Xô, Cu Ba... Đây là những hình ảnh của các cán bộ tham gia các đoàn và các cá nhân ghi lại được trong thời gian ở các nước sở tại.

Ảnh do Hoàng Hữu Diệu (Đồng Mỹ - Đồng Hới), Quách Mộng Lân (Nam Lý - Đồng Hới), Đậu Thị Thảo (Đồng Phú - Đồng Hới), Nguyễn Văn Quảng (Đồng Hoá - Tuyên Hoá), Diệp Thanh Trúc (Đồng Phú - Đồng Hới), Lại Văn Ly (Đồng Phú - Đồng Hới), Ly Thương (Đồng Sơn - Đồng Hới), Mai Xuân Tuyến (Đồng Mỹ - Đồng Hới), Trần Đình Luyến (Hải Đình - Đồng Hới), Nguyễn Thị Thu Thủy (Đức Ninh - Đồng Hới), Trần Thị Gái (Bắc Nghĩa - Đồng Hới), Phan Thị Minh Châu (Hải Thành - Đồng Hới)... cung cấp.

Dưới đây là một số ảnh tiêu biểu phản ánh về những hoạt động của chủ đề này:

Ông Đặng Gia Tất thăm một đơn vị bộ đội Lào năm 1972.

Tỉnh Xavanakhet tặng tỉnh Quảng Bình một cặp gà voi năm 1973.

Liên hoan văn nghệ giữa hai nước Lào - Việt năm 1972.

Bà An, phó Ty giáo dục Quảng Bình thăm và gắn huy hiệu cho học sinh Lào năm 1972.

Ông Đậu Minh Tuyết ban liên lạc tỉnh Quảng Bình cùng đồng đội tại Lào năm 1970.

Một cuộc họp của đoàn chuyên gia Quảng Bình tại Na Nhôm năm 1972.

Lễ bàn giao nhà khách Mường Phình cho bạn Lào năm 1975.

Khánh thành và bàn giao nhà khách Xavanakhet năm 1975.

Quảng Bình giúp bạn xây dựng xong xưởng sản xuất gạch ngói Xavanakhet năm 1975.

Trước nhà học ngoại ngữ ở Cu Ba ngày 17 tháng 11 năm 1974.

Ông Thương cùng đoàn ca nhạc Trung ương biểu diễn tại Quảng Châu Trung Quốc năm 1974.

Ông Mai Xuân Tuyến cùng các bạn tại Tiệp Khắc năm 1970.

Đoàn cán bộ sang chữa bệnh chụp ảnh với cán bộ Đại sứ quán, lưu học sinh tại Bình Nhưỡng tháng 2 năm 1969.

Nguyễn Thị Hồng Hạnh (con gái ông Nguyễn Tư Thoan, nguyên bí thư Tỉnh uỷ Quảng Bình) chụp ảnh cùng bạn tại Tiệp Khắc năm 1973.

Ông Nguyễn Tư Thoan, nguyên bí thư Tỉnh uỷ Quảng Bình đang ở thăm Công hoà dân chủ Đức năm 1974.

Ông Nguyễn Tư Thoan, nguyên bí thư Tỉnh uỷ Quảng Bình thăm Liên Xô năm 1963.

Ông Bùi Gia Khánh cùng bạn đang ở nhạc viện Bungari năm 1963.

### ***3.8) Ảnh về các Đại hội, Hội nghị và một số anh hùng, chiến sỹ thi đua trong thời kỳ chống Mỹ.***

Trong công cuộc xây dựng và kiến thiết quê hương Quảng Bình đã sản sinh ra nhiều nhân vật, danh nhân văn hoá nổi tiếng, những nhân tài của vùng đất địa linh nhân kiệt. Nhân dân Quảng Bình từ xa xưa đã có truyền thống hiếu học và học giỏi. Có 24 vị tiến sĩ trong 39 khoa thi. Nhiều danh nhân Quảng Bình xuất hiện rực rỡ trong làng danh nhân văn hoá Việt Nam ở nhiều thời điểm khác nhau: Dương Văn An, Nguyễn Hữu Hào, Nguyễn Hàm Ninh... và những nhân vật nổi tiếng thế giới như Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Nhưng khi có nghệ thuật nhiếp ảnh ra đời và du nhập vào Quảng Bình mới có dịp ghi lại được những hình ảnh về các nhân vật lịch sử, hay những nhân vật có tên tuổi và mang đến cho vùng đất Quảng Bình cũng như cả nước những thông tin gốc về vùng địa linh nhân kiệt như:

Ảnh Đại tướng Võ Nguyên Giáp; Đồng Sỹ Nguyễn.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, và đế quốc Mỹ những bức ảnh tư liệu đã kịp ghi lại những chân dung của các anh hùng chiến sĩ thi đua giữa đời thường với công cuộc lao động, sản xuất, chiến đấu. Khi mà họ chưa phải là anh hùng hoặc đã là anh hùng là người quê hương, hay con em từ các miền đất nước đã chiến đấu và đặt danh hiệu anh hùng, liệt sĩ trên đất Quảng Bình. Đó là những anh hùng của Quảng Bình trong kháng chiến chống Pháp:

Anh hùng Lê Ấm.

Liệt sĩ Lê Phúc.

Đào Đàm.

Phạm Dụng Hanh.

Phạm Khuông Tương (chiến sĩ Bảo Ninh năm 1948).

Đó là những anh hùng rất mực “Trung với Đảng, hiếu với dân” đó cũng là biểu tượng sống động của chủ nghĩa anh hùng Cách mạng.

Trong công cuộc kháng chiến chống lại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, nhân dân Quảng Bình đã trải qua những cuộc thử thách khó khăn nhất của lịch sử. Thực hiện lời dạy của Bác Hồ khi Người về thăm Quảng Bình - Vĩnh Linh 16/6/1957: “Nếu kẻ địch cố hành động liều lĩnh gì thì Quảng Bình - Vĩnh Linh phải đương đầu với chúng trước hết và phải đảm bảo đánh thắng trước hết”. Các cấp Đảng uỷ chính quyền và toàn thể nhân dân trong toàn tỉnh phát huy sức mạnh tổng hợp, bám dân, bám đất lãnh đạo nhân dân trên các mũi nhọn sản xuất, chiến đấu và chi viện cho chiến trường.

Tuy bom đạn ác liệt nhưng sản xuất vẫn được duy trì với phương châm “tay cày tay súng, tay búa tay súng, tay chèo tay súng”, “Bám hố bom để sản xuất thâm canh”, “thuyền là nhà, biển cả là quê hương, đất liền là nơi tạm trú” Các lớp học, các cấp học vẫn được duy trì đều đặn trong các hầm hào đã chiến “Dù trong hoàn cảnh nào cũng phải thi đua dạy tốt, học tốt”. Phong trào văn hoá văn nghệ vẫn được thể hiện mọi lúc mọi nơi với “Tiếng hát át tiếng bom, tiếng loa hoà tiếng súng” Chiến tranh nhân dân Quảng Bình phát triển mà đỉnh cao là phong trào thi đua 2 giỏi “Sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi”. Các đội pháo cao xạ, dân quân tự vệ đã sử dụng mọi thứ vũ khí bắn rơi máy bay, bắn cháy tàu chiến Mỹ v.v... Trên mặt trận sản xuất, chiến đấu đã nhiều lần được Bác gửi thư khen ngợi. Từ trong cuộc chiến đấu và sản xuất đó đã xuất hiện những tấm gương tiêu biểu xả thân vì quê hương tổ quốc và đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân tin yêu phong tặng danh hiệu anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, chiến sĩ thi đua xuất sắc. Những cá nhân, tập thể ấy đã được phóng viên nhiếp ảnh kịp ghi lại đúng thời khắc lịch sử. Những điển hình tiên tiến tập thể và cá nhân là sự kết tinh của truyền thống yêu nước, tinh thần anh dũng trung kiên của con người Quảng Bình. Quân và dân Quảng Bình đã chiến đấu oanh liệt, chiến thắng vẻ vang. Xuất hiện nhiều gương điển hình tiên tiến. Nổi bật có những pháo binh Ngư Thủy, Cảnh Dương, Võ Ninh v.v... gần

100 đơn vị anh hùng, 30 cá nhân anh hùng lực lượng vũ trang, 7 tập thể anh hùng, 10 anh hùng lao động và nhiều huân, huy chương các loại như:

Anh hùng Trần Thị Lý.

Anh hùng Nguyễn Thị Khứu.

Anh Nguyễn Như Thạch hy sinh khi đang phá bom nổ chậm (1966).

Chị Trần Thị Thành chiến sĩ thi đua, chính trị viên đại đội 759 (1966),

Tiểu đoàn pháo anh hùng Nguyễn Việt Xuân.

Các anh hùng không quân lái máy bay Mic 21 chiến đấu trên bầu trời bảo vệ Quảng Bình từ năm 1967 - 1972.

Anh hùng Trần Thị Lý và La Thị Tám tại Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua Ba Rền năm 1967.

Anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc năm 1966.

Đại hội Hai giỏi thị xã Đồng Hới 1965 - 1975.

Đại biểu tham dự Đại hội Hai giỏi Quảng Bình 10 năm thành lập 1965 - 1975.

Các anh hùng chụp ảnh kỷ niệm với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh năm 1967.

Ông Lê Bồ ở Lệ Sơn Văn hoá, chiến sĩ thu đua toàn quốc 1961 - 1962.

Anh hùng Trần Thị Lý tại Đại hội Thanh niên tiên tiến thị xã năm 1962.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm Quảng Bình năm 1958.

Sưu tập ảnh về các anh hùng, liệt sĩ chiến sĩ thi đua qua các cá nhân, tập thể điển hình tiên tiến là sưu tập quý, cung cấp nguồn thông tin bổ ích đối với công tác Bảo tàng nói riêng và đối với xã hội nói chung. Từ đó có thể tìm hiểu về thân thế, sự nghiệp của các cá nhân, tập thể đó. Có thêm nguồn tài liệu khoa học hỗ trợ cho công tác trưng bày của Bảo tàng sau này. Với sưu tập ảnh này đã biến một khoảnh khắc của hiện thực thành một bằng chứng và làm cho nó hiển hiện mãi mãi.

Khi Cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công, bộ máy hành chính Nhà nước được thiết lập để điều hành xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền nhân dân các cấp được ra đời. Ở Quảng Bình để kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo, động viên sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân qua mỗi thời kỳ và nhiệm vụ Cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Tỉnh uỷ, chính quyền và các hội đoàn thể quần chúng trong tỉnh đã tiến hành các kỳ Đại hội, Hội nghị, tổ chức các cuộc mít tinh với nhiều sự kiện lịch sử, nhiều phong trào thi đua sâu rộng trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân

Các sưu tập ảnh được các phóng viên, các nhà nhiếp ảnh ghi lại trong những thời khắc lịch sử mang tính thời sự chính trị. Qua các giai đoạn Cách mạng của Đảng cho đến ngày nay, những hình ảnh quý giá đó không những có giá trị lịch sử

mà còn có tác dụng tuyên truyền giáo dục cổ vũ động viên cán bộ, nhân dân trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Tiêu biểu là các sưu tập ảnh sau đây:

**\* Ảnh các Đại hội như:**

- Đại hội Hai giỏi của thị xã năm 1975.
- Đại hội Mặt trận tổ quốc Việt Nam thị xã năm 1957.
- Đại hội thiếu niên nhi đồng tỉnh (1960).  
Đại hội Đảng bộ năm 1961.
- Đại hội tổng kết HTX Hồng Hải năm 1961.
- Đại hội đoàn thanh niên lao động thị xã Đồng Hới năm 1962.
- Đại biểu Quảng Bình dự Hội nghị thi đua tỉnh năm 1966.
- Đại hội văn nghệ tỉnh Quảng Bình lần 2 năm 1972.
- Đại hội 2 giỏi của tỉnh, thị xã, (1965 - 1975).
- Đại hội Đảng bộ của xã Bảo Ninh mừng công 10 năm đánh Mỹ 1975.

**\* Ảnh về các Hội nghị như:**

Hội nghị của đoàn chuyên gia Việt Nam Lào tại Viêng Chăn Lào năm 1961.

Hội nghị Hội đồng nhân dân tỉnh năm 1967.

Họp nhận cờ thi đua tại Công an (1968).

- Công ty công nghệ phẩm Quảng Bình năm 1971.

Hội nghị cán bộ Ty Công nghệ phẩm Quảng Bình (1972).

Hội nghị quân chính Bộ tư lệnh 559 năm 1973.

- Hội nghị Công ty đường thủy Quảng Bình năm 1975.
- Các cuộc họp, mít tinh chào mừng Quốc khánh (1969).

Lễ tổng kết mừng công ngành tiểu thủ công nghiệp năm 1970.

Đây là những sưu tập ảnh tư liệu được ghi hình kịp thời những sự kiện lịch sử có ý nghĩa và giá trị cực kỳ quan trọng. Ngày nay và mai sau luôn là những tư liệu quan trọng không thể thiếu trong công tác nghiên cứu và trưng bày, tuyên truyền giáo dục truyền thống.

Trong những sưu tập đó có ảnh được chụp đầy đủ diễn biến của cuộc hội nghị hoặc Đại hội. Từ toàn cảnh Đại hội, lãnh đạo phát biểu ý kiến, các cá nhân phát biểu cho đến các cá nhân, tập thể chụp ảnh lưu niệm xung quanh lễ Đại hội. Nhưng cũng có Đại hội, hội nghị, cuộc họp v.v... chỉ chụp được ảnh lưu niệm của các đại biểu. Nhưng đây là những bức ảnh quý, là thông tin duy nhất bằng hình ảnh còn lưu

lại cho đến nay, mà qua đó ta có thể nhận biết được khung cảnh của Đại hội, hội nghị, thời gian Đại hội, các đại biểu tham dự và có thể chi tiết hơn là trang trí, trang phục của đại biểu, phù hiệu đại biểu v.v...

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta nói chung và riêng Quảng Bình, nơi chịu nhiều thử thách và là địa bàn đọ sức ác liệt nhất trong 2 cuộc chiến tranh phá hoại của Không quân và Hải quân Mỹ. Những cuộc họp của Tỉnh uỷ chỉ đạo và triển khai công tác cho từng thời gian, địa bàn là cực kỳ quan trọng trong điều kiện chiến tranh phá hoại ác liệt suốt ngày bom rơi đạn nổ. Các Hội nghị, Đại hội của các đơn vị, ban ngành, địa phương nhằm tổng kết phong trào thi đua và phát động phong trào mới cũng thường xuyên được tổ chức nhằm tuyên dương những điển hình tiêu biểu của các tập thể và cá nhân, những cách đánh hay, phòng tránh tốt, nhất là tinh thần không quản ngại hy sinh chiến đấu anh dũng với tàu bay Mỹ của quân và dân Quảng Bình. Từ trong cuộc chiến đó đã xuất hiện nhiều điển hình tiêu biểu như chị Trần Thị Lý, Nguyễn Thị Khứu, Hoàng Hữu Nữ, Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Thị Kim Huế... là một trong ngàn đóa hoa tiêu biểu cho phong trào "Hai giỏi" của Quảng Bình trong thời kỳ chống Mỹ. Những bức ảnh vừa sưu tầm được trong phần này của đề tài đã phản ánh phần nào sự sôi động của những hoạt động của quân và dân Quảng Bình những năm 1964 - 1975.

Ảnh do Lại Văn Ly (Đồng Phú - Đồng Hới), Cao Đình Nụ (Đồng Lê Tuyên Hoá), Hoàng Thị Chính (Đồng Sơn - Đồng Hới), Trần Ngọc Dũng (Đồng Sơn - Đồng Hới), Bảo tàng Lịch sử Cách mạng Thừa Thiên Huế, Nguyễn Xuân Giang (Tân Thủy - Lệ Thủy), Nguyễn Thị Ngọc Cấn (Lệ Ninh - Đồng Hới), Nguyễn Nhật Phương (Nam Lý - Đồng Hới), Hoàng Hải Nam (Hải Đình - Đồng Hới), Nguyễn Tri Phương (Đồng Phú - Đồng Hới), Hoàng Thanh Sửu (Đồng Sơn - Đồng Hới), Bảo tàng Quân khu 4, Phan Liên (Quảng Kim - Quảng Trạch) cung cấp. Sau đây là một số hình ảnh tiêu biểu:

Ban thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Bình họp bàn chống chiến tranh phá hoại của Mỹ trong tết Mậu Thân 1968.

Đại hội Quyết thắng lực lượng vũ trang Tuyên Hoá - Quảng Bình năm 1970.

- Đồng chí Cao Đình Nụ dự Đại hội Quyết thắng quân khu 4 năm 1969.

Hội nghị công tác năm 1971.

Anh hùng Nguyễn Xuân Giang cùng đồng đội năm 1972.

- Nữ anh hùng Nguyễn Thị Khứu ra khơi đánh cá năm 1970.

- Anh hùng giao thông Hoàng Hữu Nữ năm 1973.

Bà Ngô Thị Tương, Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh đang nghe Bộ trưởng ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Miền Nam Việt Nam kể chuyện về Hội nghị Pa ri năm 1973.

Nguyễn Thị Kim Huế và các anh hùng chiến sĩ thi đua gặp Bác Hồ năm 1967.

Ban Công an xã Đại Trạch Bó Trạch nhận cờ anh hùng năm 1973.

### ***3.9) Ảnh các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Quốc tế đến thăm tỉnh Quảng Bình thời kỳ chống Mỹ.***

Có thể nói suốt 3000 ngày không lúc nào nghỉ, quân và dân Quảng Bình liên tiếp ghi đậm chiến công trong sản xuất, xây dựng cũng như chiến đấu bảo vệ quê hương, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của một địa phương vừa là tuyến đầu Miền Bắc vừa là hậu phương trực tiếp của Cách mạng Miền Nam. Là cầu nối thông thương vận chuyển hàng triệu tấn vũ khí, đạn dược, phương tiện chiến tranh và hàng triệu lượt cán bộ, chiến sỹ chi viện cho chiến trường Miền Nam. Trong quá trình đó, Quảng Bình đã nhận được sự ưu ái của Đảng, Bác Hồ và các tỉnh bạn cùng bạn bè quốc tế. Sự thăm hỏi ân cần, sự động viên vật chất và tinh thần kịp thời là nguồn lực, sức mạnh để quân và dân tỉnh ta vượt qua vô vàn khó khăn ghi thêm nhiều chiến công vang dội.

Trong những năm chiến tranh chống Mỹ, Quảng Bình đã nhiều lần vinh dự đón các đồng chí Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Lê Đức Thọ, Tố Hữu, Phạm Hùng... và các đoàn khách quốc tế như Phi Đen, Xi Ha Núc... đến thăm và động viên.

Đây là những bức ảnh quý hiếm vừa sưu tầm trong thời gian thực hiện đề tài, phản ánh những hoạt động phong phú của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước diễn ra trên đất Quảng Bình được các phóng viên, nhiếp ảnh ghi lại và lưu trữ ở các Bảo tàng, các cơ quan lưu trữ và chính tại các gia đình thân nhân của các đồng chí lãnh đạo tỉnh thời kỳ này:

Ảnh do: Nguyễn Thị Thu Thủy (Đức Ninh - Đồng Hới), Trần Quốc Vinh (Đồng Sơn - Đồng Hới), Bảo tàng Đường Trường Sơn, Nguyễn Xuân Giang (Tân Thủy - Lệ Thủy); Trần Sự (Đồng Mỹ - Đồng Hới); Nguyễn Tri Phương (Đồng Phú - Đồng Hới); Nguyễn Nhật Phương (Nam Lý - Đồng Hới); Phòng truyền thống Công an tỉnh; Bảo tàng Quân khu 4; Lê Trọng Sành (thành phố Hồ Chí Minh) cung cấp.

Sau đây là một số ảnh tiêu biểu của chủ đề này:

Tổng bí thư Lê Duẩn vào thăm Quảng Bình năm 1973.

Tổng bí thư Lê Duẩn và thiếu tướng Phan Khắc Hy thăm Quảng Bình năm 1973.

Tổng bí thư Lê Duẩn thăm và nói chuyện với cán bộ chiến sỹ Công an Quảng Bình năm 1970.

Đồng chí Lê Đức Thọ thăm bộ đội Trường Sơn năm 1975.

Đồng chí Lê Đức Thọ thăm hỏi các chiến sỹ lái máy Trung đoàn 6 công binh Bộ tư lệnh 559 ngày 11 tháng 2 năm 1975.

Đồng chí Trường Chinh thăm Ngư Thủy năm 1974.

Bộ trưởng Xuân Thủy thăm Quảng Bình năm 1970.

Bộ trưởng Xuân Thủy thăm Quảng Bình năm 1969.

Đồng chí Tố Hữu thăm Quảng Bình năm 1973.

Bộ trưởng Phan Trọng Tuệ về thăm và làm việc với Ban điều hoà vận tải Quảng Bình tại Giao Tế - Đức Ninh tháng 11 năm 1973.

Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn về thăm và làm việc với Công an Quảng Bình năm 1969.

Thiếu tướng Lê Quang Hà, Chính uỷ Quân khu 4 thăm đơn vị nữ pháo binh Ngư Thủy năm 1968.

Đồng chí Phạm Hùng thăm Bộ tư lệnh 559 năm 1975.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp, tư lệnh Đồng Sĩ Nguyên đi xuống lên Hiền Ninh dự Đại hội chiến sỹ thi đua toàn tuyến ngày 7 tháng 3 năm 1973.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm cầu Phao Long Đại năm 1973.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm Quảng Bình năm 1970.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm trường cấp III Quảng Bình năm 1968.

Đón Thủ tướng Phạm Văn Đồng tại sân bay Đồng Hới năm 1972.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Chủ tịch Phi Đen thăm Quảng Bình tháng 9 năm 1973.

Đồng chí Cổ Kim Thành thay mặt nhân dân Quảng Bình tặng Chủ tịch Phi Đen “Cây nhiệt đới”, tháng 9 năm 1973.

Bảo vệ quốc trưởng Xi- Ha- Núc và đoàn thăm Quảng Bình năm 1973.

Đại biểu Tỉnh uỷ Ninh Bình thăm Quảng Bình năm 1968.

Đoàn y tế Cu Ba thăm Quảng Bình năm 1973.

Đoàn đại biểu Đảng cộng sản Ý thăm cảng Nhật Lệ tháng 3 năm 1974.

Đoàn hữu nghị Việt - Nhật thăm Quảng Bình năm 1967.

### ***3.10) Ảnh về máy bay và phi công Mỹ trong chiến tranh phá hoại.***

Trong 8 năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, quân và dân Quảng Bình đã anh dũng chiến đấu bắn rơi 704 máy bay Mỹ, loại khỏi vòng chiến đấu và bắt sống hàng trăm phi công. Với tinh thần anh dũng, bằng mọi cách và mọi thứ vũ khí kể cả súng bộ binh, quân và dân Quảng Bình vẫn bắn hạ máy bay và bắt sống giặc lái Mỹ trong đó có tên giặc lái bị bắt đầu tiên trên Miền Bắc.

Ảnh các địa phương Đồng Hới, Bố Trạch, Lệ Thủy, Tuyên Hoá bắn rơi máy bay, bắt sống giặc lái. Sưu tập ảnh các loại máy bay Mỹ đã từng sử dụng oanh tạc

Quảng Bình trong chiến tranh. Đây là những bức ảnh quý của các phóng viên đã ghi lại được trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Ảnh do Bảo tàng Quân sự Việt Nam; Bảo tàng Lịch sử Cách mạng Thừa Thiên Huế; Trung tâm lưu trữ UBND tỉnh Quảng Bình; Bảo tàng Quân khu 4; Ngô Trường Phúc (Phòng văn hoá, thể thao Đồng Hới).

Một số ảnh tiêu biểu của chủ đề này:

Dân quân Quảng Bình bắt sống thiếu tá phi công Su- Méc- Cơ ngày 11 tháng 2 năm 1965.

Bắt sống phi công Ralos William Garati ngày 16 tháng 2 năm 1972.

Bắt sống phi công Lockhart Hayder Janes ngày 2 tháng 3 năm 1965.

Dân quân Trung Trạch Bó Trạch bắt sống phi công Mỹ ngày 11 tháng 9 năm 1967.

Xác máy bay T28 của Mỹ bị bắn rơi tại miền tây Quảng Bình ngày 7 tháng 2 năm 1972.

Xác máy bay bị bắn rơi ngày 11 tháng 2 năm 1965 tại Đồng Hới.

Nhân dân xã Nhân Trạch kéo xác phi công và máy bay bị bắn rơi ngày 7 tháng 2 năm 1965.

Xác máy bay AD6 bị bắn rơi năm 1965 tại Đồng Hới.

Máy bay ném bom chiến lược B52.

Máy bay tiêm cường kích F111A.

Máy bay ném bom chiến lược F105.

Máy bay tiêm kích đa năng F4.

### ***3.11) Ảnh về tội ác của đế quốc Mỹ đối với nhân dân Quảng Bình.***

Trong hai cuộc chiến tranh phá hoại, đế quốc Mỹ và tay sai đã đánh phá bằng máy bay 71.825 lần, bằng tàu chiến là 2.554 lần, số lượng bom đạn trút xuống Quảng Bình là trên 1,5 triệu loạt bom, đạn. Toàn bộ 133 xã và thị xã bị đánh phá, huỷ diệt 1 thị xã, 1 thị trấn và 33 xã, làm chết 13.786 người, bị thương 22456 người. Chúng đã đánh phá làm hoang hoá nhiều cánh rừng và đồng ruộng. Đây là những bức ảnh ghi lại sự tàn khốc của chiến tranh, những tội ác trời không dung, đất không tha đối với không quân và hải quân Mỹ đã gây ra cho người dân Quảng Bình những năm 1964 - 1975.

Ảnh do: Nguyễn Nhật Phương (Nam Lý - Đồng Hới); Nguyễn Văn Trạch (Đồng Sơn - Đồng Hới); Hoàng Trọng Đống (Đồng Phú - Đồng Hới); Bảo tàng lịch sử Cách mạng Thừa Thiên Huế; Ngô Trường Phúc (Phòng văn hoá, thể thao Đồng Hới); Trung tâm lưu trữ UBND tỉnh Quảng Bình; Đặng Ngọc Anh (Ban tuyên giáo Tỉnh uỷ Đồng Hới)... cung cấp.

Sau đây là một số ảnh tiêu biểu về tội ác của hải quân và không quân Mỹ đối với Quảng Bình.

Thị trấn Ba Đồn bị tàn phá năm 1968.

Nhà ông Nguyễn Văn Trạch ở Đồng Hới bị bom Mỹ tàn phá, tháng 4 năm 1965.

Nhà thờ Tam Toà bị bom Mỹ tàn phá, năm 1965.

Bom Mỹ huỷ diệt thị xã Đồng Hới năm 1967.

Bệnh viện Đồng Hới bị bom Mỹ đánh năm 1965.

Trường Kim Mai - An Ninh bị đánh tháng 9 năm 1972.

Chùa Linh Quang - Đồng Hới bị đánh năm 1967.

Bom Mỹ đánh phá huỷ diệt Xuân Sơn Bố Trạch năm 1968.

Kho của HTX Nam Lý bị B52 đánh ngày 3 tháng 9 năm 1972.

Kho lương thực Bang bị đánh cháy ngày 1 tháng 5 năm 1970.

Bom Mỹ đánh phá thuyền chài xã Ngư Thủy năm 1968.

Ảnh tư liệu sưu tầm được phần Quảng Bình trong chiến đấu và xây dựng 1945 - 1975 khá phong phú, nó bao quát được các mặt hoạt động của quân và dân Quảng Bình trong 2 cuộc kháng chiến. Đây là nguồn sử liệu quan trọng ghi lại những nhất vật, sự kiện lịch sử đáng nhớ theo suốt chặng đường kháng chiến của quân và dân Quảng Bình nhằm bổ sung cho những mảng ảnh tư liệu còn thiếu trong trung bày Bảo tàng tỉnh, đồng thời cung cấp cho các địa phương ban ngành làm tư liệu nghiên cứu và phát huy trong công tác giáo dục truyền thống yêu nước, truyền thống anh dũng chiến đấu và lao động của quân và dân ta, phục vụ thiết thực cho nhiệm vụ chính trị của địa phương.

## CHƯƠNG III

### ĐIỀU TRA, SƯU TẦM CÁC LOẠI TƯ LIỆU GIẤY VỀ QUẢNG BÌNH TRƯỚC NĂM 1975

**1. Xác định đúng ý nghĩa, tầm quan trọng của tư liệu Chữ viết trong di sản văn hoá, lịch sử dân tộc.**

- Chữ viết một phương tiện giao tiếp quan trọng của con người, có lịch sử gần 6.000 năm. Nhờ có Chữ viết mà loài người đã tiến vào giai đoạn phát triển nhảy vọt với những bước tiến khổng lồ. Có thể nói: Không có Chữ viết thì không có nền văn minh hiện đại. Quá trình hình thành chữ viết là quá trình phát triển văn minh trí tuệ của con người qua thời gian và không gian. Có thể nói, Chữ viết là linh hồn của các tư liệu thành văn, cao hơn, nó là linh hồn của một nền văn hoá.

Từ xa xưa, nước ta đã có sách vở và hiền tài, có văn hoá và đã tự khẳng định dân tộc bằng chính nền văn hoá đó. Từ thế kỷ XI trở đi, chữ Nôm xuất hiện. Trước đó, dân ta dùng Hán tự để làm phương tiện ghi chép, diễn đạt thông tin phù hợp với tâm tư, tình cảm của người Việt trong lịch sử. Quá trình xuất hiện chữ Nôm chính là quá trình “dân tộc hoá cái ngoại sinh - chữ Hán - trong văn hoá” (theo Đặng Đức Siêu trong Amanách những nền văn minh thế giới). Quá trình “dân tộc hoá” Hán tự để trở thành chữ Nôm được chia làm 3 giai đoạn. Giai đoạn đầu dùng ngay chữ Hán để phiên âm các từ Việt; giai đoạn tiếp theo là hình thành chữ Nôm, khoảng từ thế kỷ XI đến thời Lý Trần. Hồ giai đoạn này hiện còn để lại một số tư liệu thành văn quý giá như Thiên tông bản hạnh, Cư trần lạc đạo, Vịnh hoa yên tự phú... Giai đoạn cuối là giai đoạn hoàn chỉnh chữ Nôm (cuối thế kỷ XVIII) văn bản hành chính được dùng chữ Nôm để thay chữ Hán hoàn toàn. Thời kỳ này để lại một kho tàng tư liệu chữ Nôm đồ sộ đang được lưu giữ như là một giá trị văn hoá đặc sắc của dân tộc Việt Nam nhằm giáo dục, tôn vinh truyền thống văn hoá Việt cho đời sau.

Đến cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, chữ La tinh dần thay thế chữ Hán Nôm và qua nhiều lần cải tiến, bổ sung để dần hình thành nên hệ thống chữ Việt Nam hiện đại như ngày nay. Cuốn sách Pháp giảng tám ngày của Alexandro de Rhodes được coi là tập tài liệu thành văn đầu tiên được viết bằng chữ Việt Nam hiện đại - chữ Quốc ngữ.

Như vậy, với ý nghĩa văn hoá và lịch sử của nó. Chữ viết là một sản phẩm độc đáo mà toàn thể loài người phải quan tâm giữ gìn, bảo vệ và phát triển. Chính vì thế mà từ năm 1993, Hội đồng tư vấn quốc tế thuộc tổ chức UNESCO đã thông qua chương trình ký ức thế giới với nội dung chính yếu là khuyến nghị các quốc gia lưu trữ, bảo quản, phổ biến các di sản chữ viết của loài người. Hiện nay, các cơ quan Thư viện, Lưu trữ, Bảo tàng của Việt Nam đã chọn lọc những bộ tài liệu thành văn cần thiết để đưa vào bảo quản, phát huy giá trị các di sản văn hoá của dân tộc. Và mảng tài liệu thành văn này được các Bảo tàng xem là một trong những tập hợp hiện vật có giá trị đặc biệt cần được bảo quản, giới thiệu và phát huy tác dụng.

Nhận thức được tầm quan trọng của các tư liệu thành văn như là một bộ phận di sản văn hoá phi vật thể của quốc gia, ngay từ khi mới giành được độc lập chưa đầy 3 tháng, ngày 23/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra sắc lệnh số 65-SL “Ấn định nhiệm vụ của Đông phương bác cổ học viện”, trong đó nói rõ: “Cấm phá huỷ những bia ký, chiếu sắc, văn bằng giấy má, sách vở có tính cách tôn giáo, nhưng có ích cho lịch sử, mà chưa được bảo tồn” Gần đây, Nghị quyết Hội nghị lần 5, BCH TW Đảng (khoá VIII) cũng đã chỉ rõ: “Hết sức coi trọng, bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hoá truyền thống, văn hoá Cách mạng, bao gồm cả văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể, văn học... Tiến hành sớm việc kiểm kê, sưu tầm, chỉnh lý vốn văn hoá truyền thống của người Việt và các dân tộc thiểu số; phiên dịch, giới thiệu kho tàng văn học Hán nôm...”.

Như vậy, có thể nói rằng, tầm quan trọng và giá trị truyền đời của các tư liệu thành văn trong kho tàng di sản văn hoá dân tộc đã được Đảng, Nhà nước đánh giá đúng đắn và các cơ quan chuyên môn, nhất là Bộ Văn hoá Thông tin (trước đây) triển khai nghiêm túc với việc đề ra Chương trình mục tiêu Quốc gia “Điều tra, sưu tầm, nghiên cứu vốn văn hoá phi vật thể” từ năm 1997 đến nay.

Với việc hình thành 117 Bảo tàng Trung ương, chuyên ngành, địa phương; hàng trăm thư viện cấp Quốc gia, ngành, địa phương; hàng trăm cơ sở lưu trữ trong toàn quốc đã và đang tập trung sưu tầm, bảo quản và giới thiệu mảng tư liệu thành văn có giá trị to lớn này đến với nhân dân...

## **2. Khảo sát, phân tích tư liệu giấy trước 1975 hiện tồn ở Quảng Bình.**

### **2.1) Phân loại tư liệu giấy nói chung.**

Về các tư liệu thành văn, có thể phân làm 4 loại hình như sau:

Thư tịch (sách vở) là nguồn di sản chữ viết đồ sộ, cơ bản nhất, với các tài liệu thành văn bằng chữ Hán Nôm, chữ Quốc ngữ, chữ các dân tộc ít người.

Văn khắc, Văn bia bao gồm các loại bia minh, câu đối, bi ký, hoành phi, đại tự... đây cũng là một tài sản vô cùng quý giá của văn hoá dân tộc.

Các loại hồ sơ lưu trữ: Về mảng di sản này, qua thống kê chúng ta chỉ còn giữ được cho tới nay các châu bản thuộc triều Nguyễn. Quốc Sử quán triều Nguyễn để lại khối lượng thư tịch đồ sộ chưa từng có trong lịch sử (châu bản triều Nguyễn có tới 11.000 tấm) (Dẫn theo GS. Phan Lê Huy). Các văn bản thuộc các thời đại phong kiến trước đó hầu như không còn tồn tại do thời gian, do điều kiện và do cả ý thức phiến diện của con người. May thay, hiện nay, với tất cả hệ thống Lưu trữ, Thư viện, Bảo tàng... trong toàn quốc, chúng ta có nhiều triệu trang tài liệu thành văn. Đây là nguồn di sản lớn lao cần được tổ chức bảo quản, khai thác và phát huy tác dụng một cách hiệu quả nhất.

Báo chí và các loại hình ấn phẩm định kỳ khác: Theo Thư tịch Báo chí Việt Nam hiện có khoảng trên 3000 tên báo và Tạp chí kể từ khi nước ta có tờ báo đầu tiên đến nay với khoảng triệu triệu trang in.

Theo thống kê, toàn quốc hiện nay có các bộ sưu tập tài liệu thành văn ước tính gồm: tài liệu Hán Nôm: 20.000 đơn vị; Văn bia Hán Nôm: 23.000 đơn vị; Hương ước, thần tích, thần phả: hơn 5.500 đơn vị; Tài liệu thành văn trước 1954: 17.000 đơn vị; Luận án tiến sĩ: trên 22.000 đơn vị...

## **2.2) Tư liệu chữ viết có ở Bảo tàng và Thư viện Quảng Bình theo phân loại:**

Qua tìm hiểu hiện trạng mảng tư liệu này, chúng tôi nhận thấy; ở cả Thư viện, Bảo tàng đặc biệt là Thư viện Quảng Bình, hệ thống tư liệu thành văn dưới dạng Thư tịch có khá nhiều, nhưng giá trị thực sự của khối thư tịch này là không lớn. Trong số hàng vạn cuốn sách trong kho sách Thư viện tỉnh đều là các tư liệu phổ biến, ít có tư liệu quý, đặc biệt là kho sách địa chí Quảng Bình càng hiếm hoi các tập sách có trước năm 1975. Nhất là mảng sách về Hán Nôm gần như không có trong kho sách Thư viện; ở Bảo tàng Quảng Bình, qua tìm hiểu cũng được biết số lượng các thư tịch có trước năm 1975 cũng rơi vào tình cảnh tương tự, có chăng là hiện có một vài bản sách Hán Nôm. Có tình trạng này là do chiến tranh, do các xáo động xã hội, do nhận thức thiếu cận của chính con người... đã làm mai một dần vốn cổ thư ở Quảng Bình. Điều này đặt ra một vấn đề cấp bách là cần phải đẩy mạnh việc sưu tầm trong dân gian để có thể gạn đục khơi trong, tìm lại những tinh hoa hiện còn lấp ló đâu đó...

Đối với thể loại văn khắc, văn bia ở Thư viện hầu như không có; ở kho hiện vật Bảo tàng cũng có rất ít những tài liệu dạng này, nhất là hiện nay Nhà nước đang có chủ trương cho phép thành lập Bảo tàng tư nhân và tâm lý các cá nhân không muốn mất quyền “chủ sở hữu” đối với các tư liệu quý giá được các triều đình phong kiến Việt Nam ban thưởng hoặc do chính quyền Cách mạng tặng cho các cá nhân, dòng họ, địa phương. Qua thăm dò, chúng tôi thấy loại hình văn khắc, văn bia, các sắc phong, các bài minh, các bản hương ước cổ, các hoành phi, câu đối cổ... ở địa bàn tỉnh là có nhiều. Vấn đề là phải tạo được cơ chế làm sao để tư liệu văn hoá quý giá đó có mặt tại Bảo tàng tỉnh (hoặc Thư viện tỉnh) để quảng bá, phục vụ mục đích khoa học và giới thiệu văn hoá cho nhân dân.

Về loại hình hồ sơ, báo chí... trước 1975, cơ bản ở Thư viện, Bảo tàng tỉnh và các cơ sở lưu trữ (VP Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, các cơ quan, ban, ngành...) là phong phú đa dạng. Nhưng phải làm sao để khối tư liệu thành văn đồ sộ đó, qua chọn lọc, phân loại, trở thành các tư liệu khoa học phục vụ cho công tác trưng bày, nghiên cứu... là cả một vấn đề cần quan tâm.

## **2.3) Khảo sát, phân tích nguồn tư liệu chữ viết (trên giấy) có trước 1975 ở Bảo tàng, Thư viện, các cơ sở Lưu trữ, trong dân gian trên địa bàn Quảng Bình và một số nơi khác.**

### **2.3.1) Ở Bảo tàng Quảng Bình:**

Kho hiện vật của Bảo tàng Quảng Bình có lưu trữ một số tư liệu giấy (chữ viết) thuộc các triều đại phong kiến quân chủ Việt Nam (chủ yếu là thời Nguyễn);

Các tư liệu về chính trị Cách mạng từ sau 1954 đến trước 1975, phản ánh tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh Quảng Bình qua các thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Đa phần các tư liệu thuộc dạng này là bản gốc (bản chính), số tư liệu này chủ yếu do cán bộ của Bảo tàng sưu tầm tại địa phương. Ngoài ra, còn có bản chụp (ảnh) một số tư liệu giấy, các loại hình văn khắc, văn bia... của triều đình phong kiến ban cho các đình làng, thành hoàng, người có công với dân với nước; gia phả một số dòng họ có trên địa bàn; các bản hương ước cổ; các loại câu đối; liễn đối, tấu, sớ...

Qua tìm hiểu, phân loại, tổng hợp thấy rằng số tư liệu chữ viết (chất liệu giấy) ở Bảo tàng Quảng Bình hiện tồn không nhiều, lại phiền diện, chưa đủ để có thể tổ chức nghiên cứu về thời đại phong kiến tồn tại trên đất Quảng Bình.

Ở đây chỉ tập trung phân tích về nguồn tư liệu giấy mới được sưu tầm về trong thời gian thực hiện đề án giai đoạn 1945 - 1975. Số tài liệu này hiện có trên dưới 200 đơn vị tư liệu, tuy ít nhưng cũng phần nào diễn tả được bộ mặt kinh tế, văn hoá, quốc phòng... của Quảng Bình một thời kỳ lịch sử. Đó là các loại văn bản hành chính có trước 1975; các loại giấy tờ thông hành, chứng minh thư, các loại thẻ căn cước; các loại hoá đơn, giấy tờ mua bán hàng hoá; các loại tem phiếu, tiền giấy qua các thời kỳ; bằng khen, Giấy khen, Huân huy chương các loại... ngoài ra còn có truyền đơn (Cách mạng), một số bản tin, tin vắn, một số tranh giấy, tranh cổ động trước 1975...

Cụ thể, ở đây xin nêu một số tư liệu sau:

#### *Tư liệu lịch sử:*

- + Văn bia Chùa núi Thần Đinh năm Khải Định thứ 10 (bản dịch của Nguyễn Chân, Viện Hán Nôm).
- + Bản sắc phong họ Trần (1924) Đức Ninh (bản dịch photo).
- + Tư liệu về Đường Hồ Chí Minh do BTL 559 biên soạn năm 1975.
- + Tiền sử và khai sử tỉnh Quảng Bình của Colani (tài liệu chép tay trong bộ BAVH “Đô thành hiếu cổ”).
- + Tài liệu về Luỹ Thầy (Biên soạn 1970).
- + Sắc phong làng Bồ Khê (Bồ Khê phường), Bồ Trạch (năm 1925).
- + Gia phả họ Từ ở Quảng Kim (Quảng Trạch) năm 1932, Hán Nôm.
- + Đời sống trong những đồn bốt nhỏ ở Quảng Bình năm 1988 (xuất bản 1942).
- + Giấy tờ, văn bản hành chính:
- + Báo cáo tình hình và hoạt động ở vùng tự do năm 1949 (gồm các mặt huấn luyện hành chính, giao thông liên lạc, các cấp kháng chiến hành chính ở Quảng Bình...).

+ Báo cáo tình hình Bình Trị Thiên đến tháng 5/1948 (có mục tình hình chính trị, an ninh quốc phòng, văn hoá, xã hội năm 1948 của tỉnh (Báo cáo tình hình)).

+ Báo cáo về tình hình Bình Trị Thiên từ tháng 12/1946 đến đầu 1950, có phần báo cáo tổng quát hình thái chiến tranh (ở Báo cáo tình hình qua các thời kỳ).

+ Báo cáo tình hình xây dựng cơ sở chính quyền vùng mới giải phóng (Báo cáo tình hình).

+ Báo cáo thi đua “Hai giỏi” của Chủ tịch ủy ban hành chính tỉnh (Báo cáo tình hình).

+ Công văn của UBNDHC Báo cáo tình hình gửi UBNDHC Liên khu 4.

+ Báo cáo tình hình nguy quyền Bình Trị Thiên (11/1949), có phần khái quát tình hình chính quyền, tình hình kinh tế, tài chính (ở Báo cáo tình hình).

*Các loại bằng khen, huân, huy chương:*

+ Bằng khen Bộ Giáo dục tặng Hiệu trưởng trường cấp I Thanh Thủy (Tuyên Hoá) đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua số 1 ngành giáo dục Báo cáo tình hình năm 1972.

+ Giấy khen của Khu giáo dục Liên khu IV.

+ Bằng khen Bộ Giáo dục tặng “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm 1958 - 1959 do Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền ký.

+ Bằng ghi công diệt đốt do UBHC Báo cáo tình hình cấp cho cá nhân năm 1958.

+ Bằng khen Bộ Giáo dục tặng cá nhân có công xoá mù chữ năm 1956.

+ Các loại huy chương kháng chiến chống Pháp do Chính phủ tặng.

.....

*Các văn bằng, chứng chỉ:*

+ Bằng “Sơ học yếu lược” của chế độ cũ (cấp 1940 - 1941) cho cá nhân.

+ Bằng “Sơ học yếu lược bản xứ bằng cấp” do Thủ hiến bản xứ học Chánh Trung kỳ cấp cho cá nhân tháng 10/1931.

+ Thẻ công đoàn (cấp 1960), thẻ đoàn viên... do các tổ chức cấp cho cá nhân.

*Các loại tiền giấy:*

+ Tiền giấy Đông Dương 100 đồng vàng.

+ Tiền giấy 1 hào, 5 hào của Ngân hàng quốc gia Việt Nam, nước VNDCCH phát hành năm 1958.

+ Tiền giấy 20 xu - giấy bạc Ngân hàng Việt Nam, phát hành năm 1966.

+ Tiền giấy 2 hào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành năm 1975.

*Các loại tem phiếu của thời kỳ bao cấp:*

+ Phiếu bách hoá số 1 Trường Sơn dùng để đổi lương thực khi qua các trạm (binh trạm) giao liên trên đường Trường Sơn trong khu kháng chiến chống Mỹ.

+ Thẻ mua phụ tùng xe đạp giá cung cấp của cá nhân (cấp 1972).

+ Phiếu vải cho cá nhân (cấp 1973); tem chuyển lương thực (1970).

+ Tem thịt (phiếu) cấp cho cán bộ CNV năm 1974.

*Các loại giấy tờ chứng thực:*

+ Giấy chứng nhận căn cước cấp cho nhân dân năm 1972.

+ Biên lai thu nợ của Ngân hàng năm 1966.

+ Sổ trợ cấp hưu trí của cán bộ, CNV năm 1969.

+ Giấy chứng nhận được tặng danh hiệu dũng sĩ năm 1974.

+ Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cá nhân năm 1974.

+ Biên lai thu của Hợp tác xã tín dụng năm 1970.

+ Giấy chứng nhận của trường Trung văn, khu học xá Trung ương cấp cho học viên năm 1956.

+ Giấy giới thiệu về đổi tiền Trường Sơn lấy tiền Ngân hàng miền Bắc năm 1974.

+ Thẻ xã viên hợp tác xã tín dụng (1961); thẻ xã viên hợp tác xã vay mượn (1961).

+ Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp dùng cho HTX và xã viên, năm 1972.

+ Giấy công nhận cháu ngoan Bác Hồ (cấp năm 1972).

+ Giấy chứng nhận “Chiến sĩ hai giỏi” cấp năm 1969, 1972.

+ Thẻ mượn sách tại Thư viện Quảng Bình năm 1957.

.....

*Các loại sổ sách, giấy tờ:*

+ Sổ tay dùng để hỏi cung tù binh Mỹ năm 1967.

+ Sổ nhật ký của liệt sĩ chống Mỹ năm 1974.

+ Bản đề nghị xét thành tích bắn rơi 01 máy bay của Mỹ ngày 19/9/1966.

**Đánh giá nhận xét:** Nhìn chung, các tư liệu lịch sử, văn hoá bằng chữ viết, thể hiện chất liệu giấy... có trước 1975 được sưu tầm về trong dịp này là không nhiều nhưng giá trị của nó đối với việc giáo dục truyền thống, nghiên cứu lịch sử là

rất lớn. Sử dụng, khai thác tốt số tài liệu này, sẽ giúp cho nhân dân, cán bộ trong tỉnh hiểu sâu hơn về các giai đoạn lịch sử của tỉnh nhà trong tiến trình lịch sử của đất nước; hiểu về phong tục, tập quán, các điều kiện kinh tế, xã hội, quốc phòng... của tỉnh nhà trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, ví như, qua nghiên cứu tư liệu Đường Hồ Chí Minh hiện còn lưu giữ tại Quảng Bình, chúng ta phần nào có thể hình dung tâm vóc vĩ đại của con đường lịch sử này trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc; khẳng định vị trí điểm đầu của tuyến vận chuyển bộ trên đường Hồ Chí Minh là tại tỉnh ta. Hoặc qua nghiên cứu giấy giới thiệu đồng tiền Trường Sơn (độc nhất vô nhị trong lịch sử, ở Việt Nam ta có lưu hành loại giấy tờ có giá trị này - đồng tiền Trường Sơn) sang đồng tiền ngân hàng miền Bắc (Việt Nam dân chủ cộng hoà) chúng ta phần nào nhận thức được quá trình hình thành và phát triển của hệ thống ngân hàng nhà nước Việt Nam như thế nào. Hoặc qua nghiên cứu nguồn tư liệu giấy (là các loại tem phiếu) có ở Bảo tàng, giúp người xem và nhà nghiên cứu hình dung ra một thời kỳ bao cấp của dân tộc - vừa mang tính tiêu cực trong tư duy kinh tế đồng thời đậm nét tích cực trong điều kiện một quốc gia, dân tộc đang phải dồn hết sức lực cho thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Hoặc qua nghiên cứu tư liệu thành văn là báo cáo thi đua Hai giỏi của chủ tịch UBHC tỉnh Quảng Bình, người nghiên cứu, người xem hình dung được một phong trào to lớn, cũng là độc nhất vô nhị, chỉ có ở Quảng Bình, phong trào Hai giỏi: “Chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi” nổi tiếng, được Bác Hồ gửi thư khen và công nhận trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của tỉnh ta.

Chỉ một vài tư liệu chữ viết trước 1975 có ở Quảng Bình như vừa viện dẫn, đã phần nào nêu được giá trị của chúng trong đời sống chính trị, văn hoá, xã hội của một địa phương, trong từng giai đoạn lịch sử.

### *2.3.2 Tư liệu chữ viết trước 1975 có ở Thư viện Quảng Bình.*

Thư tịch ở Thư viện Quảng Bình về cơ bản là nguồn sách vở, tài liệu có tính phổ biến, được xuất bản nhiều và trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, từ đồng tây kim cổ đến tài liệu sách vở của các vùng miền trong toàn tỉnh. Nguồn thư tịch ở đây tuy đồ sộ nhưng do tính phổ biến, nên giá trị nghiên cứu và sử dụng không cao, cơ bản là nặng về tính đối sách, viện dẫn. Điều cần quan tâm là nguồn tư liệu giấy; Kho thư tịch địa chí của địa phương, vì đây là phần giá trị văn hoá tinh tuý, sắc thái riêng của Quảng Bình trong di sản văn hoá - lịch sử của dân tộc.

Khảo sát nguồn tư liệu giấy trong kho sách (thư tịch) địa chí ở Thư viện Quảng Bình ta thấy:

m Các thư tịch Hán Nôm không có đơn vị tài liệu nào (phải chăng đây là một đặc điểm của một địa phương chịu nhiều mất mát do chia cắt, do chiến tranh, do tách nhập địa giới hành chính nhiều lần... trong lịch sử, nên nguồn tư liệu này về cơ bản đã bị thất lạc, mất, mất...).

Các thư tịch Pháp ngữ, hiện tồn trên 100 đơn vị tư liệu cơ bản về lĩnh vực lịch sử, địa lý, tài nguyên thiên nhiên, kiến trúc cổ thành (bản đồ, bản vẽ kỹ

thuật)... đa số tồn tại dưới dạng thư tịch (sách xuất bản) dưới thời Pháp thuộc hoặc tài liệu đánh máy chưa qua dịch thuật, mà nguyên bản chữ Pháp.

Đây là hệ thống tư liệu thư tịch quý, có giá trị lịch sử, văn hoá cao, cần phải có kế hoạch bảo tồn, phát huy tác dụng trong hiện tại và tương lai. Trong đó, nổi bật lên 2 đơn vị tư liệu có giá trị lớn trong khảo cứu và phổ biến kiến thức lịch sử và địa lý tỉnh nhà Quảng Bình là:

+ “Quảng Bình thắng tích lục” của tác giả Trần Kinh, bản viết tay bằng Việt ngữ.

+ Cuốn “Địa lý lịch sử Quảng Bình” của tác giả Lương Duy Tâm, bản đánh máy Việt-ngữ.

Các thư tịch Việt ngữ có gần 100 đơn vị tư liệu, cơ bản là các tài liệu, thư tịch xuất bản trong khoảng thời gian từ 1960 - 1975. Điều này cơ bản phù hợp với thời gian ra đời của Thư viện tỉnh Quảng Bình (khoảng năm 1957 - 1958).

Trong khối thư tịch địa chí này, có thể phân loại sơ bộ như sau:

+ Nhóm thư tịch có tính chính trị (điển hình như “Sơ thảo lịch sử Cách mạng tháng 8 ở Quảng Bình”; “Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ 5”, xuất bản 1963; Thư tịch của Chủ tịch UBHC tỉnh về công tác giảng dạy bổ túc văn hoá...).

+ Nhóm thư tịch về phổ biến KHKT (điển hình như: “Cụ Năm phấn đấu đạt 3 mục tiêu trong nông nghiệp”; “gió Đại Phong” (1961); “một số hình ảnh phục vụ thâm canh tăng năng suất” (1967); “Hợp tác xã Quang Phú, lá cờ đầu trong phong trào hợp tác xã nghề cá” (1961); “Tìm hiểu Đại Phong, thi đua với Đại Phong” (1961)...).

+ Nhóm thư tịch về chống Mỹ cứu nước (nổi lên có: “Bác Hồ với Quảng Bình” (1970); “Cả nước động viên cổ vũ chúng ta” (1968); “Quân dân Quảng Bình bắn rơi 200 máy bay Mỹ” (1966); “Những bông hoa sáng ngời chủ nghĩa anh hùng Cách mạng” (1967); “Xã chiến đấu Hưng Đạo” (1966); “Quảng Bình bắn rơi 500 máy bay Mỹ” (1968)...).

+ Nhiều nhất là nhóm thư tịch về văn hoá, văn học nghệ thuật của các tác giả quê Quảng Bình hoặc của các tác giả viết về quê hương, con người Quảng Bình, điển hình như: “Lối hò khoan (nam nữ vấn đáp) về vụ chiêm và tổ đổi công” (1958); “Tiếng hát Đông - Xuân” (1960); “Diễn ca Quảng Bình tăng năng suất lúa chiêm” (1961); “Gái Quảng Bình” (1966); “Tập thơ ca kháng chiến Lá nguy trang” (1960); “Quảng Bình anh dũng” (1964); Các tập thơ: Thơ Quảng Bình đánh Mỹ (1965 - 1969), ca dao Quảng Bình đánh Mỹ (1965 - 1969); Truyền kỳ Quảng Bình đánh Mỹ (1970); Hò khoan đánh Mỹ (1966); “Quảng Bình anh dũng” (1964)...

Khảo sát nhóm tư liệu thư tịch Việt ngữ có ở Thư viện, chúng ta hình dung được một giai đoạn kháng chiến chống Mỹ cứu nước anh hùng của quê hương

Quảng Bình trong dòng chảy lịch sử của đất nước, góp phần làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”

### 2.3.3) Ở các kho lưu trữ của cơ quan Đảng, chính quyền tỉnh:

Nguồn tư liệu giấy hiện có ở các kho lưu trữ của Văn phòng Tỉnh uỷ, Văn phòng UBND tỉnh trước 1975 là khá lớn. Tính từ khi thành lập Ủy ban kháng chiến hành chính (UBKCHC) năm 1945 đến 1975 (từ giai đoạn 1976 - 1989, nguồn tài liệu này hiện tồn tại tỉnh Thừa Thiên Huế) thì tại kho lưu trữ Văn phòng UBND tỉnh có nhiều ngàn đơn vị tài liệu, văn bản. Ở kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh uỷ cũng như vậy.

Về phân loại, cơ bản nguồn tài liệu có ở hai kho lưu trữ này thuộc loại văn bản hành chính, phát sinh trong quá trình lãnh đạo, điều hành của bộ máy cơ quan Đảng, chính quyền và đoàn thể của tỉnh Quảng Bình trên các lĩnh vực chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng. Đó là bao gồm các Nghị quyết, Chỉ thị, Thông tri, Quyết định, các bản qui hoạch, kế hoạch, đề án; các loại giấy tờ, sổ sách hành chính; các loại văn bản quy phạm pháp luật; các tài liệu, hồ sơ kỹ thuật... Nguồn tư liệu này về cơ bản là ổn định, có độ tin cậy cao, được bảo quản, khai thác và phát huy tác dụng tốt nhất trong việc nghiên cứu lịch sử, nghiên cứu tình hình phát triển các lĩnh vực của tỉnh.

Do tính chất, mức độ bảo mật của loại hình tư liệu này, nên hướng mở trong tiếp cận, nghiên cứu khối tài liệu này bị hạn chế, chỉ một số ít người theo yêu cầu nhiệm vụ mới được tiếp xúc với nguồn tư liệu lớn này.

Tương lai, có thể tình hình sẽ được cải thiện khi những vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý xã hội được cởi mở, thông thoáng hơn trong nhận thức, hy vọng các tư liệu giấy hiện tồn ở các cơ quan lưu trữ của cơ quan Đảng, chính quyền sẽ phục vụ được đông đảo cán bộ, nhân dân trong toàn tỉnh.

### 2.3.4) Tư liệu giấy hiện tồn trong nhân dân.

Đến thời điểm hiện tại, chưa có một điều tra, nghiên cứu cụ thể nào về khối tư liệu chữ viết (qua vật liệu giấy và một số vật liệu khác) hiện còn tồn tại trong nhân dân (dân gian), nhưng chắc chắn là khá lớn và cũng chắc chắn có nhiều tư liệu rất quý giá.

Nguồn tư liệu này bao gồm các thể loại: Tư liệu thành văn được thể hiện trên giấy (gia phả, địa bạ, các bản hương ước cổ; thơ phú; các bài minh; bằng sắc ghi công... qua các triều đại, thời kỳ); là tư liệu thành văn được thể hiện trên bia (bi ký, văn khắc, văn bia...), thể hiện trên các chất liệu gỗ (hoành phi, câu đối, bằng vàng...) và trên một số chất liệu khác như: (vỏ cây, vải...).

Về nội dung, chắc chắn số tư liệu này có giá trị lớn, đặc biệt đối với việc nghiên cứu lịch sử, là một nguồn sử liệu dồi dào.

Có thể dẫn ra đây một số minh chứng về nguồn tài liệu này như:

+ Đạo sắc phong thần Lê Sơn, Tuyên Hoá.

+ Đạo sắc tế đình trung làng Cao Lao Hạ (Hạ Trạch - Bố Trạch).

+ Bản mật lệnh của đại thần Tôn Thất Thuyết gửi cụ Phan Đình Phùng trong cuộc khởi nghĩa ở Hương Sơn (Hà Tĩnh) trong phong trào Cần Vương chống Pháp ở Trung kỳ (sưu tầm được ở làng Lý Hoà (Hải Trạch - Bố Trạch).

+ Bản hương ước cổ làng Cảnh Dương (Quảng Trạch) đã được biên dịch in thành sách phổ biến như là một hình mẫu của văn hoá làng trong lịch sử tỉnh nhà.

+ Nhiều bản gia phả họ tộc của nhiều dòng họ lớn có truyền thống văn hoá ở khắp các địa phương trong tỉnh.

+ Các minh bia ở các khu lăng mộ dòng họ (Quảng Thuận, Cảnh Dương, Thượng Phong, Đức Ninh).

.....

Các tư liệu này, đa phần được thể hiện bằng ngôn ngữ Hán tự, Hán Nôm, chữ quốc ngữ. Số tư liệu quý này, nếu không có giải pháp để kịp thời sưu tầm, bảo quản để phát huy tác dụng thì tương lai gần, mai một là không tránh khỏi. Vì thế, Bảo tàng tỉnh cần khẩn trương có kế hoạch trình các cấp có thẩm quyền (về chủ trương, biện pháp, kinh phí...) để sưu tầm, bảo quản, phục hồi ngay số tư liệu này đang lưu truyền trong dân gian, để chí ít, nếu chưa có kinh phí mua lại được ngay thì trước mắt cũng phải thống kê, tập hợp, định dạng, lập lý lịch tư liệu... trong một tổng mục lục... để khi cần thì có thể thuê mượn về trưng bày khi Nhà Bảo tàng khánh thành, mở cửa phục vụ người xem.

2.3.5) Còn có một bộ phận tư liệu thành văn chất liệu giấy trước 1975 của Quảng Bình hiện tồn trong các Bảo tàng, Thư viện Trung ương; các trung tâm lưu trữ Quốc gia I, II, III; các Bảo tàng, Thư viện tỉnh bạn, nhất là tỉnh Thừa Thiên Huế; các Bảo tàng ở nước ngoài (cơ bản là các bảo tàng ở Pháp)... cần phải được quan tâm. Các tài liệu giấy thành văn của Quảng Bình, về Quảng Bình hiện đang được lưu giữ, bảo quản ở nhiều nơi khác, tuy chưa thống kê, phân loại, tổng hợp nhưng chắc chắn phải nhiều ngàn đơn vị tư liệu có giá trị lịch sử, văn hoá.

Điều tra, sưu tầm... di sản văn hoá phi vật thể nói chung, di sản là tư liệu chữ viết trên giấy nói riêng để phục vụ cho mục đích nghiên cứu, trưng bày, giới thiệu quảng bá là một hoạt động khoa học, đòi hỏi người thực hiện phải có trình độ chuyên môn, phải có phương tiện phục vụ tác nghiệp nhất định. Có như vậy mới hy vọng tạo ra được những đơn vị tư liệu, những sưu tập tư liệu chữ viết có giá trị theo chủ đề nhằm phục vụ công tác nghiên cứu, giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá.

Tỉnh ta hiện có một nguồn tài sản văn hoá phi vật thể rất đa dạng, phong phú, độc đáo, trong đó có khối di sản là tư liệu chữ viết (trên giấy, trên vải, trên bia đá và trên các loại chất liệu khác). Khối tài liệu này, như đã phân tích ở mục 2.1, hiện đang đối mặt với nguy cơ mai một và dần mất với tốc độ nhanh. Hơn ai hết, Bảo tàng tổng hợp tỉnh, Thư viện tỉnh và các cán bộ công tác ở các cơ quan này, các nhà quản lý văn hoá phải sớm nhận thức vấn đề và vào cuộc để tiến hành sưu tầm,

ngiên cứu tài liệu, hiện vật có trước 1975 ở Quảng Bình phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá đất nước.

### 3. Giá trị các tài liệu thành văn, tư liệu giấy

Trong khuôn khổ đề tài lần này, nhóm công tác đã sưu tầm được một số tài liệu thành văn và các bản gốc (giấy), có giá trị tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử và văn hoá qua các thời kỳ như sau:

#### 3.1) Các tài liệu cổ:

Bản sao chép Ô châu cận lục của Dương Văn An thế kỷ XVI bằng chữ Hán. Đây là một văn bản quý, có giá trị không những về mặt lịch sử mà còn có ý nghĩa khi nghiên cứu, đối chiếu với các bản dịch sách Ô châu cận lục sau này.

Ô châu cận lục là một trong những tài liệu địa phương chí sớm nhất của nước ta. Có thể nói đây là cuốn sách đầu tiên tập hợp những ghi chép đề cập đến nhiều vấn đề núi sông, sản vật, phong tục, thành quách, danh lam, phú thuế, quan chức, nhân vật của dải đất miền Trung từ Quảng Bình trở vào đến Quảng Nam thế kỷ XVI.

Nhiều nguồn tài liệu từ trước đến nay đều ghi nhận Ô châu cận lục do Dương Văn An biên soạn. Ông tên tự là Tĩnh Phủ, người xã Tuy Lộc, huyện Lệ Thủy năm 34 tuổi thi đỗ Đồng tiến sĩ khoa Đinh Mùi, niên hiệu Vĩnh Định thứ nhất (1547) triều Mạc Phúc Nguyên. Sau đó từng giữ chức quan lại khoa Đốc cấp sự trung, rồi thăng đến chức Thượng thư, tước Sùng Nham hầu. Theo lời tựa của Dương Văn An cho biết, năm Quý Sửu (1553) nhân khi về quê chịu tang, ông được đọc lại hai tập tài liệu của người đồng hương ghi chép về hai phủ Tân Bình và Triệu Phong. Ông rất thích hai tài liệu này và nhân đó khảo cứu thêm trong tín sử, tham chức những điều tai nghe mắt thấy để bổ sung, sửa chữa, nhuận sắc, viết thêm các bài tổng luận và đề lời hậu tự thành cuốn sách nhan đề là Ô châu cận lục. Về mặt văn bản, hiện có 6 bản chép tay lưu tại Viện nghiên cứu Hán Nôm và Viện Sử học. Trong các văn bản đó có 5 văn bản không chép được trọn vẹn tác phẩm, chỉ có bản A.263 là bản tương đối đầy đủ hơn cả.

Bản sao chép Ô châu cận lục này cũng trong tình trạng đó, đây chỉ là tập II của Ô châu cận lục. Tuy chưa phải là văn bản gốc nhưng nó có giá trị lịch sử bởi người sao chép đã có ý thức giữ gìn một di sản quý báu của vùng đất Quảng Bình.

- *Gia phả các dòng họ:*

Dòng họ Từ Quảng Kim (Quảng Trạch).

Dòng họ Nguyễn Thế ở thôn Lộc An.

Dòng họ Trần Đình ở xã Quảng Sơn (Quảng Trạch)

Ngọc phả tổ tiên chín phái họ Hoàng ở Đồng Hới.

Qua gia phả các dòng họ cho thấy quá trình định cư của các dòng họ ở các địa phương, qua đó hình dung lịch sử khai thiết vùng đất Quảng Bình trải qua các

thời kỳ lịch sử. Đó là quá trình di dân lập ấp từ thời Lý với sự kiện 1069, qua đời Trần và đặc biệt là cuộc di dân rộng lớn thời Lê và sau đó là thời các chúa Nguyễn thế kỷ XVII, XVIII.

*Về văn hoá, đáng chú ý có các tư liệu quý như:*

Văn bia chùa núi Thần Đinh (bản gốc có tại nhà thờ tổ họ Trần làng Đức Phổ, xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới). Qua tài liệu này cho thấy lịch sử của quá trình xây dựng Chùa Non (chùa Thần Đinh), một di tích danh thắng khá nổi tiếng của tỉnh ta đang trong quá trình trùng tu, tôn tạo nhằm phát huy những giá trị lịch sử văn hoá vốn có của nó.

Bản dịch sắc phong cho họ Trần năm 1924 cùng với sơ đồ mộ chí của cụ tổ họ Trần ở Đức Ninh (Đồng Hới) do ông Tiến sĩ Nguyễn Cửu Trường (đỗ song nguyên hai khoa thi hương, thi hội) soạn ngày Canh Thân, tháng Chạp năm Bính Ngọ.

Các bài văn tế làng Động Hải (bằng chữ Hán) dùng để tế trong các đình, đền miếu ở làng Động Hải - một địa danh vốn hình thành sớm ở khu vực Đồng Hới. Qua các bài văn tế này có thể hiểu thêm phong tục tập quán, đời sống tâm linh và quan niệm nhân sinh của người dân ở khu vực Đồng Hới trước đây.

Sắc phong của Vua Khải Định cho phường Bồ Khê, huyện Bồ Trạch về các vị thần đã “có công giúp đỡ nước, che chở dân, nhiều năm linh ứng...”

Tuy không phải là văn bản cổ nhưng về nghiên cứu lịch sử, văn hoá vùng đất Quảng Bình đáng chú ý có các bài báo đăng trên tạp chí Quảng Bình quê tôi năm 1970 dưới chế độ Sài Gòn là những tài liệu quý như:

- Tỉnh Quảng Bình - Xuôi dòng lịch sử.
- Luỹ Thầy của Nguyễn Quang Thông.
- Sông Kiến Giang của Nguyễn Hữu Cầu.
- Làng Đại Phong của Nguyễn Cao Lượng.
- Tang chế ở Quảng Bình của Nguyễn Thế Hùng.
- Động Phong Nha của Mai Đình Lê Tộ.

Những văn thi nhân Quảng Bình của Trần Thị Hồng.

Những tư liệu trên đây giúp cho người nghiên cứu hiểu rõ hơn vùng đất Quảng Bình qua các thời kỳ lịch sử dưới con mắt của những người làm báo, nhà văn của thập kỷ 70 thế kỷ trước dưới thời Mỹ Ngụy và qua đó chúng ta cũng thấy được tình cảm của những người con Quảng Bình khi xa quê luôn đau đáu nhớ về vùng đất chôn nhau, cắt rốn.

### **3.2) Thời kỳ thực dân Pháp xâm lược nước ta.**

Đáng chú ý có tài liệu: “Đời sống trong những đồn bốt nhỏ ở Quảng Bình vào năm 1888” của trung úy Gosselin, do Cadriere giới thiệu và chú thích. Với tài

liệu này, chúng ta có thể thấy được hệ thống đồn bốt và đời sống của những tên lính viễn chinh Pháp đầu tiên trên đất Quảng Bình cùng với những khó khăn của chúng trong điều kiện tự nhiên khắc nghiệt và sự chống đối của nhân dân ta. Đồng thời qua tài liệu cũng cho chúng ta thấy bộ mặt xâm lược tàn ác của những tên thực dân khi đặt chân lên mảnh đất Quảng Bình.

Trong tài liệu của M. Colani “Vài nhận xét về tiểu sử và khai sử tỉnh Quảng Bình” được Võ Khắc Yêm chép tay từ BAVH tác giả Colani đã có những nhận xét bước đầu về kiến tạo địa chất vùng đất Quảng Bình để hình thành nên hệ thống hang động cùng với các di chỉ khảo cổ học là một tài liệu đáng quý cho công tác nghiên cứu hang động vùng núi đá vôi của Quảng Bình ngày nay.

Cùng với các tư liệu thành văn, trong phạm vi của đề tài lần này, chúng tôi đã sưu tầm được những tư liệu gốc khá quý như:

- Giấy căn cước (Carte d’identiten) của Quốc dân giáo dục bộ cấp cho ông Lê Văn Đoá ngày 20/8/1945. Đây là loại căn cước cấp cho người bản xứ ứng thí bằng cấp Pháp - Việt hay bằng cấp Pháp ở Trung Kỳ.

“Tiểu học Yếu lược Bản xứ Bằng cấp” (Bằng tiểu học) của Quan Thủ hiến Bản xứ học chánh trung kỳ cấp cho Lê Đoá ngày 17 tháng 8 năm 1931.

“Bằng cấp sơ học yếu lược” của Quốc dân giáo dục cấp cho Nguyễn Văn Dinh ngày 16/8/1941.

### **3.3) Các tài liệu sau Cách mạng tháng Tám 1945.**

Các văn bản thành văn sau Cách mạng tháng Tám trong lần sưu tầm này có:

Các báo cáo của UBHCKC từ năm 1946 đến năm 1954.

Báo cáo một năm kháng chiến của UBKCHC Quảng Bình ngày 17/8/1947.

Báo cáo tình hình 3 tỉnh Bình Trị Thiên tháng 5/1948.

Báo cáo của UCKCHC Quảng Bình năm 1948.

Báo cáo của UCKCHC Quảng Bình 2 năm 1947 - 1948.

Tập biên bản Hội nghị HĐND, UBKCHC và chuyên môn Quảng Bình năm 1949.

Báo cáo của UBKCHC Quảng Bình năm 1949.

Báo cáo tình hình Liên khu IV năm 1949.

Báo cáo về tình hình Bình Trị Thiên từ 12/1946 đến 1950.

Báo cáo của UBKCHC Quảng Bình năm 1950.

Báo cáo của UBKCHC Quảng Bình năm 1951.

Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Bình năm 1952.

Báo cáo của UBKCHC Quảng Bình năm 1954.

Công văn báo cáo của UBKCHC Liên khu IV về công tác xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân 1949 - 1954.

Công văn của Thủ tướng về giải quyết đời sống cán bộ Quảng Bình.

*Các tài liệu thành văn này phản ánh:*

Cơ cấu tổ chức của bộ máy UBKCHC.

Hoạt động điều hành của bộ máy kháng chiến hành chính.

Tình hình địch và phong trào kháng chiến kiến quốc của nhân dân tỉnh Quảng Bình từ 1947 đến 1954.

*Xin được dẫn chứng ví dụ một số tư liệu mà các tài liệu gần đây chưa đề cập tới:*

*Về cơ cấu của bộ máy hành chính kháng chiến:*

Bước vào cuộc kháng chiến, Ủy ban hành chính Quảng Bình được củng cố và có thành phần như sau:

Ông Hoàng Văn Diệm: Đại biểu hành chính, chủ tịch UBKCHC.

Ông Phạm Gia Khánh: Đại biểu nhân dân, phó chủ tịch.

Ông Văn Lê: Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 274, ủy viên quân sự.

Ông Võ Văn Quyết: Đại biểu nhân dân, ủy viên.

Ông Lương Duy Tâm: Thanh tra tiểu học, đại biểu nhân dân, ủy viên.

Ông Hoàng Trọng Báu: Người công giáo, ủy viên.

Cùng với việc củng cố Ủy ban kháng chiến hành chính, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban cũng được củng cố nhằm giúp cho Ủy ban điều hành các mặt công tác toàn diện hơn. Các cơ quan chuyên môn của Ủy ban kháng chiến hành chính lúc này có:

Văn phòng Ủy ban KCHC tỉnh, đứng đầu là Chủ sự phòng.

Trong văn phòng có phòng hành chính; đứng đầu là chủ sự phòng hành chính; phòng kế toán, đứng đầu là chủ sự phòng kế toán.

Ban thi đua tỉnh, đứng đầu là một trưởng ban.

- Các ty, đứng đầu là trưởng.

Khối kinh tế có: Ty Kinh tế; Ty Thuế quan; Ty Trục thu; Ty Ngân chánh; Ty Công chánh; Ty Thú ngư; Ty Lâm chính; Ty Khuyến nông; Ty Giao thông Bưu điện.

Khối văn hoá xã hội có: Ty Lao động; Ty xã hội Cứu tế; Ty Thương binh; Ty Y tế; Ty Thông tin (sau đổi là Ty Tuyên truyền); Ty Bình dân học vụ; Ty Tiểu học vụ.

Ngoài ra, trực thuộc Ủy ban còn có một số đơn vị khác như: Phòng tiếp vận; Nha tin dụng sản xuất; Trường trung học Phan Bội Châu.

Khối nội chính có: Toà án đệ nhị cấp; Ty công an; Tỉnh đội bộ.

Chức năng, nhiệm vụ cơ bản của một số cơ quan chuyên môn của Ủy ban KCHC được phân công như sau:

Ty Kinh tế giúp Ủy ban chỉ đạo các hoạt động kinh tế phục vụ kháng chiến, thực hiện chương trình của Ban vận động hợp tác, thành lập và củng cố hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, tổ, đội đổi công, tổ công lực...

Ty Thuế quan có nhiệm vụ bao vây, phá hoại kinh tế địch; lo việc kiểm soát việc sản xuất, vận chuyển muối phục vụ kháng chiến, tuyên truyền giải thích hạn chế việc nấu rượu và uống rượu.

Ty Trục thu có nhiệm vụ thu các loại thuế như thuế môn bài, thuế điền thổ...; động viên nhân dân tham gia đóng góp và quản lý Quỹ kháng chiến.

Ty Công chánh giúp Ủy ban thực hiện các chương trình xây dựng, kiến thiết như đường xá, thủy lợi, nhà cửa trong vùng chiến khu, học vụ các cơ quan kháng chiến.

Ty Thú ngư giúp Ủy ban chỉ đạo công tác phát triển chăn nuôi, đánh bắt cá.

Ty Khuyến nông giúp Ủy ban chỉ đạo các công việc khuyến khích phát triển nông nghiệp ở các vùng chiến khu và vùng tự do.

Ty Lâm chính giúp Ủy ban chỉ đạo các công việc khai thác bảo vệ rừng, thi hành lâm luật, bảo vệ lâm phần; giáo dục ý thức bảo vệ và trồng rừng trong dân chúng.

- Ty Giao thông Bưu điện có nhiệm vụ bảo đảm công tác thông tin liên lạc, xây dựng, tu bổ các đường dây điện thoại liên tỉnh và nội tỉnh, tổ chức liên lạc hoá tốc bất thường ở tỉnh và huyện; nắm các Ban giao thông xã trong toàn tỉnh.

Ty Tuyên truyền giúp Ủy ban tuyên truyền, giáo dục trong nhân dân chủ trương đường lối kháng chiến, quản lý công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động, văn hoá, văn nghệ từ tỉnh về cơ sở.

Ty Bình dân học vụ chăm lo công tác thanh toán nạn mù chữ cả ở vùng tự do và vùng địch tạm chiếm nơi có điều kiện.

Ty Tiểu học có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, quản lý việc phát triển hệ thống trường lớp (tiểu học) ở vùng chiến khu, vùng tự do.

Ty Lao động có nhiệm vụ huy động công nhân Hội công lực, phân phối lao động cho các ngành sản xuất ở vùng tự do; gây cơ sở và phát triển công đoàn ở vùng tạm chiếm; khuyến khích tự cải thiện đời sống, sinh hoạt; phổ biến luật lệ lao động cần thiết.

Ty Thương binh chỉ đạo củng cố và phát triển Hội giúp binh sĩ tử nạn; điều tra, nắm danh sách thương binh và vận động nhân dân thực hiện chính sách ưu đãi cho thương binh, tổ chức ngày thương binh tử sĩ.

Ty Cứu tế - xã hội chỉ đạo phát triển các hội cứu tế ở vùng tự do; thành lập các trại an trí viện; vận động xây dựng đời sống mới như làm vệ sinh, bài trừ tệ nạn, “di tích phong kiến nô lệ trong nhân dân”, vận động tiết kiệm...

Ty Y tế chăm lo việc phát triển y tế, chăm lo sức khỏe của nhân dân trong vùng tự do, mở lớp huấn luyện cán bộ y tế cho các đơn vị địa phương, tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh trong dân chúng...

*Vẽ phong trào thi đua ái quốc năm 1948:*

Để động viên toàn quân, toàn dân tham gia tích cực vào cuộc kháng chiến toàn dân, kháng chiến toàn diện, ngày 11 tháng 6 năm 1948, Hồ Chủ Tịch ra “Lời kêu gọi thi đua ái quốc” đăng trên Báo Cứu quốc số 968.

Mở đầu lời kêu gọi thi đua ái quốc, Hồ Chủ Tịch chỉ rõ:

Mục đích thi đua ái quốc là:

Diệt giặc đói,

Diệt giặc đốt,

Diệt giặc ngoại xâm.

Phong trào thi đua ái quốc phải được thực hiện trong cuộc kháng chiến của chúng ta là “toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến”, “vừa kháng chiến vừa kiến quốc”. Để thực hiện các mục tiêu đó, các tầng lớp nhân dân mọi lứa tuổi cần tích cực tham gia phong trào thi đua yêu nước tùy theo điều kiện công việc và sức lực của mình. Phải làm cho phong trào thi đua “ăn sâu, lan rộng” thì sẽ “giúp chúng ta vượt qua mọi khó khăn và mọi âm mưu của địch để đi đến thắng lợi hoàn toàn”

Cuối cùng Bác kêu gọi:

Với tinh thần quật cường và lực lượng vô tận của dân tộc ta, với lòng yêu nước và chí kiên quyết của nhân dân và quân đội ta, chúng ta có thể thắng lợi, chúng ta nhất định thắng lợi.

Hỡi toàn thể đồng bào,

Hỡi toàn thể chiến sĩ,

Tiến lên!

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ Tịch, UBNDHC Quảng Bình đã triển khai kế hoạch và phát động phong trào thi đua ái quốc trong toàn tỉnh. Trước hết, Ủy ban chủ trương củng cố lại Ban thi đua của tỉnh, thành lập “Ban vận động thi đua ái quốc tỉnh” và có công văn hướng dẫn cho các huyện thị, các sở chuyên môn, các đoàn thể, đơn vị bộ đội lập Ban vận động thi đua ái quốc của địa phương, đơn vị mình.

Ban vận động thi đua ái quốc tỉnh cũng đã chỉ đạo cho các huyện thành lập Ban vận động thi đua ái quốc cấp xã. Đến tháng 8/1948 hai huyện Tuyên Hoá và Quảng Trạch đã thành lập xong BVĐTĐAQ cấp xã.

Ban vận động thi đua ái quốc tỉnh vạch kế hoạch và chương trình thi đua của tỉnh và chỉ thị cho các sở, đoàn thể, đơn vị bộ đội và các huyện có kế hoạch và chương trình thi đua của đơn vị mình với nội dung và đối tượng thi đua cụ thể.

UBKCHC Quảng Bình gửi văn bản thi đua (lúc bấy giờ gọi là: thách) với UBKCHC Quảng Trị về tăng gia sản xuất; với UBKCHC Thừa Thiên Huế về củng cố chính quyền cấp xã.

UBKCHC Quảng Bình nhận lời thi đua với các tỉnh Bắc bộ về gây dựng cơ sở trong vùng địch tạm chiếm và xây dựng dân quân du kích.

Ban vận động thi đua ái quốc Quảng Bình “thách” với các tỉnh trong Liên khu IV với các nội dung:

Tiêu tiền ít, kết quả nhiều.

Phổ biến kinh nghiệm thi đua tốt.

Điều khiển cuộc thi đua kéo dài và ngày càng tiến bộ.

Nói ít làm nhiều, báo cáo đúng sự thật.

Các sở chuyên môn của BKCHC Quảng Bình nhận lời thi đua với các sở chuyên môn của UBKCHC Quảng Trị về những điểm nêu trong Hội nghị UBKCHC tỉnh, huyện cùng các sở chuyên môn của Quảng Trị ngày 14/7/1948 (trừ khoản thách về phát triển phong trào tiểu học).

Các địa phương trong tỉnh cũng đã đề ra những nội dung thi đua khá cụ thể tùy theo tình hình của địa phương nhằm đẩy mạnh phong trào kháng chiến.

Huyện Quảng Trạch thi đua phá hoại đường quốc lộ; chính đốn dân quân thôn.

Huyện Bố Trạch thi đua cướp vũ khí địch và phá đường giao thông, đường điện thoại liên lạc của địch dọc đường 1.

Huyện Tuyên Hoá thi đua phá hoại đường tỉnh lộ 1 đoạn từ Tiên Lương đi Minh Cẩm; sửa chữa đoạn đường từ Đồng Lào đi Chợ Gát, làm cầu qua khe, hói; mua công phiếu kháng chiến (xã Thanh Hoá trong ngày phát động mua CPKC đã mua được 20.000đ).

Huyện Quảng Ninh thi đua mua công phiếu kháng chiến. Ngay trong tháng đầu phát động nhân dân Quảng Ninh đã mua được 240.000đ và đang tích cực mua thêm.

Huyện Lệ Thủy thi đua thu thuế (trong tháng 7 xã Lê Khiếu đã đóng hơn 10.000đ tiền thuế) và thi đua bổ sung Hội đồng nhân dân xã (trong tháng 8, các xã Lê Khiếu, Duy Tân đã bổ sung xong Hội đồng nhân dân xã)<sup>2</sup>

Phong trào thi đua yêu nước hưởng ứng lời kêu gọi thi đua ái quốc của Hồ Chủ Tịch được các tầng lớp nhân dân Quảng Bình nhiệt liệt hưởng ứng và nhanh chóng phát triển sâu rộng. Phong trào đó không những phát triển mạnh mẽ ở vùng tự do mà còn thấm sâu vào lòng nhân dân ở vùng địch tạm chiếm tạo nên một động lực tinh thần mới thúc đẩy mọi người hăng hái tham gia kháng chiến trên tất cả mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Cuộc vận động thi đua yêu nước trở thành một động lực thúc đẩy phong trào kháng chiến của quân và dân Quảng Bình bước sang một thời kỳ mới.

Đánh giá kết quả hơn một năm kháng chiến, Hội nghị Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu IV từ ngày 26/2 đến 7/3/1949 đã tuyên dương thành tích của các tỉnh, đơn vị lực lượng vũ trang trong toàn Liên khu, trong đó đã nêu gương các đơn vị, địa phương Quảng Bình như sau:

“Ủy ban kháng chiến hành chính Quảng Bình làm việc có quy củ, báo cáo đúng kỳ, hợp thực và sát thực”

Huyện Bố Trạch “Đã chiến đấu anh dũng và đã gây thiệt hại nhiều nhất cho địch, mặc dầu trước lúc tác chiến tình hình chung của Bố Trạch so với các huyện khác còn thấp kém hơn. Dân quân du kích cũng như chính quyền và các đoàn thể nhân dân vững nhất trong tỉnh. Mặc dầu toàn huyện ở trong vùng tạm bị chiếm phong trào diệt tề vừa rồi thu được nhiều kết quả hơn cả.

Thôn Hoàn Lão địch đóng nhiều vị trí trong thôn mà toàn dân giữ vững tinh thần kháng chiến, triệt để giữ bí mật, mặc dầu bị tra tấn dã man nhưng vẫn gan dạ chịu đựng. Tất cả dân chúng nhất thiết không hợp tác với Pháp, chứng cứ là trường Pháp mở ra phải đóng cửa vì không có học sinh. Dân chúng lại nêu cao tinh thần tranh đấu và đã làm cho Pháp nao núng và nhượng bộ nhiều lần, dân quân du kích đã biết dùng vũ khí thô sơ phương tiện đơn giản giết được 100 Pháp, lật đổ 8 xe các loại và thu được 3 khẩu súng trường”

Thôn Cảnh Dương (xã Hoà Trạch huyện Quảng Trạch) “Khi mới xảy ra tác chiến đồng bào hy sinh đánh đắm các ghe của mình để ngăn sông cản địch tiến ra các thôn lân cận. Đã tổ chức một tiểu đoàn dân quân trong đó có một trung đội phụ nữ đánh lui được nhiều trận, trong đó có những trận địch dùng 2,3 trăm quân cơ giới và phi cơ yểm hộ. Cảnh Dương là một làng chiến đấu kiểu mẫu...”

Trong đợt vận động thi đua ái quốc 6 tháng cuối năm 1948 Quảng Bình cũng đã xuất hiện nhiều đơn vị tiêu biểu, lập nhiều thành tích xuất sắc ở tất cả các mặt được Liên khu biểu dương: “Tỉnh Quảng Bình trong phong trào thi đua phá tề trừ

---

<sup>2</sup> Theo báo cáo Tam cá nguyệt tháng 6.7.8 của UBND Quảng Bình – TL lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia III – Hà Nội

gian thu được nhiều kết quả. Hiện nay nhiều nơi giặc Pháp không thể lập lại được hội tế”

Xã Sào Nan, huyện Lệ Thủy “Mặc dù ở miền duyên hải và dựa thế cô lập, chính quyền vẫn đứng vững. Đã mang lại nhiều thành tích về quân sự và văn hoá. Ngân sách được đầy đủ”

Xã Lê Khiếu huyện Lệ Thủy “ở giữa các vị trí giặc, đồng bào vẫn thi đua nạp xong các thứ thuế năm 1948”

Xã Văn Hoá (khu vực Lệ Sơn) huyện Tuyên Hoá “tuy ở cách địch một cây số, mỗi lần chúng đến, đồng bào triệt để vườn không nhà trống, giặc rút đồng bào bình tĩnh về thi đua tăng gia sản xuất, hiện nay không có chỗ nào đất bỏ hoang”

Đoàn thanh niên cứu quốc Quảng Bình “đã thi đua gây cơ sở tại các vùng địch tạm chiếm, ở mỗi xã lập được ít nhất một tổ bí mật, ở một vài xã đã phát triển ngay cả trong hương vệ, có công tác thiết thực giết giặc”

Ông Trần Mạnh Tiến - trưởng ty Công chánh Quảng Bình đã lãnh đạo phong trào thi đua trong sở rất sôi nổi, toàn thể nhân viên đã đem mọi khả năng để phục vụ nhân dân. Nhờ thế Ty Công chánh vượt được chương trình 6 tháng thi đua”<sup>3</sup>

#### *Về tuần lễ tích cực chuẩn bị tổng phản công năm 1949:*

Đây là vấn đề trong khi nghiên cứu có những bản khoản vì thiếu những tài liệu cụ thể. Trong lần sưu tầm này, nhiều báo cáo về tuần lễ tích cực chuẩn bị tổng phản công năm 1949 đã tìm thấy. Ví dụ: Nhân định tình hình 6 tháng đầu năm 1949. UBKCHC tỉnh đánh giá: “Địch chỉ thiên về báo thù, không đủ lực lượng để mở những cuộc tấn công lớn vào vùng tự do. Chúng chỉ tăng cường mật trận miền Bắc để đề phòng hoạt động mùa hè của ta và một mặt khác quay về càn quét đồng bằng, lưng cán bộ, khủng bố dân chúng, thi hành chiến tranh bí mật để phá cơ sở ta, tuyển mộ ngụy binh để bổ sung thực lực, tìm cách cắt đứt liên lạc Bắc Nam của ta. Về phía ta, việc phá tề đã dồn hẹp phạm vi ngụy quyền. Song song với việc phá tề, chính quyền ta đã được xây dựng và củng cố ở nhiều xã, thôn vùng bị tạm chiếm. Với sự biến chuyển của tình hình chiến sự toàn quốc và tình hình bên ngoài; trước sự áp bức bóc lột của giặc, nhân dân ta đã bắt đầu có tinh thần tranh đấu. Các tổ chức quần chúng phát triển mạnh mẽ và đã có ít nhiều cơ sở ở vùng xung yếu. Tình hình có nhiều triển vọng khả quan...”<sup>4</sup>

Tuần lễ phát động phong trào TCCBTPC bắt đầu từ 15 đến 31 tháng 7 nhằm mục đích đẩy mạnh cuộc chiến đấu của ta về mọi mặt, thi hành nhanh chóng lệnh chuẩn bị tổng phản công và lấy đà làm cho cuộc kháng chiến Quảng Bình theo kịp tình hình các tỉnh trong Liên khu và toàn quốc.

Theo kế hoạch của UBKCHC, nội dung tuần lễ có 7 điểm<sup>5</sup>:

<sup>3</sup> Biên bản Hội nghị UBKCHC Liên khu IV (ngày 26-2 đến 7-3-1949). Tài liệu lưu trữ Phủ Thủ tướng. Hồ sơ 119.

<sup>4</sup> Báo cáo 6 tháng đầu năm của UBKCHC Quảng Bình. TL lưu trữ tại TTLT Quốc gia III.

<sup>5</sup> Báo cáo tuần lễ phát động phong trào TCCBTPC ở Quảng Bình. TI lưu trữ tại TTLT Quốc gia III

1. Tích cực phá ngục quyền.
2. Tích cực trừ gian.
3. Phát động phong trào tranh đấu của nhân dân.
4. Phổ biến nhiệm vụ giai đoạn mới đồng thời lên án bù nhìn Vĩnh Thụy và bè lũ.
5. Hoạt động mạnh du kích toàn tỉnh.
6. Bộ đội chính qui đánh một trận tiêu diệt chiến kiểu mẫu.
7. Tích cực tổng bãi thị, bao vây kinh tế địch.

Đồng thời với những chỉ thị phát động tuần lễ, UBKCHC tỉnh đã ra Nhật lệnh hô hào quần chúng gia nhập dân quân, tích cực đánh giặc; tổng bãi thị; diệt tề, trừ gian, bắt buộc ngục quyền rút lui. Để lãnh đạo kịp thời phong trào ở miền Nam, Ủy ban cử đồng chí Võ Văn Quyết, ủy viên Ủy ban về giúp đỡ lên kế hoạch triển khai tuần lễ cho hai huyện Quảng Ninh và Lệ Thủy. UBKCHC các huyện đều họp hội nghị thảo luận, vạch kế hoạch thực hiện chương trình tuần lễ và toàn thể các ủy viên, nhân viên huyện đều được phân công về đồng bằng chỉ đạo phong trào.

Phối hợp với chính quyền, các đoàn thể nhân dân, các ngành chuyên môn đều có lời hiệu triệu phát về vùng bị tạm chiếm. Trong thời gian chuẩn bị, địch bắt được tài liệu của ta, để giữ thế chủ động không cho địch kịp thời đối phó, Ủy ban tỉnh chủ trương “cho các địa phương phát động phong trào trước ngày tỉnh đã định và lấy đà để đến ngày ấy thì toàn tỉnh phát động thật mạnh”<sup>6</sup>

Cùng với những văn bản thành văn, trong phạm vi đề tài cũng đã sưu tầm được một số bản đồ chiến sự như bản đồ bố trí của địch ở Troóc (Phúc Trạch), giấy báo tử của một số liệt sĩ hy sinh trên chiến trường và một số văn bản gốc có giá trị khác như:

Bằng khen, giấy khen của Bộ Giáo dục, Khu giáo dục Liên khu IV, Công đoàn giáo dục Liên khu IV cho ông Lê Văn Đăng, hiệu trưởng trường Thanh Thủy, huyện Tuyên Hoá, chiến sĩ thi đua của công đoàn giáo dục Quảng Bình tháng 3/1953.

- Khen thưởng của Bộ Tư lệnh Đại đoàn 325 cho ông Đặng Bút tháng 3/1954.

### **3.4) Thời kỳ hoà bình lập lại 1954 - 1965.**

Đây là thời kỳ khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế, cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Quảng Bình. Tư liệu thành văn trong thời kỳ này sưu tầm được những tài liệu quan trọng như:

Chỉ thị tăng cường lãnh đạo, tập trung lực lượng đẩy mạnh công tác vận động quần chúng công giáo đấu tranh phá âm mưu địch dụ dỗ cưỡng ép di cư của Ban bí thư tháng 4/1955.

<sup>6</sup> Theo tài liệu trên

Báo cáo thành công của Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất tỉnh Quảng Bình họp từ 25 đến 29 tháng 11 năm 1955.

Báo cáo tình hình dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc từ trước đến nay, đặc biệt từ hoà bình lập lại (dựa theo bản dự thảo đề cương của Trung ương) của UBHC tỉnh tháng 8 năm 1956.

Báo cáo của UBHC tỉnh Quảng Bình về tổng kết năm 1961 và phương hướng nhiệm vụ năm 1962.

Báo cáo của Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Bình về tình hình thực hiện kế hoạch năm 1963 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 1964.

Nghị quyết của Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Quảng Bình lần thứ V từ ngày 6 đến ngày 13 tháng 8 năm 1963...

Qua những tài liệu thành văn nói trên giúp cho công tác nghiên cứu, bổ sung lịch sử hành chính, lịch sử Đảng bộ địa phương có những cứ liệu chính xác, cụ thể hơn.

Ví dụ: Trong thời kỳ cải cách ruộng đất, trước những sai lầm nghiêm trọng, Hội nghị Trung ương 10 đề ra chủ trương “Kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức để phát huy kết quả đã đạt được”.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, công tác sửa sai đã được tiến hành một cách khẩn trương, tích cực. Ngày 25/12/1956, UBHC tỉnh thành lập ủy ban cải cách ruộng đất tỉnh do đồng chí Nguyễn Tư Thoan, chủ tịch UBHC tỉnh làm chủ nhiệm. Tuy gọi là Ủy ban CCRĐ nhưng nhiệm vụ chủ yếu của Ủy ban là giúp UBHC tỉnh theo dõi tình hình và chuẩn bị công tác tổng kết sửa sai ở địa phương. Ủy ban CCRĐ không phải là cơ quan lãnh đạo, không trực tiếp ra chỉ thị cho UBHC cấp dưới<sup>7</sup>.

Cuối tháng 12/1956, công tác sửa sai đã hoàn thành một bước. Công tác giáo dục tư tưởng, nâng cao nhận thức cho cán bộ, Đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân đã tạo sự nhất trí trong Đảng và trong nội bộ nhân dân. Nhiều tổ chức Đảng được phục hồi, trả lại đảng tịch cho hơn 2000 đảng viên bị khai trừ trong cải cách ruộng đất; trả lại tự do cho 615 người. Đến tháng 11/1957, tổng kết công tác sửa sai đã trả lại thành phần cho 2.229 hộ bị quy sai trong cải cách ruộng đất, đền bù tài sản cho các gia đình bị tịch thu, trưng thu, trưng mua sai. Công tác sửa sai đã thu được thắng lợi tốt đẹp, gây được lòng tin trong quần chúng nhân dân. Tình hình dịu hẳn, các sinh hoạt chòm xóm đông hơn trước, quan hệ bình thường trong nông thôn từng bước được phục hồi.

Ngoài các tư liệu thành văn trong thời kỳ này còn có các tài liệu gốc quý như:

---

<sup>7</sup> Tài liệu: Theo thông báo ngày 25/12/1956 của UBHC tỉnh.

Chứng minh thư đại biểu Quốc hội của ông Hoàng Văn Diệm. đại biểu Quốc hội ứng cử tại khu vực Quảng Bình do ban Thường trực Quốc hội nước VNDCCH cấp ngày 26/12/1956.

Giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình của ông Lê Văn Đang do UBHC Quảng Bình cấp ngày 1/4/1960.

- Chứng minh thư cán bộ quân đội nhân dân Việt Nam của thượng tá Thái Bá Nhiệm do Bộ Quốc phòng cấp ngày 26/4/1974; của trung tá Hoàng Cam cấp ngày 28/12/1973.

- Giấy chứng nhận Công an nhân dân của ông Trần Đình Luyến, Phạm Hữu Ái.

Nhiều giấy chứng minh nhân dân thời kỳ 1958 - 1974 của nhân dân ở các địa phương như của ông Trần Xuân Tuyến do UBHC Quảng Bình cấp năm 1958; giấy chứng nhận căn cước của Võ Thị Thanh Xuân do Công an huyện Tuyên Hoá cấp tháng 11/1972; chứng minh thư nhân dân của ông Lê Văn Đang, bà Lê Thị Quyến do Công an tỉnh cấp năm 1970. Qua các hiện vật này cho thấy công tác quản lý hành chính về nhân thân đã có bước phát triển qua các thời kỳ.

Các thẻ công đoàn, thẻ đoàn viên thanh niên lao động Việt Nam thời kỳ 1954 - 1960... của ông Trần Đình Thọ, Nguyễn Thị Kim Liên, Nguyễn Văn Nghĩa.

- Các loại bằng cấp: bằng lái xe, bằng tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp.

Các loại tem phiếu của thời kỳ bao cấp cho chúng ta thấy một thời kỳ gian khổ trong những năm đất nước có khó khăn:

Phiếu đường năm 1969 cấp cho ông Nguyễn Mạnh Ba, cán bộ Ty Lao động Quảng Bình.

- Phiếu cấp hàng lẻ số 257/10 năm 1973.

Phiếu vải loại 4 mét cấp cho đối tượng nhân dân.

Phiếu thịt loại E.

Giấy chứng nhận sở hữu xe đạp và thẻ mua phụ tùng xe đạp của ông Nguyễn Xuân Cảnh và ông Phạm Sâm.

Phiếu bách hoá số 1 Trường Sơn dùng để đổi lương thực khi đi qua các trạm giao liên dọc Trường Sơn.

Các loại giấy tờ lưu hành thời đó như giấy giới thiệu công tác, phiếu cấp hàng, giấy chứng nhận thu hồi phiếu gạo... đã phần nào giới thiệu cho các thế hệ trẻ ngày nay hình dung được những ngày đất nước phải trải qua trong thời kỳ bao cấp, thắt lưng buộc bụng để hoàn thành Cách mạng dân tộc, dân chủ, nhân dân.

Về các loại tiền giấy trong đợt này cũng đã sưu tập được một số tờ tiền giấy quý lưu hành các thời kỳ thuộc Pháp và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam DCCH.

Tờ giấy bạc có mệnh giá một hào, hai hào, năm hào, hai mươi xu. năm nghìn, séc lĩnh tiền mặt của ngân hàng Việt Nam từ năm 1958 đến 1975.

Các thẻ xã viên HTX tín dụng của bà Đặng Thị Hai thôn Đức Giang, Đức Ninh, Đông Hới năm 1961; thẻ xã viên HTX vay mượn của ông Đặng Úynh ngày 16/9/1961.

Những hiện vật giấy trên cho thấy lịch sử của sự phát triển giấy bạc và công tác quản lý tiền mặt của ngân hàng Việt Nam và hoạt động tín dụng nhân dân trong các thời kỳ trước đây.

### **3.5) Các tài liệu trong thời gian chống Mỹ cứu nước.**

Tài liệu thành văn sưu tầm được trong thời kỳ này là những tài liệu về các kỳ họp của HỘND, UBHC tỉnh đặc biệt là các văn bản:

Báo cáo tổng kết phong trào thi đua “Hai giỏi” 3 năm chống Mỹ cứu nước 1965 -1968 của UBHC tỉnh năm 1968.

Báo cáo tổng kết phong trào thi đua “Hai giỏi” 10 năm 1965 - 1975 của UBHC tỉnh năm 1975.

Các văn bản đó cho thấy các chủ trương lãnh đạo của Đảng bộ và điều hành của chính quyền và phong trào quần chúng nhân dân tỉnh ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Những vấn đề cần quan tâm khi nghiên cứu lịch sử thời kỳ này mà các cuốn lịch sử Đảng trong thời gian gần đây ít đề cập đến đó là chủ trương chuyển hướng lãnh đạo, chỉ đạo trong thời chiến. Qua các tài liệu sưu tầm được cho chúng ta thấy những chủ trương chuyển hướng đó thật kịp thời, sát đúng đã tạo điều kiện thúc đẩy phong trào quần chúng phát triển, động viên khí thế sản xuất và chiến đấu của nhân dân ta. Xin nêu dẫn chứng:

Tư tưởng chỉ đạo của Tỉnh uỷ khi bước vào cuộc chiến tranh là vừa đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, vừa xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Không vì có chiến tranh mà không sản xuất yêu cầu của việc đẩy mạnh sản xuất cũng có ý nghĩa sống còn như chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Trong tình hình chiến tranh ác liệt, muốn tổ chức, đẩy mạnh sản xuất phải có những phương thức hoạt động mới phù hợp với điều kiện cho phép.

Tư tưởng chỉ đạo sản xuất nông nghiệp trong thời chiến được xác định là “bám làng mà chiến đấu, bám đồng ruộng mà sản xuất, bám hố bom mà thâm canh” Để tổ chức được sản xuất, phải làm tốt công tác phòng tránh từ mỗi HTX, mỗi thôn xóm, mỗi gia đình hộ xã viên, nông dân. Ở những nơi địch đánh phá ác liệt thì việc sơ tán dân là cần thiết nhưng phải có kế hoạch bảo đảm sản xuất, nhất là trong các thời vụ. Để phát triển được sản xuất nông nghiệp trong thời chiến, tỉnh chủ trương tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất mới, củng cố hợp tác xã vững mạnh làm cơ sở cho phát triển lực lượng sản xuất. Phải tổ chức vừa sản xuất vừa chiến đấu, khẩu hiệu lúc này là “Vững tay cày, chắc tay súng; địch đến là đánh, địch đi là sản xuất: đã được các hợp tác xã nông nghiệp tổ chức quán triệt, có kế hoạch tổ chức sản xuất hợp lý bảo đảm cấy hết diện tích, nâng cao năng suất, sản lượng.

Hưởng ứng phong trào thi đua “năng suất cao, hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi, cây công nghiệp tăng”, cán bộ, xã viên hợp tác xã nông nghiệp trong toàn tỉnh đã vượt qua mọi khó khăn, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho hợp tác xã nhất là việc kiến thiết lại đồng ruộng, xây dựng chuồng trại, nhà kho, sân phơi, trang bị cơ khí nhỏ, công cụ cải tiến phục vụ việc đẩy mạnh sản xuất. Mục tiêu của sản xuất nông nghiệp được đặt ra trong thời kỳ này là “4 tấn thóc, 7 tấn màu, 3 đầu gia súc trên một héc ta gieo trồng” Trong điều kiện 48% lao động giành cho phục vụ chiến đấu và phục vụ tiền tuyến, nguồn nhân lực ở nông thôn hết sức căng thẳng, nhưng các hợp tác xã đã tạo ra sự phân công lao động mới, thích hợp với yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của cuộc chiến đấu. Các hợp tác xã đã xây dựng quyết tâm “làm ngày không đủ tranh thủ làm đêm” “mất cây này trồng cây khác”, “trời làm mất bắt đất bù” để phấn đấu đạt các mục tiêu, kế hoạch. Đi đôi với việc phân công lao động hợp lý, các hợp tác xã còn tổ chức được những đội xung kích đảm nhận và hoàn thành tốt các công việc ở những nơi ác liệt và những công việc nặng nhọc nhất như cày bừa, chăm sóc, thu hoạch bảo đảm diện tích, năng suất gieo trồng.

**Sản xuất công nghiệp:** Trong điều kiện chiến tranh ác liệt, công nghiệp địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu, phục vụ đời sống nhân dân vì vậy sản xuất công nghiệp trong thời chiến là tập trung cho việc phát triển công nghiệp địa phương. Chủ trương của tỉnh là “Toàn dân tham gia xây dựng công nghiệp địa phương”, “Tiết kiệm để xây dựng công nghiệp địa phương”. Sau khi các xí nghiệp được sơ tán đến nơi an toàn, ngành công nghiệp địa phương bắt tay vào sản xuất các mặt hàng phục vụ sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp, phục vụ chiến đấu và các nhu cầu cần thiết của nhân dân.

*Chuyển hướng trong khâu lưu thông phân phối:* Trong chiến tranh, việc lưu thông phân phối hàng hoá không thể theo phương thức tập trung với mạng lưới mậu dịch quốc doanh như trước. Yêu cầu lưu thông phân phối thời chiến là hàng hoá phải đến tận tay người tiêu dùng. Vì vậy tỉnh chỉ đạo cho các ty của ngành nội thương phân tán nhỏ lẻ các cơ sở quốc doanh, thành lập các tổ, các xe hàng đến tận trận địa, cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã để phục vụ. Đồng thời phát triển mạnh mạng lưới hợp tác xã mua bán trong toàn tỉnh để phục vụ tại chỗ các mặt hàng thiết yếu bảo đảm sinh hoạt hàng ngày của nhân dân. Cùng với việc tổ chức hệ thống HTX mua bán, mạng lưới HTX tín dụng cũng được phát triển khắp nơi, ngày càng phát huy tác dụng đối với sản xuất và đời sống. Phong trào gửi tiền tiết kiệm chống Mỹ cứu nước phát triển mạnh mẽ, bình quân đầu người năm 1965 là 20 đồng, năm 1968 lên 78 đồng.

*Chuyển hướng các hoạt động văn hoá - xã hội.*

**Giáo dục:** Ngay sau khi nổ ra chiến tranh, UBHC tỉnh chỉ đạo cho ngành giáo dục thực hiện chuyển hướng việc dạy và học của các trường phổ thông, chuyên nghiệp của tỉnh sang thời chiến. Chủ trương đó hoàn toàn phù hợp với Chỉ thị 88 ngày 5/8/1965 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn chuyển toàn bộ sự nghiệp giáo dục sang thời chiến.

Chủ trương nhất quán của Đảng và Chính phủ là bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải phát triển một cách mạnh mẽ và vững chắc. Làm thế nào để duy trì và phát

triển giáo dục với số lượng và chất lượng ngày càng cao ở tất cả các ngành học trong điều kiện chiến tranh ác liệt như tình ta là một vấn đề nan giải.

Chủ trương chuyển hướng giáo dục đối với ngành học phổ thông trước hết là “Phát triển mạnh mẽ cấp II, tích cực đưa dân cấp II về xã và tiếp tục phát triển cấp III” Kiên trì phấn đấu theo hướng đó, ngành giáo dục và đào tạo Quảng Bình luôn coi trọng việc phát triển cấp học này ở các địa phương. Chủ trương của tỉnh về phân cấp quản lý là cấp III cho huyện, cấp II cho xã, cấp I cho hợp tác xã đã thúc đẩy sự quan tâm chỉ đạo của các cấp uỷ, chính quyền địa phương và do đó số trường lớp tăng lên nhiều so với trước chiến tranh.

Chủ trương chuyển hướng giáo dục đào tạo đúng hướng đã thực hiện được mục tiêu phát triển giáo dục mạnh mẽ và vững chắc trong những năm chống Mỹ cứu nước, tạo tiền đề cho sự phát triển lâu dài về sau.

Đối với phong trào thi đua “Hai giỏi” qua các văn bản được sưu tầm cho chúng ta nhìn lại phong trào thi đua “Hai giỏi” của Quảng Bình trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước một cách đầy đủ, toàn diện và sâu sắc hơn. Phong trào thi đua “Hai giỏi” được phát động khi quân và dân Quảng Bình bắn rơi chiếc máy bay thứ 100 được Hồ Chủ Tịch gửi thư khen “như vậy tỉnh nhà chiến đấu giỏi, sản xuất cũng giỏi” tháng 7 năm 1965. Phong trào “Hai giỏi” là sự kế tiếp của phong trào thi đua yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, thi đua “Mỗi người làm việc bằng hai” do Hồ Chủ Tịch phát động vận dụng vào thực tế địa phương trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và tay sai. Phong trào đó phát triển ngày càng sâu rộng, mạnh mẽ và ngày càng phong phú đã cổ vũ, động viên thúc đẩy quân và dân Quảng Bình hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong mọi tình huống. Từ chủ trương phát động của Tỉnh uỷ phong trào thi đua đã được UBHC chỉ đạo, Mặt trận tổ quốc, các ban ngành, đoàn thể vận động, được nhân dân đồng tình hưởng ứng, lan nhanh đến từng địa phương, cơ sở, đơn vị bộ đội, dân quân tự vệ, các cơ quan, trường học, công, nông lâm trường trong toàn tỉnh. Diễn biến của phong trào thi đua “Hai giỏi” trong 4 năm là quá trình phát triển ngày càng đi đến đỉnh cao; đó là quá trình đấu tranh, xây dựng phát triển ngày càng nhiều nhân tố mới (cá nhân, gia đình và tập thể “Hai giỏi”); đó cũng là quá trình củng cố, xây dựng, phát triển các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và các đơn vị trong lực lượng vũ trang toàn tỉnh.

Thời kỳ đầu, chưa có kinh nghiệm nội dung thi đua, chưa cụ thể và phong phú nhưng phong trào bước đầu đã đẩy lên khí thế mới trong những ngày đầu chiến tranh. Qua một năm chiến đấu, tỉnh đã mở Đại hội tổng kết phong trào thi đua năm 1965, nêu gương điển hình tiên tiến, phát huy nhân tố mới đồng thời chỉ ra những hạn chế của phong trào tìm cách khắc phục, nhằm phát huy mạnh mẽ, nâng cao chất lượng phong trào và qua đó mà củng cố tổ chức, đào tạo cán bộ. Rút kinh nghiệm chỉ đạo, phong trào thi đua “Hai giỏi” phải kết hợp với thực hiện điều lệ qui định tiêu chuẩn và danh hiệu thi đua của Nhà nước, gắn với phong trào Thanh niên 3 sẵn sàng, Phụ nữ 3 đảm đang, Trí thức 3 quyết tâm và các phong trào thi đua quyết thắng trong lực lượng vũ trang.

Về tổ chức thực hiện, căn cứ vào tiêu chuẩn thi đua, cứ 6 tháng giữa năm, sau một vụ và cả năm, kết hợp với hình thức báo công, bình công mỗi người, mỗi đơn vị

đều kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu đề ra, và qua đó mà bình chọn cá nhân “Hai giỏi”, tập thể “Hai giỏi” Cũng trên cơ sở này mà qua mỗi kỳ bình chọn, phong trào thi đua được nâng cao chất lượng và bổ sung nội dung phong phú hơn.

Phong trào thi đua “Hai giỏi” bắt đầu chỉ bình chọn cá nhân “Hai giỏi” tiến tới gia đình, tổ, đội, hợp tác xã, đơn vị “Hai giỏi” và xã, huyện, ngành “Hai giỏi” toàn tỉnh “Hai giỏi” đã thúc đẩy và phản ảnh ngày càng rõ rệt sự tiến bộ về mọi mặt của quân dân cả tỉnh, của từng đơn vị, từng cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ được giao trong chiến đấu, sản xuất và đời sống. Thực tế phong trào thi đua “Hai giỏi” hàm chứa 4 nội dung: Chiến đấu và phục vụ chiến đấu giỏi; sản xuất và chấp hành chính sách tốt; xây dựng và tổ chức đời sống tốt; xây dựng con người mới có phẩm chất và đạo đức trong sạch, lành mạnh, tình nghĩa, thủy chung.

Do chất lượng phong trào “Hai giỏi” được nâng cao, tiêu chuẩn toàn diện hơn, năm 1967, UBHC tỉnh hướng dẫn thống nhất danh hiệu “Hai giỏi” với danh hiệu “Lao động tiên tiến” của Nhà nước. Sự thống nhất này phản ánh sự phát triển của phong trào, là cơ sở thực tế phản ánh tính chất toàn diện của danh hiệu thi đua Nhà nước.

Phong trào quần chúng thi đua đạt danh hiệu “Hai Giỏi” đã trở thành nếp sống thường xuyên, một nội dung sinh hoạt chính trị phong phú và đã trở thành ý thức chính trị của quân và dân Quảng Bình; cổ vũ, động viên khí thế Cách mạng tiến công liên tục của quân dân tỉnh ta, xây dựng cho mọi người tinh thần ngoan cường, dũng cảm xả thân cứu nước, tinh thần quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược. Phong trào “Hai giỏi” đã giáo dục sâu sắc và góp phần xây dựng con người mới yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tạo ra lực lượng và khả năng mới. Trong 4 năm, qua phong trào “Hai giỏi” 78.000 người được đào tạo, đề bạt từ tổ, đội, đơn vị sản xuất, dân quân tự vệ, xã huyện, tỉnh trở thành lực lượng cán bộ nòng cốt cho tỉnh. Phong trào “Hai giỏi” còn có tác dụng tích cực trong công tác củng cố, phát triển tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, đoàn thể, các ban ngành tỉnh và huyện.

Những tư liệu thành văn trong thời kỳ này không chỉ có ý nghĩa trong công tác Bảo tàng trưng bày, trong nghiên cứu một giai đoạn lịch sử mà còn có ý nghĩa thực tiễn, rút ra những bài học kinh nghiệm cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan lãnh đạo, quản lý ngày nay.

Bên cạnh những tài liệu thành văn, chúng tôi cũng đã sưu tầm được một số hiện vật có giá trị.

Đó là những thư khen của Hồ Chủ Tịch, huân huy chương, bằng khen, giấy báo công cho các cá nhân tập thể đã có thành tích trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước như:

Thư Hồ Chủ Tịch khen đồng bào, bộ đội và cán bộ Quảng Bình ngày 9/4/1968 nhân dịp tỉnh nhà bắn rơi 400 máy bay giặc Mỹ được Ty Thông tin Quảng Bình ấn hành để gửi về các địa phương cơ sở.

Giấy báo công của Ty Công an Quảng Bình ngày 30/10/1968 chứng nhận đồng chí Phan Liên là chiến sĩ “Hai giỏi” năm 1965, 1966, 1967.

Bảng ghi công của BCH đoàn TNLD Hồ Chí Minh Giao thông vận tải Trung ương cấp cho đồng chí Trà Đình Xuân và Trần Thị Nụ đã có công hiến trên mặt trận giao thông vận tải.

- Giấy chứng nhận đeo huy chương...

Một trong những tài liệu quý trong thời kỳ này là các di vật, thư từ của các liệt sĩ. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hàng vạn con em Quảng Bình chiến đấu trên khắp các chiến trường đã nhận được tình cảm của gia đình từ hậu phương và đó chính là nguồn sức mạnh giúp cho họ chiến đấu quên mình, vượt qua mọi gian khổ hy sinh. Trong lần sưu tầm hiện vật lần này đã sưu tầm được nhiều hiện vật quý. Đó là các lá thư của bố, mẹ, vợ, con từ hậu phương gửi ra tiền tuyến. Chúng ta thực sự xúc động khi đọc những lá thư của ông Thái Niệm là cha; của chị Nguyễn Thị Kinh là vợ; của Thái Thị Thuý, Thái Thị Phong là con gửi cho đồng chí Thái Bá Nhiệm (nguyên là cán bộ quân đội, ủy viên Trung ương Đảng, bí thư Tỉnh ủy Quảng Bình) đang chiến đấu ở chiến trường.

Lá thư của ông Thái Niệm viết cho đồng chí Thái Bá Nhiệm đề ngày 31 tháng 3 năm 1967 có đoạn viết: “ở nhà tưởng tượng con vào trong ấy chắc gặp phải nhiều gian khổ, nhưng vì Tổ quốc, vì nhân dân nên phải lo làm tròn nhiệm vụ. Chỉ cầu mong cho con được mạnh khoẻ là điều vui hơn cả.”

Thư ngày 2/1/1968 (lúc này quân dân ta đang mở cuộc tiến công Mậu Thân 1968), ông Thái Niệm viết: “Bộ đội gian khổ đã đành, nông dân ở hậu phương cũng phải gian khổ nhiều. Qua những đợt giặc bắn phá thôn xóm thì tinh thần có hơi giao động nhưng sau năm mươi bữa thì lại được củng cố ngay, mặt trận sản xuất được giữ vững, nghe tin chiến thắng thì lòng rất phấn khởi, họ quên cả gian khổ hy sinh chỉ mong ước sao cho đến ngày được hoà bình thống nhất. Ba mẹ cầu mong cho con được luôn mạnh khoẻ, gia đình được sum họp, được sum họp được gặp mặt nhau là niềm vui sướng hơn cả...”

Thư của con gái Thái Thị Phong gửi cho đồng chí Thái Bá Nhiệm đề ngày 2/7/1973 có đoạn: “Ba ở trong ấy có khoẻ không, chắc ba đang cùng các chú bộ đội ngày đêm chiến đấu giải phóng đất nước đưa lại hoà bình cho dân tộc, cho Nam, Bắc sum họp một nhà. Đến khi nước nhà sạch bóng quân xâm lược, chắc ngày đó sẽ không xa...”

Thư của con gái Thái Thị Thu Thuý gửi cho đồng chí Thái Bá Nhiệm ngày 14/9/1973 (lúc này đã ký Hiệp định Pa ri) có đoạn: “ở quê ta sau ngày hoà bình lập lại đến nay đã khác nhiều lắm, nhà cửa lại dựng lên, cây cối lại xanh tốt, cuộc sống hiện nay vui lắm mọi người đi qua đây khó mà biết được trên mảnh đất này đã xảy ra một cuộc chiến tranh tàn phá ác liệt do đế quốc Mỹ gây ra, ba ạ. Ngày lễ quốc khánh 2/9 vừa qua huyện ta tổ chức đua thuyền vui lắm...”

Trong những lá thư gửi đồng chí Thái Bá Nhiệm có thư của vợ là chị Nguyễn Thị Kinh, đã vào chiến đấu ở chiến trường B viết vội trên đường giao liên (sau này chị đã hy sinh). Đọc những lá thư được sưu tầm, gửi cho đồng chí Thái Bá Nhiệm chúng ta có thể hiểu được không những tình cảm của hậu phương Quảng Bình đối với tiền tuyến mà còn thấy được ý chí nghị lực của nhân dân ta quyết đánh quyết thắng giặc Mỹ xâm lược.

Trong số giấy tờ là di vật của chị Nguyễn Thị Kinh có giấy chứng nhận tốt nghiệp y tá phòng hậu cần B3 Viện 211 cấp tháng 5 năm 1968; giấy chứng minh tại chiến trường B3; giấy giới thiệu về đổi tiền Trường Sơn lấy tiền Miền Bắc; giấy giới thiệu của Phòng Chính trị B3 cho về nghỉ phép ở huyện Lệ Thủy.

Trong số những tư liệu giấy sưu tầm lần này, Bảo tàng cũng đã thu thập được nhiều giấy báo hy sinh cả các liệt sĩ ở các miền quê Quảng Bình. Đặc biệt, chúng tôi đã được bà Hoàng Thị Chính mẹ của liệt sĩ Nguyễn Đức Kỳ (con trai của đồng chí Nguyễn Đức Đăng- nguyên Tỉnh uỷ viên, bí thư thị uỷ Đồng Hới) trao lại những di vật của liệt sĩ. Đó là quyển học bạ trường phổ thông cấp 2, cấp 3; những lá thư của Nguyễn Đức Kỳ gửi cho gia đình; cuốn sổ tay chép những bài thơ trong tập thơ “Hoa rừng” anh viết trên đường ra trận; hai bài thơ của nhà thơ Xuân Hoàng (bác của Nguyễn Đức Kỳ) viết khi được tin người cháu mình hy sinh và khi qua vùng đất Quảng Đà nơi Nguyễn Đức Kỳ ngã xuống; những bài thơ của cô giáo, bạn học viết về người học trò, người bạn đã hy sinh vì sự nghiệp giải phóng đất nước.

Trong lá thư đề ngày 25/7/1974, Kỳ viết: “Bộ phận chiến đấu vào miền Quảng Nam, Quảng Ngãi gì đó... vừa rồi đơn vị đã đánh một trận diệt gọn hai tiểu đoàn địch, san bằng căn cứ Phú Bài và bắn đạn súng lớn làm cháy một kho xăng dầu đạn dược của địch...” Không chỉ kể chuyện chiến trường, những lá thư của Nguyễn Đức Kỳ còn thể hiện tình cảm thương yêu vô hạn với cha mẹ, dặn dò các em chăm ngoan học giỏi giúp đỡ cha mẹ hàng ngày.

Viết về người cháu của mình đã anh dũng hy sinh ở Thượng Đức, nhà thơ Xuân Hoàng viết:

... Trên tuyến đường thiên lý xuống phương Nam,  
Thượng Đức trái đường, bác không ghé được:  
Cái chấm đỏ trong tình thương của bác  
Cứ xông xáo ngang sông nước Thu Bồn.  
Dẫu bác chưa lên tận chỗ cháu nằm  
Nhưng Thượng Đức cũng đã liền nóm ruột  
Bác cứ nghĩ đó là tình đất nước  
Từng quỳen vào sông núi ngàn năm

Cô giáo Phạm Thị Minh Nga, giáo viên trường cấp III Đồng Hới, cảm xúc khi được tin Kỳ hy sinh đã không nén được viết bài thơ khóc “Kỳ ơi” và tự hào vì đã có người học trò ngoan đã xả thân vì nước:

Suối vàng an nghỉ em ơi  
Cô vui vì được làm người dạy em

Những lá thư đó không chỉ có giá trị về tinh thần, tình cảm gia đình, của hậu phương đối với tiền tuyến mà là những tư liệu lịch sử trung thực phản ánh một giai đoạn lịch sử hào hùng của dân tộc qua từng con người cụ thể giúp cho công tác Bảo tàng, những người nghiên cứu lịch sử hiểu được bức tranh toàn cảnh của cuộc chiến tranh đã qua.

Với những tài liệu thành văn và những tư liệu gốc (bằng giấy) đã chứng minh rằng kho tàng di tích lịch sử, văn hoá trong nhân dân còn rất phong phú. Việc sưu tầm cần phải được phát động rộng rãi trong nhân dân để có thể dựng lại lịch sử một

vùng đất Quảng Bình phong phú và đa dạng hơn, có ý nghĩa giáo dục thế hệ trẻ, góp phần xây dựng một nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Quảng Bình là vùng đất có lịch sử và truyền thống văn hoá lâu đời, ngay từ buổi đầu dựng nước, là vùng đất giàu truyền thống yêu nước và đấu tranh Cách mạng. Quảng Bình lại là nơi giao lưu, hội tụ của nhiều nền văn hoá cổ: Hoà Bình, Đông Sơn, Sa Huỳnh, Chăm Pa, Đại Việt... để từ đó hình thành nơi đây một vùng văn hoá mang nhiều yếu tố của các nền văn hoá trong khu vực mà bao trùm lên là hai nền văn hoá lớn của thế giới: Văn hoá Ấn Độ và văn hoá Trung Hoa.

Quảng Bình cũng là mảnh đất của: “Địa linh nhân kiệt”, với nhiều tên núi, tên sông, tên làng đã đi vào lịch sử. Ngày nay dấu ấn các công trình kiến trúc cổ như thành luỹ, đình chùa, đền miếu vẫn còn lưu lại để minh chứng cho một thời đại đã qua.

Con người Quảng Bình sinh ra và lớn lên đã phải chịu nhiều gian khổ, mất mát, hy sinh do thiên tai và các cuộc chiến tranh thường xuyên diễn ra nơi đây, nhưng lại có truyền thống hiếu học. Quảng Bình có nhiều nhà khoa bảng đỗ đạt cao qua các kỳ thi, có nhiều làng quê văn vật nổi tiếng trong lịch sử mà tiêu biểu là “Bát danh hương”

Kế thừa truyền thống yêu nước, bất khuất của dân tộc, thế hệ các lớp người Quảng Bình đã đứng lên cầm vũ khí để bảo vệ quê hương, làng xóm trước hoạ ngoại xâm, góp phần làm nên trang sử vàng oanh liệt của dân tộc mà tiêu biểu là thắng lợi to lớn của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đưa nước nhà đi đến độc lập thống nhất, giang sơn thu về một mối.

Lịch sử tự nhiên và lịch sử xã hội hàng ngàn năm qua đã để lại cho Quảng Bình một gia tài văn hoá quý báu bao gồm những giá trị tinh hoa của truyền thống văn hoá lâu đời, của vùng đất đó là truyền thống siêng năng, cần cù, chịu khó trong lao động sản xuất; anh dũng, kiên cường, hy sinh trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm và hiểm hoạ thiên tai; son sắt thuỷ chung trong cuộc sống cộng đồng, chia ngọt, xẻ bùi trong khó khăn, hoạn nạn; Những thuần phong, mỹ tục được chăm lo vun đắp, gìn giữ và không ngừng được bổ sung làm giàu thêm với việc tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hoá mới của nhân loại. Một hệ thống các giá trị văn hoá truyền thống đã được nảy sinh và phát triển trên mảnh đất này, đó là hàng trăm các di tích và danh lam thắng cảnh được công nhận và đưa vào danh sách di sản văn hoá, đó là hàng nghìn, hàng vạn các văn vật, hiện vật, tư liệu lịch sử có giá trị văn hoá cao đã được sưu tầm, giữ gìn và bảo vệ. Đây thực sự là nguồn vốn, nguồn di sản văn hoá quý giá với các loại hình thuộc văn hoá vật thể và văn hóa phi vật thể cần được trân trọng và bảo tồn, gìn giữ.

Qua thực tế bắt tay vào triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học “Điều tra, sưu tầm tư liệu lịch sử, văn hoá Quảng Bình trước năm 1975”, sau 18 tháng điều tra, sưu tầm tại 5 tỉnh, thành phố: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Huế (tỉnh Thừa Thiên Huế), thành phố Vinh (tỉnh Nghệ An) và trên nhiều địa bàn phường, xã thuộc thành phố Đồng Hới, Tuyên Hoá, Minh Hoá, Quảng Trạch, Bố

Trạch, Lê Thuỷ tại 35 đơn vị và hàng trăm địa điểm được điều tra. Kết quả đã sưu tầm được tổng cộng: 2.815 đơn vị tư liệu; Trong đó có 1586 ảnh tư liệu và 1229 đơn vị tư liệu giấy.

Nhìn chung các tư liệu qua điều tra, sưu tầm về đều là những tư liệu gốc có giá trị nghiên cứu giá trị khoa học và thực tiễn: Qua phần tư liệu trên đây chúng tôi rút ra một số nhận xét như sau:

Giúp chúng ta hiểu sâu sắc thêm về các thời kỳ, giai đoạn lịch sử đã diễn ra trên mảnh đất Quảng Bình với những đặc điểm riêng biệt, cụ thể và chân thực về đất nước, con người Quảng Bình qua các thời kỳ.

- Các tư liệu cung cấp cho chúng ta những hình ảnh, bài viết sinh động về lối sống, các phong tục tập quán, các điều kiện sinh hoạt vật chất và tinh thần của nhân dân Quảng Bình trong thời bình cũng như trong thời chiến, từ đó giúp ta thấy tâm vóc, giá trị lịch sử, văn hoá của Quảng Bình

Những tư liệu thành văn, những hình ảnh tư liệu lịch sử có trước năm 1975 không chỉ là nguồn tư liệu có ý nghĩa trong công tác Bảo tàng, nghiên cứu lịch sử, văn hoá mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong việc rút ra những bài học lịch sử, bài học kinh nghiệm quý báu cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan lãnh đạo, cơ quan quản lý Nhà nước.

- Đối với những tư liệu được sưu tầm về ngoài địa bàn Quảng Bình, từ những người con Quảng Bình xa xứ, càng giúp chúng ta hiểu rõ hơn mảnh đất, con người Quảng Bình dưới góc nhìn của nhà văn, nhà báo, nhà quân sự hay của một văn nghệ sĩ, qua đó thấy được tâm tư, tình cảm của người Quảng Bình dù có đi xa vẫn luôn hướng về quê hương, nơi chôn rau cắt rốn.

Nhân đây, chúng tôi có một số kiến nghị đề xuất như sau:

1. Qua các đợt điều tra, sưu tầm trong quá trình thực hiện nội dung đề tài này, chúng tôi nhận thấy trên phạm vi tỉnh Quảng Bình và nhiều cơ quan, đơn vị lưu trữ, nghiên cứu khoa học, cơ quan báo chí ở ngoài tỉnh... Vẫn đang còn lưu giữ một khối lượng lớn các hệ thống tư liệu, lịch sử, văn hoá Quảng Bình qua nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau mà chủ yếu và nhiều nhất, phong phú nhất vẫn là dưới thời kỳ các chúa Nguyễn và Vương triều Nguyễn; thời kỳ thực dân Pháp cai trị nước ta và thời kỳ trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Để sưu tầm, tập hợp lại được các hệ thống tài liệu trên đây một cách đầy đủ và toàn diện đòi hỏi phải có một nguồn kinh phí tương đối lớn và một đội ngũ cán bộ có nghề nghiệp, tâm huyết và được tiến hành trong nhiều năm, tại nhiều địa điểm đã được nghiên cứu, lựa chọn.

2. Để bảo tồn gìn giữ được lâu dài nguồn tư liệu ảnh, tư liệu giấy hiện có trên địa bàn toàn tỉnh và các địa phương có người Quảng Bình sinh sống và công tác, Nhóm nghiên cứu đề tài kính đề nghị UBND tỉnh và các đơn vị liên quan cho phép triển khai thực hiện các đề tài điều tra, nghiên cứu, sưu tầm về các tư liệu lịch sử, văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể, để nguồn tài liệu không bị mất mát, xuống cấp và bị quên lãng.

CƠ QUAN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

AO TÁN  
ÔNG TÁN  




## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình: Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình Tập I (1930 - 1954) - tháng 2 năm 1995.
2. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình: Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình Tập II (1954 - 1975) - Đồng Hới, tháng 2 năm 2000.
3. Ban chấp hành Đảng bộ Đồng Hới: Lịch sử Đảng bộ Đồng Hới (1930 - 1975) - Xuất bản 1997.
4. Đảng bộ tỉnh Quảng Bình: Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 14-nhiệm kỳ 2005 - 2010 - Đồng Hới năm 2005.
5. Đào Duy Anh: Đất nước Việt Nam qua các đời - NXB khoa học - H 1964
6. Đặng Thị Kim Liên: Địa chí làng Đức Phổ Hội văn học nghệ thuật Quảng Bình - 2006.
7. Đặng Đức Siêu: Hành trình văn hoá Việt Nam - NXB Lao động - H. 2002.
8. Dương Văn An: Ô châu cận lục - Văn hoá Á châu - S.1961.
9. F.Mayor: Bài phát biểu nhân dịp lễ phát động thập kỷ quốc tế phát triển văn hoá tại Pa ri ngày 21/01/1998.
- 10.Hội liên hiệp phụ nữ Quảng Bình: Lịch sử phong trào đấu tranh Cách mạng phụ nữ Quảng Bình 1930 - 1975 - Sơ thảo - năm 1995.
- 11.Luật di sản văn hoá - NXB Chính trị quốc gia - H 2001.
- 12.Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Bình: Lịch sử phong trào công nhân và Công đoàn tỉnh Quảng Bình Tập I (1885 - 1975) NXB Lao động H.1998.
- 13.Lương Duy Tâm: Địa lý lịch sử Quảng Bình Bảo tàng Quảng Bình 1998.
- 14.Ngô Đức Thịnh: Trang phục cổ truyền các dân tộc Việt Nam NXB Văn hoá các dân tộc - H 1994.
- 15.Nguyễn Đăng Duy: Văn hoá học Việt Nam NXB Văn hoá thông tin H 2002.
- 16.Nguyễn Thế Hoàn: Giá trị tinh thần truyền thống con người Quảng Bình - NXB Thuận Hoá - 2001.
- 17.Nguyễn Tú: Quảng Bình nước non lịch sử - Sở Văn hoá thông tin Quảng Bình - 1998.
- 18.Nguyễn Tú: Địa chí Đồng Hới - UBND thành phố Đồng Hới - 2004.

19. Nguyễn Tú: Những nét đẹp về văn hoá cổ truyền Quảng Bình Hội văn học nghệ thuật Quảng Bình - NXB Thuận Hoá 2007.
20. Sở khoa học Công nghệ và môi trường: Kỷ yếu Hội thảo khoa học xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình năm 2001 Toan Ánh: Làng xóm Việt Nam - NXB trẻ - TP HCM. 2005.
21. Tài liệu lưu trữ Phủ Thủ tướng - Hồ sơ 119.
22. Tài liệu lưu trữ - Trung tâm lưu trữ quốc gia III.
23. Toan ánh: Làng xóm Việt Nam - NXBT TP HCM. 2005.
24. Tư liệu mạng Internet Quảng Bình bách khoa toàn thư tháng 10 năm 2008.
25. Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh: Quảng Bình kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954) - năm 1991.
26. Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh: Lịch sử Quảng Bình chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975) xuất bản 22/12/ 1994.
27. Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy, Ban giám đốc Công an tỉnh Quảng Bình: Lịch sử Công an nhân dân Quảng Bình - Xuất bản tháng 8 năm 1995.
28. Thị ủy, Đảng ủy, Ban chỉ huy quân sự thị xã Đồng Hới: Lực lượng vũ trang nhân dân thị xã Đồng Hới 50 năm xây dựng chiến đấu trưởng thành 1945 - 1975 - Xuất bản tháng 8 năm 1996.
29. Trần Sự: Tháng ngày chưa xa - NXB Quân đội nhân dân - H 2008.
30. Ủy ban nhân dân Đồng Hới: Đồng Hới một chặng đường lịch sử - Nhiều tác giả Xuất bản tháng 8 năm 2004.
31. Ủy ban quốc gia thập kỷ quốc tế phát triển văn hoá: Thập kỷ thế giới phát triển văn hoá; UBQG về TKQTPTVH Bộ văn hoá, Thông tin và Thể thao NXB Thế giới năm 1992.
32. Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 BCH TW khoá VIII - NXB Chính trị quốc gia H 1998.

\*\*\*\*\*



